

Văn nghệ

BÌNH ĐỊNH

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Phó Tổng Biên tập:
MAI THÌN
- ★ Thư ký Tòa soạn:
PHẠM KIM SƠN
- ★ Tòa soạn và trị sự:
103 Phan Bội Châu
TP. Quy Nhơn - Bình Định
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghebinhdinhct@gmail.com

TRONG SỐ NÀY

Thời đàm

DƯƠNG HIẾU * Lá phiếu gửi trao và kỳ vọng 3

Làm theo gương Bác

QUY THÀNH * Chuyển biến tích cực trong học tập
và làm theo gương Bác 5

Bút ký

BÙI TẤN PHƯỚC * Rừng Bà Bơi tình người tình đất 8

Ghi chép

PHI NGUYỄN * “Thấp lửa” văn hóa đọc 13

Thơ

LỆ THU, MAI THÌN, LÂM HUY NHUẬN, NGUYỄN THÁNH NGÃ, HOÀNG THỤY ANH,
TRẦN NGỌCTUẤN, LÊ ẮN, ĐOÀN VĂN SÁNG

Truyện ngắn

TRIỀU LA VỸ * Đàn châu chấu ma 32

HƯƠNG VĂN * Bơi đêm 40

Nghiên cứu, phê bình

CHÂU MINH HÙNG * Giải kiến tạo kiến trúc Chăm 50

VÕ MINH HẢI * Công chúa Lê Ngọc Hân
và bài *Tế Quang Trung* để văn bằng chữ Nôm 56

Thơ và lời bình

TUỆ MỸ * Những ngọn gió phận người 62

Chân dung văn nghệ sĩ

ĐỨC LINH * Lặng lẽ trên từng trang viết... 65

Văn học nước ngoài

Thơ Naomi Shihab Nye * MỘC NHÂN LÊ ĐỨC THỊNH (dịch) 68

Độc sách

NGUYỄN VĂN HÒA * Tấm lòng thao thiết của người trẻ trước cuộc đời 73

Văn trẻ

HOÀNG KHÁNH DUY * Chạy trốn tình yêu 75

Thơ NGUYỄN VĂN BÚT 80

Văn học thiếu nhi

MAI NGUYỄN * Bướm Vàng, Kiến Nâu và Ong Mật 82

Thơ PHẠM ANH XUÂN 85

Bình Định mến yêu

NGUYỄN THẾ KHOA * Bi kịch làm người trong tuồng *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo* 87

Tản văn

SAO LY * "Phở Bằng" của gia đình tôi 92

NGUYỄN CHÍ NGOAN * Trong lặng im những mùi... 94

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

THẾ TUYÊN, VŨ THÀNH - PHẠM KHẮC QUANG, NGUYỄN TRẦN ƯU ĐÀM, VŨ XUÂN ĐÔNG,
NGUYỄN THẾ SƠN - NGUYỄN TÙNG ĐỆ, NGUYỄN TIẾN DŨNG, NGUYỄN NGỌC TUẤN,
NGUYỄN XUÂN TUYẾN

* Tranh bìa 1: *Ngày hội của toàn dân* - Tranh cổ động (Tác giả Trịnh Bá Quát - Hà Nội)

Bìa: *Họa sĩ Lê Duy Khanh*

Trình bày: **Kim Sơn**

*Giấy phép xuất bản số 1656/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 11.9.2012.
In tại Công ty In Nhân Dân Bình Định, 339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4.2021*

Lá phiếu gửi trao và kỳ vọng

DƯƠNG HIẾU

Ngày 23 tháng 5 năm 2021 được ấn định là ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp.

Những ngày cuối tháng Tư này, cuộc chuẩn bị cho bầu cử Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đã đi vào giai đoạn cuối. Ở tỉnh ta, Hội nghị Hiệp thương lần thứ ba do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức đã thống nhất danh sách gồm 13 người (trong đó có 3 người Trung ương đưa về) đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV để chọn ra 7 đại biểu; 95 người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII để bầu chọn 57 đại biểu. Các danh sách này đều đã được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú. Có 2 trường hợp tự ứng cử Quốc hội thì một đã tự rút vì lý do do sức khỏe và một không đủ phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú.

Từ đầu tháng 5 đến ngày 13 tháng 5, liên tục là những hội nghị tiếp xúc cử tri với những người ứng cử đại biểu Quốc hội nhằm tạo điều kiện cho những người ứng cử gặp gỡ, tiếp xúc cử tri để báo cáo dự kiến chương trình hành động của mình, thực hiện trách nhiệm nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đồng thời trao đổi, ghi nhận những vấn đề cử tri kiến nghị và quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc và hiểu rõ hơn những người ứng cử, để cân nhắc, lựa chọn, bầu những người thực sự có tâm, có tài làm đại biểu Quốc hội. 34 địa điểm tiếp xúc cử tri đã được hoạch định tại 3 đơn vị bầu cử. Đơn vị bầu cử số 1 gồm thành phố Quy Nhơn và 4 huyện: Tuy Phước, Vân Canh, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh được tổ chức 12 điểm, cụm điểm. Đơn vị bầu cử số 2 gồm thị xã An Nhơn và 2 huyện: Phù Cát, Hoài Ân được tổ chức 12 cụm điểm. Đơn vị bầu cử số 3 gồm thị xã Hoài Nhơn và 2 huyện: Phù Mỹ, An Lão được tổ chức 10 cụm điểm.

Từ ngày 6 đến ngày 14 tháng 5, các hội nghị tiếp xúc cử tri với những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 – 2026 cũng được tổ chức tại 144 điểm, cụm điểm tiếp xúc ở 19 đơn vị bầu cử.

Cái khó của các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND lâu nay là giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu về chất lượng đại biểu và yêu cầu đảm bảo cơ cấu, thành phần hợp lý. Ai cũng biết muốn có một Quốc hội mạnh thì trước hết phải có những đại biểu Quốc hội đủ tâm và đủ tầm trí tuệ để bàn việc nước, việc dân;

muốn có những đại biểu tâm huyết, vì dân thì đầu tiên phải có nhiều ứng cử viên chất lượng để cử tri lựa chọn. Có thể thấy trong chặng đường làm công tác “chuẩn bị nhân sự” vừa qua, chất lượng người ứng cử trong cả nước nói chung và tỉnh Bình Định đã rất được coi trọng! Chất lượng người ứng cử thể hiện ở năng lực, trình độ và kinh nghiệm; nếu người ứng cử trẻ tuổi, kinh nghiệm còn ít, cần thể hiện năng lực xuất sắc trong lĩnh vực công tác. Chất lượng người ứng cử còn thể hiện ở bản lĩnh, phẩm chất về chính trị, đạo đức lối sống bởi người có bản lĩnh thì không ngại va chạm, diễn đạt, trình bày, lập luận các vấn đề dân quan tâm sẽ rõ ràng, khúc chiết, thuyết phục được mọi người. Chất lượng người ứng cử còn thể hiện ở tầm hiểu biết về chính sách pháp luật để khi gặp phải bất cứ công việc gì trong giám sát hay trong xây dựng pháp luật có thể đưa ra chính kiến bảo vệ được quyền con người, quyền công dân...

Kỳ bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp diễn ra vào thời điểm có ý nghĩa đặc biệt không chỉ mang tầm của một sự kiện chính trị quan trọng bậc nhất của đất nước, mà cùng với thành công rực rỡ từ Đại hội XIII của Đảng, một đại hội được giới nghiên cứu đánh giá là đi vào lịch sử khi chuyển giai đoạn phát triển của đất nước từ thời kỳ phát triển để tạo thế và lực sang giai đoạn phát huy đến mức cao nhất tất cả các thế và lực đã tích lũy được để có thể cất cánh! Vai trò của Quốc hội là tìm chọn, chuẩn y và bầu ra những gương mặt xứng tầm để lãnh đạo đất nước trong thời kỳ lịch sử hết sức quan trọng ấy. Quốc hội không chỉ đóng vai trò hoạch định chính sách, bổ sung điều luật hay ban hành những quy chế ở tầm quốc gia, mà còn là cơ quan giám sát hữu hiệu và sắc bén. Trong bối cảnh ấy, những đại biểu Quốc hội được chọn trong kỳ bầu cử này cũng sẽ có những đòi hỏi đặc biệt hơn. Ngày bầu cử (23.5.2021) còn là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý, dân chủ sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đây cũng là cơ hội để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua việc lựa chọn, bầu ra những người tiêu biểu, có đức, có tài, xứng đáng đại diện cho nhân dân tại Quốc hội và HĐND các cấp.

Việc tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cũng là hành động cụ thể nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Hiến pháp 2013 và các Luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

Kết quả của cuộc bầu cử sẽ góp phần quan trọng vào việc phát huy dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Toàn dân đang trông chờ những quyết sách lớn ở tầm quốc gia sẽ được Quốc hội thông qua; toàn tỉnh trông chờ vào những thành công mới từ việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX do HĐND các cấp góp sức. Vì vậy, gương mặt mà Quốc hội được bầu ra, gương mặt đại biểu HĐND các cấp được trao gửi phải thật sự đủ tâm, đủ tài, đủ đức để có thể đưa đất nước, đưa tỉnh nhà cất cánh!

D.H

Chuyển biến tích cực trong học tập và làm theo gương Bác

QUY THÀNH



Đồng chí Nguyễn Phi Long, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo gương Bác. Ảnh: P.V

nhân dân; xuất hiện ngày càng nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực.

Nâng cao về nhận thức

Các cấp ủy, tổ chức đảng chú trọng việc học tập, quán triệt, tuyên truyền chuyên đề toàn khóa, chuyên đề hàng năm về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Qua đó, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức sâu sắc hơn, xác định rõ trách nhiệm trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác.

Các địa phương, đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc học tập và làm theo gương Bác gắn với tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh. Các cơ quan báo chí trong tỉnh mở chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề phản ánh các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt việc tốt trong việc học tập và làm theo gương Bác. Các ngành, địa phương biên soạn và phát hành tài liệu, đề cương tuyên truyền; tổ chức các hoạt động cổ động trực quan, các hội thi, diễn đàn, tọa đàm về Bác; viết nhật ký làm theo lời Bác; tổ chức chiếu phim, thuyết trình

phim về cuộc đời hoạt động của Bác; tổ chức về nguồn “Hành trình theo chân Bác”; sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; đăng tải các bài viết trên các trang thông tin điện tử, bản tin của ngành, cơ quan, đơn vị... Nhờ vậy, lan tỏa rộng rãi những điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác, góp phần nhân rộng cái hay, cái đẹp, gương người tốt việc tốt trong xã hội.

Xác định việc học và làm theo gương Bác là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên, các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp gắn với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Trong đó xác định các nội dung đột phá, tạo sự chuyển biến trong thực hiện nhiệm vụ như: Thành ủy Quy Nhơn với “Bảo đảm trật tự đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường”, Thị ủy Hoài Nhơn với “Nêu gương sáng, nói đi đôi với làm, xây dựng thị xã nông thôn mới và đô thị văn minh”, Đảng ủy Quân sự tỉnh với “Nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, giáo dục đào tạo; thực hiện tốt dân chủ, chấp hành kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy”,... Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua như: Tuổi trẻ Bình Định chung tay xây dựng nông thôn mới, Thanh niên nông thôn thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Thanh thiếu niên trong trường học thực hiện “Sinh viên 5 tốt”, “Học sinh 3 rèn luyện”,...

Trong 5 năm qua, các cấp ủy đảng đã gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhất là trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình nhằm khắc phục có hiệu quả những hạn chế, khuyết điểm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Các chi bộ thôn, khu phố đã phân công hơn 29.220 đảng viên phụ trách hơn 369.580 hộ gia đình trên địa bàn dân cư. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân.

Việc đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt chi bộ đã trở thành nền nếp, giúp sinh hoạt chi bộ thường kỳ trở nên thiết thực, cụ thể hơn, góp phần giáo dục đảng viên giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Chuyển biến về hành động

Qua học tập và làm theo gương Bác, hầu hết cán bộ, đảng viên trong tỉnh đã nêu cao ý thức tự giác, gương mẫu trong học tập, công tác và rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống. Tinh thần trách nhiệm đối với công việc, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được nâng lên; tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng được phát huy. Từ các phong trào thi đua yêu nước, xuất hiện ngày càng nhiều các gương người tốt việc tốt trên các mặt đời sống xã hội, nhất là trong học tập, công tác, xóa đói giảm nghèo, thiên tai bão lũ,...

Nét nổi bật là gắn việc học tập và làm theo gương Bác với cải cách hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tập trung thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đến nay, 100% các cơ quan hành chính cấp tỉnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ hành chính công, 100% cơ quan hành chính các cấp triển khai thực hiện phần mềm một cửa điện tử. Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, bổ sung và ban hành tiêu chí, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị theo phương châm sát hợp với chức năng, nhiệm vụ, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện và dễ đánh giá. Một số địa phương xác định việc chấn chỉnh lề lối, tác phong công tác của cán bộ, đảng viên là chủ đề hành động của toàn đảng bộ như: Thị ủy An Nhơn với chủ đề “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tận tâm, tận tụy, hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ sự nhân dân”; huyện ủy Phù Cát với chủ đề “Xây dựng bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”; huyện ủy Vĩnh Thạnh với chủ đề “Cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, năng động, sáng tạo, hết lòng vì dân”...

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các phong trào thi đua yêu nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đạt được kết quả tích cực. Phong trào “Tinh Bình Định chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” được triển khai rộng khắp, ngày càng phát huy hiệu quả đã huy động được các nguồn lực xã hội tạo sinh kế và cải thiện đời sống cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế địa phương; tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh giảm qua từng năm, đến nay còn 3,43%. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện trong toàn tỉnh luôn được quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực; tổng giá trị của các hoạt động nhân đạo, từ thiện trong 5 năm qua lên đến hàng trăm tỷ đồng; riêng năm 2020, tổng giá trị đạt trên 120 tỷ đồng. Phong trào thi đua “Tinh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới” được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tham gia và đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, toàn tỉnh có 86/121 (71,07%) xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 4 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được triển khai đến các doanh nghiệp, cơ sở, hộ sản xuất...

Kết quả 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã góp phần rất quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đưa Bình Định trở thành tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung.

Q.T

KỶ NIỆM 46 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30.4.1975 – 30.4.2021)

Rừng Bà Bơi tình người tình đất

BÙI TẤN PHƯỚC

Những ngày tháng Tư này, khi hào khí rầm rập tiến quân như vũ bão về phía Sài Gòn của quân giải phóng từ 46 năm trước được các phương tiện truyền thông liên tục nhắc nhớ, tôi lặng lẽ ngược đường về hướng núi Hoài Ân, tìm đến những người chiến sĩ từng chiến đấu trong đội hình Sư đoàn 3 Sao Vàng để được nghe những điều chưa biết về một thời hoa lửa của cha anh và ngắm rừng Bà Bơi trong ánh ngày mới.

Tôi gặp vợ chồng chú Lê Văn Nam - Phạm Thị Hồng Vân và cô Nguyễn Thị Sáu là những chiến sĩ Sư đoàn 3 Sao Vàng năm xưa, giờ đang an sống bên con cháu ở xã Ân Nghĩa (Hoài Ân). Chú Nam nguyên là chiến sĩ trinh sát, rành đường thuộc lối. Cô Vân từng là y sĩ trung đoàn, biết rõ việc quân y và thương binh. Cô Sáu trước làm y tá, sau qua vận chuyển cũng biết nhiều chuyện... Những câu chuyện kể được bổ sung, đính chính cho nhau, làm hiện lên một quá khứ hào hùng của vùng rừng núi Bà Bơi...

Rừng cùng nuôi quân

Rừng Bà Bơi thuộc dãy núi Kim Sơn, nằm trong hệ thống Trường Sơn Nam, trải dài từ lưng làng T2, xã Bok Tới đến giáp rừng An Toàn (An Lão), rừng Vĩnh Kim, Vĩnh Hiệp (Vĩnh Thạnh) phía tây và giáp rừng thấp của xã Ân Hữu, Đăk Mang (Hoài Ân) ở phía đông. Vị trí này nằm trên tuyến giáp ranh giữa vùng I và vùng II của Quân lực Việt Nam Cộng hòa nên có vai trò chia cắt – cô lập và mang nhiều ý nghĩa chiến lược.

Nhìn từ xa, cánh rừng Bà Bơi cong tựa một cánh cung đã cài nỏ. Đứng trên đỉnh cao nhất của rừng (chừng 700 mét so với mặt nước biển) có thể nhìn thấy nhiều đồng, làng, sông suối trên đất Hoài Ân; thấy phổ Bồng Sơn người xe nhộn nhịp và cả cửa biển An Dũ với bờ cát vàng trải dài. Rừng tựa lưng vào dãy Trường Sơn, mặt hướng về đồng bằng ven biển, vững thủ lợi công. Từ cánh rừng này, người chiến sĩ Sư đoàn 3 dễ dàng ngược xuôi thần tốc như những cánh chim ngàn. Địa hình rừng trải dài và cao dần theo hướng Đông Nam – Tây Bắc. Mặt rừng có nhiều giống, lũng, khe,

suối và nhiều khu đất bằng. Đất rừng Bà Bơi chủ yếu là đất sỏi cam có độ kết dính tốt, rất thích hợp cho cây rừng bám rễ, vươn cành. Rừng có nhiều cây to, thân thẳng như gỗ, xay, sàm ná, dổi... xõa tán ở tầng trên. Tầng giữa có trâm, bõm, trám, mìn lin, lồ ô... phủ đầy dây leo, mây nước, mây hèo. Tầng dưới là những thảm đót, lau, lách và dương xỉ chen nhau. Suối rừng Bà Bơi quanh năm trong vắt, đá dựng thành dãy. Có đoạn suối, đá trải dài, lộ nhô giữa dòng; có đoạn xếp chất như thành lũy...

Leo hết con dốc Bà Bơi, len qua mấy khu rừng thưa rồi lọt giữa một trảng rừng già có nhiều cây to san sát, chú Nam nói như reo: "Tới rừng Trung đoàn 2 rồi Sáu ơi!". Cô Sáu đưa tay gạt lá rừng, đảo mắt, rồi cũng reo: "Ừ. Tới rồi! Cây sàm ná chỗ tui và anh gặp năm 69 kia nè!".

Ngồi nghỉ chân dưới tán rừng già rợp mát trong khu rừng lịch sử, tôi cảm giác như đầu đây có tiếng chân người trên lá khô rơi dày. Một trảng âm thanh ve rừng ngân xa ngút ngất... Chú Nam động động cán rựa xuống đất rừng, bảo: "Đất vậy chứ chắc lắm! Hồi đó làm "hầm bò", ở hết trong đất!"... Tôi thắc mắc chuyện "hầm bò", thì chú Nam cười: "À! Đó là cái hầm trú ẩn của bộ đội Sư 3 ở đây. Nó được đào xuống đất, sâu tầm một mét rưỡi, dài 2m, rộng 2m, đủ chỗ cho 3 - 4 người nằm, trên gác cây to, phủ đất rồi phủ thêm ni lông. Những lúc có tin thám báo địch nhảy dù xuống rừng hoặc máy bay địch bay ngang thăm dò, bộ đội mình vào hết trong hầm. Vì thấp, vào hầm phải bò nên anh em gọi vui là "hầm bò!". Rồi chú nói thêm: "Nhiều lần địch nghi ngờ, bay - bắn và ném bom dữ dội nhưng nhờ có cây rừng che chắn nên không trúng hầm. Vì bí mật của căn cứ, ta không bắn trả, thực hiện tốt mệnh lệnh chiến khu "Đi không dấu, nấu không khói, nói không to, ho không tiếng" nên căn cứ luôn an toàn". Cô Sáu tiếp lời: "Đất này cũng "đãi" bộ đội lắm! Năm ấy, tôi xin được mấy hom mì gòn của bà con Ân Nghĩa đem về giâm bên lán quân y. Mới có 4 tháng mà sẵn mì cao ngấp đầu. Bươi thử, tôi thấy có củ. Mừng quá, tôi nhổ lên. Ui, củ ơi là củ! Củ nào củ nấy to như cườm tay, luộc lên bùi ngận, thơm phức. Chuối ở đây cũng tốt. Chen lẫn với cây rừng từng tắc đất

Ngày 02.9.1965, tại dốc núi Bà Bơi thuộc địa bàn xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, nay thuộc xã Bok Tới (Hoài Ân), Sư đoàn 3 Sao Vàng – sư đoàn chủ lực bộ binh cơ động quân giải phóng khu V - được thành lập; có nhiệm vụ phối hợp với quân dân địa phương phá ấp chiến lược, mở rộng vùng tự do, tiến đánh địch trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nam Quảng Ngãi. Sư đoàn có 3 trung đoàn bộ binh: 2,12,22; một tiểu đoàn phòng không 12,7 ly; một tiểu đoàn pháo cối, một tiểu đoàn công binh – vận chuyển, một tiểu đoàn thông tin và một đại đội trinh sát. Dưới tán rừng Bà Bơi (mật danh T2) lảnh hiễn, sư đoàn không ngừng lớn mạnh và đã tổ chức hàng nghìn trận đánh, sớm giải phóng vùng đất Hoài Ân khỏi ách kìm kẹp của Mỹ Ngụy, góp phần to lớn vào công cuộc giải phóng tỉnh Bình Định, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Sư đoàn 3 Sao Vàng và nhiều trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, cán bộ, chiến sĩ của Sư đoàn xứng đáng được nhà nước ta trao tặng danh hiệu anh hùng LLVTND.

nhưng nó lớn từng ngày, cây khỏe, củ to”. Rồi cô kể chuyện dây củ mài mọc chen cây và gộp đá cho cả rổ củ. Anh em hay nói vui rằng: Sư 3 mình có duyên với rừng Bà Bơi nên mới được rừng “đãi”. Bởi những cánh rừng bên kia con suối Tà Lăng đoạn giáp với sông Côn chảy qua địa phận Tây Sơn, không có lấy một dây củ mài. Rối chua lè, tàu bay, riu riu, đọt mây, đọt sung, cơm nguội... nhưng nhiều nhất là rau ranh. Nhờ muối và sắn mì do bà con tiếp tế cộng với củ mài, củ chuối, nấm, rau rừng, cá suối mà bộ đội thêm sức tiến đánh quân thù trên nhiều mặt trận cho đến ngày giải phóng huyện Hoài Ân”.

Chúng tôi đến suối Nước Chè thuộc địa phận đóng quân của Trung đoàn 12. Cô Vân bảo: “Tên suối Nước Chè đoạn này là do bộ đội Sư 3 đặt chứ tục danh nó là suối Nước Bông. Suối này cho bộ đội không biết bao nhiêu là cá, ốc, cua, ngóe... Chỉ cần vài đọt mây hèo ủ chua có mùi thum thum bỏ xuống nước là bắt được cua đá. Nhiều chiến sĩ đan được lò, đò, đơm thả suốt đêm, bắt được khá nhiều cá, ốc... giải quyết được cái ăn cho bộ đội trong những ngày tắt đường vì chiến sự”...

Rừng níu chân người

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sư đoàn 3 Sao Vàng chuyển đến địa điểm mới. Thấy mình không còn đủ sức, nhiều chiến sĩ Sư 3 xin ra quân và ở lại với đồng bào vùng căn cứ. Ông Đinh Sinh – chiến sĩ đội Giao vận – dựng nhà ngay dưới chân rừng, đưa gia đình đến ở, cùng với chính quyền địa phương vận động đồng bào Bana dựng xây đời sống mới. Ông được bà con quý trọng, sớm bầu làm cán bộ thôn rồi già làng uy tín của làng T2. Ông chia sẻ: “Lúc ấy, thấy vùng rừng này hiền, có suối chảy quanh năm, có đất để làm rẫy, có hóc để làm ruộng nước và đồng bào mình còn nghèo nàn lạc hậu nên tôi quyết ở lại”. Cô Nguyễn Thị Sáu quê ở Quảng Ngãi và anh Nguyễn Duy Tân quê ở Phú Yên yêu nhau ở căn cứ, cưới nhau trong



*Chú Lê Văn Nam và cô Nguyễn Thị Sáu thăm mộ đồng đội
tại nghĩa trang đốc Bà Bơi. Ảnh: B.T.P*

những ngày miền Nam giải phóng rồi cùng ở lại sinh sống trên vùng đất cạnh chân núi Bà Bơi. Cô Sáu tâm sự: “Nhiều đồng đội mình từ cánh rừng này ra đi rồi đi mãi, không biết ai còn ai mất. Mình rời căn cứ về quê hay lập nghiệp ở nơi khác chẳng khác nào mình ruộng bỏ trách nhiệm hoặc “nhìn trăng quên đèn”. Hơn thế nữa, nghĩa tình đồng bào ở đây dày như núi. Mình đi xa, lương tâm sẽ cắn rứt”. Cô Mai Thị Thân và chú Lê Văn Nam cùng quê huyện Hoài Nhơn cùng ở lại gần căn cứ và cùng một lý do. Chú Nam bộc bạch: “Về quê sao được khi nhiều đồng đội còn nằm lạnh lẽo quanh đây do chính tay mình chôn, trong khi địa phương chưa có kế hoạch quy tập hài cốt liệt sĩ! Nếu ai cũng về thì người đầu làm mộ chí, kết nối với thân nhân”... Quả thật! Chú Nam ở lại và đã kết nối được với 6 thân nhân liệt sĩ, bốc - chuyển 6 mộ phần đưa về nghĩa trang quê nhà. Cô Thân cùng nhiều đoàn thân nhân vượt rừng, tìm và đưa được nhiều hài cốt liệt sĩ về quê.

Công cuộc làm ăn tập thể theo mô hình hợp tác xã (HTX) trên cả nước nói chung, trong đó có vùng đất Hoài Ân, không mấy hiệu quả. Cái đói, cái nghèo bủa vây người dân suốt mấy năm liền. Nhiều người ở Ân Đức, Ân Tường, Ân Hữu... có ý định rời làng đi Tây Nguyên, Long Khánh sinh sống nhưng thấy người Ân Nghĩa sống được với quê nhờ vào núi rừng Bà Bơi nên sớm từ bỏ ý định và học cách bám rừng trồng mì, phát nương tría lúa, chặt sặc, chặt đốt, bứt mây, đốn lồ ô... đổi lấy lương thực, thực phẩm từ các HTX. Rừng Bà Bơi bấy giờ thu hút rất nhiều lao động. Ngoài người bản địa là đồng bào làng T2, xã viên các HTX Nông nghiệp ở Ân Nghĩa còn có người dân các xã lân cận và cả người miền xuôi: Phù Mỹ, Hoài Nhơn... cũng lục tục kéo nhau về rừng kiếm cái sinh nhai.

Đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, làng T2 dưới chân núi Bà Bơi trước đây thuộc xã Ân Nghĩa nay tách ra và nhập vào xã Bok Tới. Người dân T2 được nhận khoán giữ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng khoanh nuôi và được cấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp dài hạn cho rừng trồng dưới chân núi Bà Bơi. Nhờ cái chân đồng bào khỏe, cái tay hay làm và cái bụng ngay thẳng nên các loại rừng từ đặm đến lõi trong vùng núi Bà Bơi ngày một dày lên, xanh tốt, đảm bảo nguồn nước tưới quanh năm cho các hóc ruộng quanh làng. Hóc lúa tốt, rừng trồng cho nhiều cây nặng ký, bò nuôi dưới tán rừng chóng lớn nhanh đẻ... đã giúp cho đồng bào làng T2 sớm thoát khỏi đói nghèo, vươn lên khấm khá. Số lượng gia đình làm ăn khá giả ở làng tăng lên theo năm. Tiêu biểu có những gia đình Đinh Văn Ngổp, Đinh Văn Nhang vừa trồng rừng vừa làm dịch vụ: xay xát, chăm sóc - khai thác - vận chuyển - mua bán gỗ nguyên liệu... xây được nhà tầng, sắm được ô tô và nhiều vật dụng đắt tiền. Làng T2 từ vài mươi hộ dân sau năm 1975, nay đã có trên 300 hộ. Không một ai muốn rời làng.

Xanh lên ký ức

Đất nước thống nhất đã 46 năm, việc Đảng, việc nhà, chuyện làng, chuyện xóm luôn đề nặng lên đôi vai những người chiến sĩ giải phóng năm xưa còn ở lại vùng căn cứ. Nhiều lúc tưởng chừng họ quên hết chuyện cũ, nhưng không! Họ vẫn nhớ như in từng sự kiện lịch sử, nhớ cả họ tên từng đồng chí cùng trung đội. Chú Nam kể vanh vách trận đánh chốt Gò Loi (Ân Tường, Hoài Ân) vào 1 giờ sáng ngày 09.4.1972,

chuyện vượt đèo Cây Sung - ranh giới giữa Hoài Ân, Phù Mỹ - đựng độ với biệt kích Mỹ và việc xử trí cực kỳ lạnh lợi của những chiến sĩ trinh sát Sư 3. Chú bảo: “Khổ thì khổ nhưng không thể quên kỷ niệm chiến trường, nhất là khu rừng Bà Bơi. Có khi do ta thường nghĩ đến, có khi tự nó ùa về. Nhưng cũng có khi do một yếu tố khách quan nào đó xuất hiện, làm ta nhớ quay quắt, chẳng hạn một cơn gió trái mùa, một mùi hương hoa rừng thoảng qua... Như mới hôm qua, đi ngang trại giam Kim Sơn, thấy mấy lùm hoa mua nở rộ, tôi bản thân nhớ đến căn cứ”. Nói đến đây, sắc mặt chú sáng hẳn lên. Chú đổi giọng: “Hồi đó, trước mùa chiến dịch thường có văn công về căn cứ. Nghe văn công, ai cũng háo hức. Nhiều người trần trọc cả đêm, mong trời mau sáng để được đón. Văn công quân khu có nhiều cô gái dặn dày chiến trường, đàn hát rất hay. Sân khấu cho các cô biểu diễn thường là tảng đá bên hội trường Bộ chỉ huy trung đoàn. Các cô diễn ban ngày, không sơn phấn. Nhạc cụ chỉ có ghi ta và một đàn accordion nhưng hấp dẫn, lôi cuốn vô cùng! Hát hay và đẹp nhất có cô Trà My. Cô thường cài hoa rừng lên tóc lúc diễn. Khi thì hoa sim, khi bông trang, nhưng thường nhất là hoa mua. Hoa này màu tím rất duyên và ý nghĩa. Cô có chất giọng cao vút, trong như tiếng suối mùa xuân, thường hát những bài *Tiếng đàn Ta Lư, Cô gái vót chông, Người con gái Pa Cô*. Tiếng hát cô đã đưa chúng tôi đến nhiều ngã đường Tổ quốc, quên hết mọi gian khổ, hiểm nguy. Tiếng hát ấy, con người ấy đến giờ tôi vẫn còn nhớ như in”.

Cô Vân gần gũi với thương binh, có nhiều chuyện nhớ nhưng nhớ nhất là chuyện mót cơm trôi nấu cháo cho thương binh năm 1968. Cô bùi ngùi: “Năm ấy, gạo, muối chậm đến trạm xá 70 của sư đoàn. Thương binh đói lả và kiệt sức. Họ rên, khóc, kêu, đòi thăm thiết. Tôi nghĩ nát óc nhưng vẫn không tìm ra cách. Tình cờ một hôm, tôi ra suối giặt đồ thương binh, thấy có nhiều hạt cơm trôi theo dòng nước. Tôi trở mắt một lúc rồi vội căng áo ra hứng. Hạt nào trôi ra ngoài, tôi chạy theo chặn lại. Một lúc, tôi gom lại được một nhúm. Số cơm hứng được, tôi rửa sạch nấu cháo cho thương binh. Ăn được ít muống cháo gạo, thương binh khỏe hẳn nhưng khi biết được chuyện, ai cũng ôm mặt khóc rưng rức. Mấy ngày sau, chị em chúng tôi dò la mới biết được số cơm trôi ấy là của trạm xá K200 tỉnh đội rửa xoong nồi để chuyển đi địa điểm mới. Đơn vị ấy cũng đóng chân bên suối Tà Lăng nhưng ở đầu nguồn, cách chúng tôi chừng vài cây số”...

Nhớ căn cứ, nhớ đồng đội và đồng bào Ân Nghĩa, hàng năm cứ đến ngày Giải phóng huyện Hoài Ân 09.4 và ngày 30.4, nhiều cán bộ, chiến sĩ Sư 3 lặn lội đường xa về thăm. Mỗi năm có đến chục lượt người về. Mỗi lần về đều sáng lên vài, ba câu chuyện ấm áp tình người. Cô Vân tiết lộ: Cô mới được một đoàn cán bộ, chiến sĩ Sư 3 từng sống ở căn cứ Bà Bơi, trong đó có người từng ăn cháo nấu từ cơm trôi do cô mót mồi dự cuộc gặp mặt 46 năm thăm lại chiến trường xưa tại hội trường UBND xã Hoài Châu Bắc (Hoài Nhơn). Người ăn cháo “đặc biệt” ấy tên Nguyễn Hữu Bằng đang công tác ở tỉnh Thanh Hóa. Cuộc gặp đẫm đầy nước mắt vì chú Bằng đem chuyện cô mót cơm trôi suối nấu cháo cho thương binh kể với mọi người và xin được nhận cô là ân nhân. Nhiều người dự gặp mặt, nghe xong chuyện sụt sùi... Bật khóc.

B. T. P



Nhằm khơi dậy niềm đam mê đọc sách, những người làm công tác thư viện trong tỉnh Bình Định đang nỗ lực từng ngày với những hoạt động thiết thực, từng chút một lan tỏa thói quen đọc sách trong cộng đồng.

Bắt nhịp cầu với người đọc

Theo anh Trần Xuân Nhất, phó giám đốc Thư viện tỉnh Bình Định, đến hiện tại toàn tỉnh đã xây dựng được 72 tủ sách, thư viện cấp cơ sở, trong đó phát triển cả tủ sách ở các đồn biên phòng. Thư viện tỉnh còn phối hợp với nhiều đơn vị tổ chức các hoạt động nhằm thúc đẩy văn hóa đọc như phối hợp với trại giam Kim Sơn (Bộ CA) phát động phong trào đọc sách và tổ chức các cuộc thi giới thiệu sách như *Kể chuyện theo sách, Quyển sách của tôi, Viết cảm nhận về sách...* thu hút hàng ngàn phạm nhân tham gia; phối hợp với Hội nông dân tỉnh mở thư viện các HTX Nông nghiệp... Đặc biệt, hình thức xe thư viện lưu động (Dự án xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện “Ánh sáng tri thức” của Vụ Thư viện và Quỹ Thiện Tâm - Tập đoàn Vingroup) được Thư viện tỉnh triển khai từ năm 2019 đến nay mang lại hiệu quả tích cực. Anh Nhất cho hay: Thư viện tỉnh phối hợp với các phòng GD&ĐT, trung tâm VH-TT&TT, đoàn thanh niên 9 huyện, thị xã (Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Ân, An Lão, Vân Canh) tổ chức nhiều chuyến xe thư viện lưu động phục vụ học sinh ở 12 điểm trường, hầu hết là trường Tiểu học, THCS ở vùng sâu, vùng xa. Năm 2021, phục vụ thêm 3 điểm trường mới. Mỗi điểm trường, xe phục vụ 3 đợt/năm. Ở mỗi chuyến xe, cán bộ Thư viện tỉnh còn tổ chức nhiều hoạt động vui chơi cho các em như vẽ tranh theo chủ đề, tô màu, đố vui có thưởng... Ngoài ra, Thư viện tỉnh còn tư vấn, giúp đỡ nghiệp vụ thư viện cho một số trường học, hỗ trợ cài đặt phần mềm quản lý thư viện...

Những ngày trung tuần tháng Tư, tôi có dịp theo chân các anh chị ở Thư viện tỉnh trên chuyến xe thư viện lưu động ngược về phía núi, phục vụ cho học sinh vùng cao tại điểm trường Tiểu học Vĩnh Thịnh, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh. 5 giờ sáng, các cán bộ thư viện đã bắt đầu hành trình chuyến xe tri thức. Khi đến nơi, nhìn chiếc xe thư viện lưu động lăn bánh qua phía cổng trường, các em học sinh hò reo thích thú. Cán bộ thư viện nhanh chóng chọn một góc sân trường có tán lá rộng che nắng, mở khoang xe để bắt đầu hoạt động đọc sách. Ở nơi đây, tôi chứng kiến nhiều trạng thái cảm xúc của các em nhỏ. Lúc thì các em im lặng chăm chú khi thả mắt theo từng con chữ, theo từng mạch truyện, từng chi tiết mới khám phá. Lúc thì tươi vui rộn rã khi được tham gia các trò chơi đố vui nhận thưởng. Câu hỏi đố vui là nội dung trong những cuốn sách gần gũi mà nhiều em từng được đọc trong chương trình giảng dạy hoặc ở các thư viện trường. Với vẻ mặt rạng rỡ, em Lê Anh Khoa, học sinh lớp 2A, khoe: “Đây là lần thứ hai con được nhận thưởng vì trả lời đúng câu hỏi của các cô chú. Ở nhà, con hay đọc sách mà ba mẹ hay mua cho. Khi đến trường thì con hay vô thư viện trường để đọc truyện”. Lặng lẽ một góc nhỏ nhìn các học trò của mình tham gia các hoạt động về sách, thầy Trần Công Huỳnh, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh, bộc bạch: “Các em rất háo hức trông đợi ngày xe thư viện lưu động trở lại. Ngoài việc được đọc những cuốn sách mới, các em được chơi trò chơi và xem phim 3D. Tôi thấy đây là mô hình rất hiệu quả, để khuyến khích, tạo thói quen đọc sách cho các em. Ở phía nhà trường, chúng tôi cũng tăng cường các hoạt động thư viện, bố trí thời gian hoạt động hợp lý phục vụ việc đọc sách, tìm hiểu tài liệu của các em học sinh và thầy cô giáo”.

Kết nối, lan tỏa văn hóa đọc...

Để nhen lên tình yêu đọc sách cho học sinh và giáo viên, đầu tháng 4.2021, trường THPT Quy Nhơn đã cho vận hành thư viện sách Learning Commons. Đây là hình thức thư viện tạo một không gian học tập mang tính cộng đồng, người đọc có thể tập trung, nghiên cứu có định hướng, kết hợp học tập và thư giãn; sự kết hợp giữa thư viện với CNTT và dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tốt nhất cho người dùng. Điều đặc biệt, thư viện của trường đã dành một không gian cho sách văn học, lịch sử, văn hóa địa phương. Thầy Dương Văn Minh, hiệu trưởng nhà trường, chia sẻ: “Tôi muốn lồng ghép việc đọc sách vào khóa học ngoại khóa, cho các em tìm hiểu hơn về văn học địa phương và dần tích lũy cho mình khả năng phân tích, nghị luận. Đây chỉ là một mô hình nhỏ. Trong tương lai, tôi muốn mở rộng hơn mô hình thư viện này. Hiện tôi đang liên hệ với phía thị xã An Nhơn để tiến hành mở rộng mô hình thư viện Learning Commons”. Thầy Minh không giấu được niềm vui khi thư viện của trường nhận được nhiều sự quan tâm từ các đơn vị, thư viện khác: “Biết tôi đưa thư viện vào hoạt động, Hội VHNT, trường ĐH Quy Nhơn và một số cá nhân đã tặng sách cho thư viện. Đặc biệt, việc mở thư viện từ phía nhà trường nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ phía Thư viện tỉnh”. Anh Trần Xuân Nhất cho biết: “Khi biết một cá nhân, tổ chức nào đó tâm huyết với sách, muốn góp phần phát triển văn hóa đọc, chúng tôi luôn hết lòng hỗ trợ. Ngoài tập huấn công tác thư viện, lắp đặt các phần mềm quản

lý thư viện chúng tôi còn luân chuyển sách để kịp thời phục vụ nhu cầu tìm đọc sách mới từ thư viện địa phương”.

Từ năm 2003, để phục vụ tốt nhất thư viện cơ sở, Thư viện tỉnh tích cực luân chuyển sách. Ba tháng một lần, xe thư viện sẽ chở sách đến các thư viện cơ sở để đổi sách. Ngoài ra, Thư viện tỉnh còn tích cực hỗ trợ cho các thư viện tư nhân như thư viện ở Nhơn Phúc (thị xã An Nhơn), Tam Quan Bắc (thị xã Hoài Nhơn). Hiện nay, hình thái thư viện tư nhân cũng được thành lập ở nhiều vùng quê, tạo một không gian đọc sách cho bạn đọc ở nông thôn. Mở thư viện tư nhân từ năm 1996 và duy trì cho đến nay, thư viện của anh Võ Duy Nam tại Nhơn Phúc trở thành một địa chỉ quen thuộc của nhiều bạn đọc. Anh Nam thổ lộ: “Cũng vì mê sách và muốn bà con ở quê có thêm sách đọc, giải trí, tìm hiểu tri thức nên tôi duy trì thư viện này. Hiện thư viện có hơn 3.000 đầu sách. Thật mừng khi thư viện nhận được hỗ trợ từ phía Thư viện tỉnh, luân chuyển sách để kịp thời phục vụ nhu cầu của bạn đọc”.

Sự bùng phát tài nguyên điện tử, công nghệ web, và năng lực số hóa thông tin in ấn, âm thanh và nghe nhìn đã làm thay đổi quan niệm về thư viện. Nhiều năm qua, Thư viện tỉnh đã nỗ lực thực hiện số hóa. Các thư viện địa phương cũng đã được bố trí các phòng đọc điện tử. Anh Lê Thanh Hải, giám đốc Thư viện đại học Quy Nhơn, chia sẻ: “Hiện tại, thư viện số của trường đã có 32.000 mục tài liệu. Riêng lĩnh vực xã hội và nhân văn có hơn 1.100 bản ebook. Thư viện số của trường đã có 15.000 tài khoản thành viên dành cho sinh viên và giảng viên trong trường. Trung bình mỗi ngày có gần 10.000 lượt truy cập. Trường đang tiến hành bổ sung, cập nhật nhiều hơn kho tài nguyên số đồng thời mở rộng, tạo sự liên kết giữa các thư viện. đặc biệt là mở rộng ra các đối tượng bạn đọc là sinh viên, học sinh phổ thông trong tỉnh”.

Sự phát triển vượt bậc của CNTT và các phương tiện giải trí hiện nay khiến văn hóa đọc bị lấn át. Chưa kể, một số xuất bản phẩm kém chất lượng hay lệch lạc về tư tưởng tạo nên ít nhiều hệ lụy. Anh Nhất trải lòng: “Chúng tôi có sự sàng lọc nghiêm khắc để mang đến cho người đọc những ấn bản chính thống, giàu nội dung tri thức, bồi đắp nhân cách con người. Từng chút một, chúng tôi tạo ra sự gắn kết giữa các thư viện, giữa thư viện và phía cơ sở địa phương, bạn đọc đồng thời tổ chức các hoạt động liên quan đến sách với hy vọng sẽ thắp lửa tình yêu đọc sách, tạo thói quen đọc sách trong cộng đồng”.



Sáng 19.4, tại trường THPT Vĩnh Thạnh (huyện Vĩnh Thạnh), Sở TT&TT phối hợp với Sở VH&TT và UBND huyện Vĩnh Thạnh tổ chức Lễ phát động Chương trình hưởng ứng Ngày sách Việt Nam lần thứ 8. Tại đây, Thư viện tỉnh phối hợp cùng Thư viện huyện Vĩnh Thạnh và các ngành liên quan trưng bày khoảng 1.000 đầu sách theo các chủ đề về biển đảo, văn hóa truyền thống của địa phương, sách thiếu nhi... phục vụ bạn đọc.

P.N

LỆ THU

Về lại Đảo Cò^(*)

Cò trắng trở về trên những tán cây xanh
Đầm Thị Nại mênh mông
bốn bề sóng nước
đứng kiên nhẫn những cây bản, cây đước...
che chở ta xưa
giờ vậy gọi chim về

Đảo Cò ơi
bình dị một tên quê
Đất hiền vậy và trắng ngời vậy
chứng kiến ngàn năm những thăng trầm lịch sử
thuở oai hùng Chiêm quốc
thuở Quang Trung...

Một chôn thiêng liêng sông núi điệp trùng
âm giọng Bài chòi
ngọt ngào thơ, rượu...
chôn thanh bình lặng lẽ đợi tri âm

Cò trắng thong dong bay rợp mặt đầm
Ổng kính lia nhanh
hoàng hôn vội vã
lấp lánh sao giăng - những ngọn đèn đánh cá
Đảo Cò ơi,
lòng đã vui buồn?

Chiều tháng Tư
không chớp bể mưa nguồn
không tiếng súng vu vơ
chỉ đàn cò thân thiện

Và mây trắng trên đầu ta
ẩn hiện
bao nụ cười bè bạn
thưở tình khôi

Cò trắng... hồn ai
đậu xuống chỗ ta ngồi!

4.2021

(*) Đảo Cò (Thường gọi Cồn Chim), một hòn đảo nhỏ trên đầm Thị Nại thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Tấm hình của lớp

Tấm hình đen trắng chỉ bằng bàn tay
Mấy chục đứa xếp hàng ngang
Mặt mỗi người bé như hạt bắp

Mấy chục năm trôi qua
Đêm nay bỗng bồi hồi nhớ lớp
Nhìn lại tấm hình
Bâng khuâng
Mặt bạn bè trẻ măng
Nhiều người đã ra đi trong chiến tranh
Và không bao giờ trở lại
(chỉ có các bạn là trẻ mãi
còn tất cả giờ đây đều đã già rồi!)

Từ thuở xa trường, mỗi đứa mỗi nơi
Cuộc sống như cánh đồng
Mà chúng mình là hạt giống được gieo cùng mùa
Ngọn gió vô tình đưa đi tản mác
Những hạt nảy mầm bám trên đất màu lớn lên xanh ngát
Những hạt thui, hạt lép
đành thôi!
Những hạt lang thang rơi xuống sườn đồi
Mọc lên cối cằn trong nắng hè thiêu đốt
Chẳng ai khôn ngoan
Chẳng ai dại dột

Đời
Buồn, vui, xấu, tốt...
Chuyện vô cùng
Như thể chuyện rủi, may
Để một ngày kia ngắm lại bàn tay
Với những đường vân dài, ngắn
Có thể đầy vàng
Có thể là tay trắng
Có thể chót vót vinh quang danh vọng
Có thể trụi trần con số không!

Nhưng bạn bè ơi
Những hạt giống trên đồng
Những hạt lúa thơm không mọc thành cỏ dại
Dẫu muôn thuở đời vẫn nhiều ngang trái
Nhưng người cày ruộng chọn hạt giống nào
Loài cây ấy sẽ mọc lên!

L.T

MAI THÌN

Tạ lỗi với mây xanh

Ngày mười hai tháng Bảy năm tám tư
chúng tôi trồng cây phượng bên góc trường
kỷ niệm buổi cuối cùng đời học sinh trung học
rồi vỗ cánh
mỗi đứa một phương

mỗi đứa một phương
nhưng không có đứa nào chia với các anh quả đạn pháo
ở biên cương phương Bắc
không có đứa nào xắn hộ một xẻng đất
cho vương vức chỗ các anh nằm

đêm mười hai tháng Bảy năm tám tư
tôi chong đèn làm thơ trên trang lưu bút
gửi cho người bạn gái thường mặc chiếc áo vàng
ngày chào cờ đầy nắng
buồn vẫn buồn vì cơn mưa trút lá
nhưng chẳng có giọt nước mắt nào
khóc cho mấy nghìn liệt sĩ
mấy vạn đốt xương hóa đá dọc chiến hào

suốt bao năm nằm lại non cao
chỉ có nắng và những mùa hoa gạo đỏ
thầm lặng ủ các anh
chút hơi ấm quê nhà.

trưa nay chúng tôi đến thăm
Nghĩa trang Vị Xuyên^(*) âm âm giông đỏ
nén nhang muện thấp lên
mưa ướt hết
xin thấp mấy dòng này
tạ lỗi với mây xanh.

Vị Xuyên, 03.7.2020

(*) Nghĩa trang liệt sĩ Vị Xuyên ở Hà Giang có hơn 2.000 ngôi mộ, trong đó có rất nhiều người hy sinh ngày 12.7.1984. Vào ngày này hàng năm, cựu chiến binh cả nước về đây tổ chức "giỗ trận" để tưởng nhớ đồng đội đã hy sinh trong chiến tranh chống quân Trung Quốc xâm lược.

Ngược sông Lô

Ngửa mặt đón những tàn hoa nhuộm đỏ trời biên giới
sông Lô làm một trường ca chảy vào đất Việt
quần quít từng dãy núi đá như tấm lá chắn
chở che những người lính bao đời canh giữ biên cương

soi vào sông Lô
ngang trời lồng lộng
mỗi tác đất của cha ông
chan máu xương lóng lánh nước trong

ngược sông Lô
năm nào cũng đông người lên
đôi bờ hàng hàng gạo đỏ rồng rồng dòng sông
hắt lên thánng ngày xanh thắm

ngược sông Lô
vớt từng xác gạo
như vớt những hồn người
đỏ thắm.

Hà Giang, 05.7.2020 – Quy Nhơn, 30.7.2020

Hoa phượng ở Nghĩa trang Trường Sơn

Mỗi độ tháng Tư về
hàng phượng ở Nghĩa trang Trường Sơn
rừng rừng
đỏ

nhiệt độ lên tới bốn mươi
cô bạn tôi đi thắp nhang cho đồng hương Bình Định
cô cứ đứng mãi
đứng mãi
chiếc ô nán che
gương mặt còn trẻ quá
sau hàng chữ, năm sinh.

các anh nằm đây đã bốn mươi năm
dõi lên trời
đếm từng ngôi sao xa xưa
tháng Tư thắp lửa
những bóng mắt người thân
đỏ
nhòe
cành lá.

M.T

LÂM HUY NHUẬN

Dắt mình ra ngõ

Dắt mình ra ngõ biết về đâu
Trón trở nhà cao gáy chọc đầu
Váy đỏ ai phơi ngoài song cửa
Vẫy ai ai gọi dưới tầng sâu

Chân héo luôn quanh ngõ quất queo
Lạc mê hồn trận ngân giàu nghèo
Tiếng em trống trải ngùi muôn dặm
Xộc xệch đeo mùa mải miết theo

Có gặp ai không, ai còn nữa
Bếp lạnh ta nhen, ta nhóm lửa
Vun mình một bóng với đơn côi
Nguồn sáng xông xênh bao chớp người.

Cái bóng

Lẻo đẻo theo ta một bóng gầy
Hơi lùn heo héo còn đủ tay
Không nhìn phía trước không ngoảnh lại
Cái bóng đây rồi có chổi bay

Cái bóng theo ta suốt một đời
Khi ngừng khi nghỉ vẫn trên người
Làm sao tắt hết bao nguồn sáng
Để bóng cùng ta nhập một thôi

Cái bóng nghiệm ta ta thêm người
Không cười không nói chỉ lẻ loi
Trời thương trời gửi ta chiếc bóng
Cho bước chân mình luôn có đôi.

L.H.N

Bức thư mùa hạ

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Nắng nóng quá!
Có thể cháy nhớ thương thành đóm tro tàn
Chùm hoa dại nở âm thầm cuối ngõ
Đợi chờ gì cánh bướm lỡ mùa sang

Sông ở lại,
Đá bắt đầu mắc cạn
Một con thuyền trốn nắng ngủ say sưa
Cây đa gửi bức thư cho mùa hạ
Viết mấy lời chim sáo thản nhiên đưa...

Tôi van gió,
Xin đừng im lìm thế!
Để tàn tro đậu xuống mái đầu
Và sông nữa, đừng cạn lòng vậ chứ?
Để lòng thuyền nằm lật úp mà đau...

Tôi sẽ gói tiếng chim trong tay áo
Gởi mùa thu lau nước mắt trắng gầy
Em nhớ đọc cánh chuồn chuồn thắc thỏm
Thương quê mùa chẳng dám viết thư tay...

Thì thôi vậy,
Đợi cơn mưa mùa hạ
Xóa vết nhăn trên trán nhớ thư tình
Đừng cháy hết những vụng về nông nổi
Nóng như thiêu xin lắng xuống đêm quỳnh...

Tôi sẽ ký tên mình vào mây trắng
Nhờ giọt mưa thấm áo người xa...

N.T.N

Mãn khai

HOÀNG THỤY ANH

giọt sương như đứa trẻ
vừa mở mắt
đã tận cùng biếc xanh

những cánh bướm mái mê
thả nụ hôn vào mệnh mông
Giêng hai ẩm ướt

ánh sáng mãn khai
dựng vách nắng
đắm thêm nhà

đôi quang gánh vắt qua nhau
cuộn lên
vị mặn của mùa

dấu chân người đàn bà
dưới ánh mặt trời
lấp lánh phù sa.

TRẦN NGỌC TUẤN

Một hôm

Một hôm trăng gió ơ hồ
Giở tờ thơ cũ thấy ngờ nghêch xưa

Một hôm an trụ dưới mưa
Bồ đề lá rụng gió ùa chân kinh

Một hôm đối diện chính mình
Mừng còn nhịp đập chân tình trong tim.

Chân nhân

Người như cây mọc giữa rừng
Chim kia đến hót tung bùng rồi bay

Người như một ngọn cỏ may
Hạt sương vừa tụ phút giây tan rồi

Người như dòng nước quanh đồi
Âm thầm chảy giữa lở bồi suối khe.

T.N.T

LÊ ÂN

Rượu sôi từng chữ

(Tặng nhà thơ K.V.N)

Hồn say
Náo loạn trướng đèo.
Tinh say
Như gã tỳ kheo lạc thiên.
Đời cuồng
Cho đã oan khiên.
Rượu sôi từng chữ
Hồn nhiên đắm đìa.

Sợi thơ

(Tặng Thượng Tri)

Sông tình
Giặt giũ cô đơn.
Gió cười
Sóng gheo
Trăng hờn...
Ai ơi
Sợi thơ
Cột một phận người.
Câu lưu màu nắng
Thu phơi
Giữa chiều.

L.A

Bên rặng mù u

ĐOÀN VĂN SÁNG

Gió lùa qua rặng mù u
Rung rinh lời mẹ hát ru thuở nào
Ví dầu... hồ hụi... xôn xao
Chuồn chuồn đom đóm bay vào giấc mơ

“Chim chuyền bụi ớt” nhớn nhor
Cay mềm chót lưỡii đến giờ chẳng nguôi
Củ khoai, cá lóc nướng trui
Chín bung ký ức rặt mùi phù sa

Rau răm nhấp nhỏm hít hà
Về trời cái cố kịp già muối dưa
Đi vòng theo những ngày xưa
Nắng trời cát biển và mưa thiếp rùng

Cháy lòng thương mến người đưng
Lửa rơm tắt lịm giữa chừng mùa thu
Gió lùa qua rặng mù u
Khói đồng bám riết lời ru mẹ hiền!

Đàn châu chấu ma

Truyện ngắn TRIỀU LA VỸ

1.

Tiếng sấm nổ rền ngoài sân đình báo hiệu một cơn giông lớn. Trời nóng hầm hập. Chạm vào đâu cũng ngọt ngọt, bức bối. Chạm vào đâu cũng nhớp nháp, khó chịu. Đã mấy tháng liền trời rạn mãi không ra một giọt mưa. Ruộng đồng nứt nẻ cả. Sông suối khô. Giếng cạn. Cây cối chết héo. Đâu đâu cũng mất mùa, đói kém.

Gã nhìn ra ngoài trời lo lắng. Sắp mưa to đây. Nếu về không kịp, mẹ gã sẽ mắc mưa, cảm lạnh mất. Chiếc giường tre cọt kẹt. Cha gã thều thào gọi. Gã bưng bát cháo chỉ toàn nước, bón từng thìa cho cha. Cha gã chấp chấp, nuốt nuốt, đầy vẻ đói khát, thỏa mãn. Nước cháo nhều ra khoe miệng thành dòng. Gã vừa lau vừa khóc. Cha ốm nặng, gã chẳng giúp được gì. Nhà chỉ còn ít gạo để nấu nước cháo cầm hơi, hết gạo cha gã sẽ ra sao. Không khéo chưa chết vì bệnh cha gã đã phải chết vì đói.

Gã đi ra đi vào hóng chờ mẹ. Mẹ vào rừng từ sáng sớm. Mẹ bảo, nhất định phải tìm được gì đó bỏ vào mồm,

kéo chết đói cả nhà. Không tìm được, mẹ sẽ vượt rừng về ngoại. Ở dưới xuôi chắc còn thứ ăn được. Đi và về, mẹ bảo, chậm lắm cũng chỉ chừng năm ngày.

Nhưng gã có linh tính bất an. Về ngoại, mẹ đâu cần mang theo nhiều thứ thế. Nào gương, lược. Nào phấn son. Bộ cánh đẹp nhất nữa. Bộ cánh đó mẹ chỉ mặc một lần ngày cưới, rồi cất mãi trong hòm. Những ngày làng có lễ hội, cha gã thường bảo mẹ mặc nó ra đình làng cùng cha. Nhưng mẹ không chịu. Mẹ bảo sợ bất trắc. Sợ cha buồn. Cha im lặng, nhưng mắt cha phảng phất những đám mây xám mọng nước.

Một lần, mẹ đem áo hoa ra ngắm ngắm nghĩa nghĩa, ướm ướm thử thử. Mắt mẹ sáng long lanh. Mẹ muốn mặc nó đưa gã về thăm ngoại. Cha đứng ngoài cửa vói vô nói bóng nói gió, về hậm hực, không vui. Gã thương mẹ quá, cãi lại. Gã bảo mẹ chưa một ngày vui. Nếu mẹ nghe lời bà ngoại tiến cung chắc đời mẹ đã đổi khác. Vua có hàng trăm cung tần mỹ nữ, mẹ xinh đẹp thế,

chí ít cũng được vua phong là tiệp dư, lên xe xuống ngựa có kẻ hầu người hạ. Cha giận lắm tát gã một tát trời giáng, rồi bỏ đi uống rượu. Mẹ ôm gã khóc, nước mắt đầm vai. Mẹ không về ngoại nữa. Đêm xuống, mẹ lặng lẽ giấu chiếc áo hoa dưới đáy hòm. Từ đó không lần nào nghe mẹ nhắc đến nó nữa. Gã biết mẹ yêu cha hết mực. Nếu không, sao mẹ phải khăn gói bỏ nhà theo một kẻ nghèo khó? Nếu không, sao mẹ lúc nào cũng nâng niu chiếc kiếng bạc cha mua? Nếu không, sao mẹ không dám xa cha gã một ngày để về thăm ngoại hay đi đâu đó? Cha gã học hành trật duộc, thi mãi không đậu, buồn chán thành kẻ bất đắc chí, suốt ngày vùi vào rượu. Mẹ gã chịu đựng hết. Mẹ thành cây cột cái trong nhà. Lẽ ra gã không nên bước vào nỗi hổ thẹn của cha, không nên cứa vào nỗi đau của mẹ. Mỗi lần nghĩ lại cái tát tai nhớ đời ấy gã cứ thấy ân hận mãi.

Nhưng mẹ gã từng bảo đời người không ai học được chữ ngờ. Có khi nào mẹ bỏ nhà đi mãi?

Trời đang nắng chang chang bỗng tối sầm. Rồi rào rào, rào rào. Tanh tách, tanh tách. Không phải mưa. Là châu chấu. Từng cặp, từng cặp. Chúng ôm lưng nhau bay rợp trời. Chúng sà xuống sân, chúng đậu lên thềm nhà. Đàn đàn. Lốp lốp. Gã vội vã cài cửa, ngồi thu lu bên giường cha. Đêm xuống gấp gáp. Bóng tối vang vọng bao nhiêu thứ ghé rợn. Gã nghe tiếng đập cánh chao chát trên mái nhà, tiếng rặng nghiêng rau ráu ngoài vườn khuya. Đêm run rẩy trong những tiếng gai nhọn cào xé. Đêm rờn rợn trong bao tiếng nấc nghẹn, nỉ non, than vãn. Đêm đầy tiếng gọi hồn.

Gã ôm cột nhà ngủ ngổ trong nỗi sợ hãi và lo lắng mơ hồ. Chập chờn nửa

tỉnh nửa mơ gã thấy mẹ mặc áo hoa, ngồi trên kiệu vàng. Đàn châu chấu nâng kiệu bay đi. Bay đến đâu cây cỏ hoa lá mừng rỡ đến đó. Lâu đài điện ngọc hiện ra. Đức vua đón mẹ gã ngay tận cổng thành. Mẹ gã vén rèm bước xuống, mỉm cười với đức vua. Ơ hay, sao mẹ có râu, mắt lồi, răng to vẩu?

Đàn châu chấu tràn đến làng chỉ một đêm rồi biến mất. Như bóng ma. Như hồn quỷ. Chúng cướp đi tất cả. Chỉ để lại nỗi khiếp hãi và rải rác đây đó những đám cánh nhiều màu sắc. Cây cối trụi hết lá. Núi trơ xương. Cái đói hiện hình, gặm thét.

Mẹ gã đi mười ngày thì cha gã chết. Chết vì đói. Vì hận. Gã không khóc. Còn đâu nước mắt để khóc nữa. Nước mắt đã tuôn hết trong bao uất ức, đau đớn, khinh bỉ.

Đói. Đói. Đói...

Đâu đâu cũng thấy đói. Người chết đầy đường. Xương khô chất thành đống. Quạ kêu vẳng trời. Tiếng than khóc, oán hờn đến ma quỷ cũng chạnh lòng.

Gã và kẻ như gã muốn làm loạn.

Bắt đầu là tiếng rì rầm ù ù trong tai, thỉnh thoảng vang lên giữa làng như một tiếng thét, rồi nó lan khắp vùng, vỡ ra thành tiếng sét chát chúa và những lần chớp sáng lòa.

2.

Giáp Dần 1864. Mùa đông. Cái rét từ phương Bắc tràn đến, quấy đập trên tán đa đình làng, rồi lẫn quẩn trên mắt rồng châu nguyệt. Đồi hạc gỗ đứng rụt vai co ro trước bàn thờ thành hoàng lạnh giá. Nhện giăng như sương móc trên rèm

phượng, cột rồng. Đã lâu chẳng ai buồn ra đình. Cái đối, cái rét đọng thành vệt ngưng trên hai hàng liễn ca ngợi sự sung túc, thánh thiện và đẹp đẽ của làng dưới sự bảo trợ của thần.

Một ngày ướm át sau Đông chí, dụ vua Lê đến. Cả làng xô xao. Không ngờ "Hoàng thượng" chọn đình Mỹ Lương làm nơi ngự triều, luyện quân. Ân mưa móc ban xuống. Tất cả già, trẻ, gái, trai, ai cũng được nhận một nắm gạo tẻ. Hối hủ nấu cháo, xì xụp húp, húp xong thì nhón nháo dọn dẹp đình làng, cửa ngõ, sân vườn. Hôm sau mới mờ sáng mọi người đã ùa ra đầu làng hồi hộp chờ đón vua Lê. Đầu giờ Thìn, Thiên tử giá lâm. Chiêng trống vang rền. Lính dẹp đường quát inh ỏi. Gươm giáo sáng choang. Cờ ngũ sắc bay phấp phới. Kiệu vàng nhấp nhô. Không rềm. Không mái che. Vua Lê mặt choắt, người nhỏ thó, lọt thỏm trong chiếc áo ngự rộng rinh mới may. Ngài quay bên này, quay bên kia, cười cười chỉ chỗ ra về hải lòng. Giữa một vùng núi non què mùa, trông vua Lê giống gã hề trong các vở chèo bọn gã thường xem ở sân đình mỗi dịp xuân kỳ thu tế.

Nhưng vị mặc áo trắng cỡi ngựa bạch đi sau kiệu vua trông thật oai phong và nho nhã. Đó là Quân sư. Người cao gầy. Lưng thẳng. Dáng vẻ khoan thai. Rõ là kẻ có cốt cách thanh cao. Quân sư họ Cao, tên Bá Quát, tự Chu Thần, nổi tiếng văn hay chữ tốt. Thiên hạ đồn rằng Quân sư tự cho mình thanh khiết như mai trắng và thể suốt đời chỉ bán mai hoa làm thầy. Khi làm chủ khảo một kỳ thi Hương, vì thương học trò làm bài hay nhưng trót phạm húy, Quân sư đã dùng muội đèn để sửa bài. Chuyện phát giác, Quân sư bị bỏ tù, bị đày theo quân để đoái công

chuộc tội. Chuyện kể lại có kẻ khen khí khái, người chê dờ hơi, chẳng biết thế nào. Chữ ngài đẹp, thẳng và sắc. Nghe kể, khi viết dụ cho vua Lê có vừng mây trắng sà xuống che tàn cây ngay chỗ ngài ngồi.

Nhưng phận giun dế như bọn gã cần gì thanh cao, cần gì chữ. Bọn gã chỉ cần cái ăn, cái mặc. Bọn gã cần làm người. Vua Lê đến, tất cả trai làng đều đầu quân, hăng hái tập luyện dưới sự chỉ bảo của Quân sư, nôn nao chờ ngày nổi loạn.

3.

Ngày đông ở vùng sơn cước ngăn như đốt tay. Mở mắt, chưa kịp cười, đã thấy đêm xuống sầm sập. Trời hanh khô. Rét như cắt. Trăng đầu tháng treo trên mái đình xanh nhợt, trông sắc lạnh như miếng sành mẹ gã dùng lễ gió cho cha. Gã nằm cong lưng gầy về phía cột đình, thao thức mãi không ngủ được. Bát cháo hoa hồi chiều không đủ làm dịu tiếng réo kinh niên từ cái bụng lép kẹp. Cái đói luôn rình rập đầu đó chực chờ cơ hội hành hạ gã. Gã trở mình liên tục. Mệt mỏi. Rã rời. Mẹ gã có lần bảo, nghĩ mãi về cái đói con người ta sẽ sớm chết vì miếng ăn. Nhưng gã biết làm gì hơn chứ. Chẳng phải vì nó, gã có mặt ở đây sao? Chẳng phải vì nó, gã sẵn sàng đánh đổi mạng sống của mình ư? Sáng sớm mai, bọn gã sẽ tràn xuống huyện đường. Rồi tiến chiếm phủ, xộc thẳng vào kinh thành. Bọn gã sẽ đập bằng mọi thành lũy, phá tan mọi xiềng xích, lật nhào mọi thứ. Bọn gã phải giật lấy miếng ăn, giành quyền sống cho chính mình. Bất chấp mũi tên, hòn đạn. Bất chấp mất mát, đau đớn. Bỗng nhiên, nỗi sợ chết làm da gã nổi gai ốc. Những cái



Minh họa: Lê Duy Khanh

chết vật vã vì đói ám ảnh mãi. Những đồng xương trắng hếu, tiếng quạ kêu quang quác, mùi xác chết ngậy ngậy hiện ra rõ mồn một như chưa bao giờ tan trong tâm trí gã. Những tiếng rên rĩ, thoi thóp làm lưng gã rịn mồ hôi lạnh. Những tiếng khóc ai oán, sầu thảm làm tim gã thắt lại. Gã muốn bỏ trốn. Gã muốn chạy thật sâu vào rừng, vùi mặt vào một hốc đá đầy rêu nào đó. Rồi khóc òa. Thà chết trong tủi thẹn. Nhưng than ôi, phận dân đen con đỏ đã được lịch sử định đoạt từ lâu. Bọn gã không được quyền lựa chọn cho mình một chỗ đứng, một đường đi, một số phận. Chỉ cần rời hàng ngũ, gã sẽ bị chém bêu đầu vì tội khi quân. Tên gã sẽ bị bêu xấu ngàn đời.

Gã chợt nhớ mẹ. Cứ mỗi lần lòng dạ gã lạc loài khó bảo thì ánh mắt ấm áp của mẹ lại hiện về. Ấu yếm. Sẻ chia. Thấu hiểu. Nhiều lúc uất ức quá, gã xua đuổi ánh mắt ấy đi. Nhưng càng xua đuổi, nó hiện lên càng rõ. Không thể nào xóa đi được. Như thể nó đã là máu thịt, hồn vía của gã vậy. Đêm nay, không phải ánh mắt mà là cái kiềng bạc lấp lóa trên cổ mẹ làm lòng gã cay xé, xót xa.

Đó là một chiều thu đứng gió. Nắng vừa lả bóng trên đầu núi. Mây trên cao nhợt nhạt, vàng vắt. Gã đói đến vàng mắt. Đói đến độ chỉ cần nằm vật ra là không muốn dậy nữa. Vậy mà gã phải khom người rón rén bước qua bao ụ đất mấp mô, có lúc phải bò, trườn, len lỏi, lách qua bao bụi gai tứa máu để rình bắt bằng được một miếng ăn. Miếng ăn hình bò sát, dáng rồng, bốn chân, tròn núc. Mấy tháng nay bọn gã không còn gạo để ăn, phải đào củ, phải vặt lá để cầm hơi. Rồi đến cả lá cỏ cũng không còn mà đưa vào miệng. Bầy châu chấu

ma tràn đến, chỉ một đêm đã ăn trụi tất cả cây cối trong vùng. Đói, đói, đói. Bọn gã lùng bắt rắn rết, giun, dế, cào cào, châu chấu. Hết đồng gần rồi rẫy xa. Ăn mãi, ăn mãi đến sâu bọ cũng hết sạch. Tưởng chỉ còn cạp đất cục mà sống qua ngày. Vậy mà như có linh tính mách bảo, gã đã mò ra chỗ heo hút này để tìm thấy một ổ rắn mối to đùng. Đó là cái hố trũng ở một góc rừng hoang vắng đầy cỏ mục và cánh cào cào châu chấu. Gã quyết tóm trọn ổ. Gã dùng rựa chặt gai lưởi rỗng bịt kín xung quanh, rồi nhóm củi đốt. Những con rắn mối bắt lửa cháy xèo xèo. Chúng chạy loạn xạ, mết lử, rồi đành đạch giãy chết. Gã dập lửa, khều lấy một con chín đen. Bóc da. Nạo vảy. Từng mảng thịt trắng muốt lộ dần. Mùi thơm phức. Gã cắn ngay một miếng, nhai ngấu nghiến. Miếng thịt trôi tuột, không lưu lại mùi vị gì. Nhưng nó khiến gã tỉnh người. Gã bắt đầu nhả nha. Nhai đi, nhai lại từng mẩu nhỏ. Mút đến kỳ sạch từng đé xương. Vị thịt ngọt lịm lan xuống họng, tan vào từng mạch máu, thấm vào từng lỗ chân lông trên người gã trong một niềm sáng khoái khó tả. Gã chén liên tiếp ba con liền mới hết thềm thưởng. Chưa bao giờ gã có một bữa ăn ngon đến thế. Giờ là lúc gã phải gom chúng lại để dành ăn dần. Một con, hai con. Ba, bốn, năm, sáu. Con nào cũng mập mạp, béo núc. Nhưng ơ kia, những khúc xương người trắng nhợt dưới đáy hố làm gã lạnh người. Một cái kiềng bạc hiện ra sáng lấp lóa. Cái kiềng có hình đôi chim nhỏ, mỏ gắp một chiếc lá khắc tên cha và mẹ gã. Cha gã phải mất hai mùa lúa mới đủ bạc làm ra cái kiềng bé xíu ấy. Mẹ gã luôn đeo nó trên cổ, không rời, như một vật chứng tình yêu.

Gã rụng rời tay chân. Sao cái kiềng bạc ở đây? Mẹ gã đâu? Gã nồn thốc nồn tháo. Nồn cả mặt xanh mặt vàng. Trời ơi, có lẽ nào gã đã ăn một phần thịt da của mẹ?

Canh ba. Lửa rục sên đình. Gã cùng bọn trai tráng nai nịt gọn ghẽ, xếp thành hàng tể chỉnh. Lễ tế thần xuất quân bắt đầu bằng một hồi trống trầm hùng. Một chiếc thau đồng bóng loáng và một con dao cau sáng quắc được bưng ra thành kính đặt lên án thờ thành hoàng. Rượu đổ lưng lưng thau. Vua Lê mặc hoàng bào trịnh trọng bước ra chấp tay xá thành hoàng mấy xá. Rồi ngài cầm con dao lên, khẽ cứa vào ngón trỏ. Một giọt máu nhều xuống. Đem nín thở. Những khuôn mặt lạnh băng. Những cặp mắt bắt lửa, ánh lên một nỗi sợ hãi thành kính.

Lần lượt sau vua Lê là Quân sư họ Cao trong bộ giáp trắng, đầu trần, rồi đến các đầu lĩnh áo đen, giày cỏ và cuối cùng là bọn quân sĩ áo nâu chân đất như gã, ai cũng trịnh trọng bước ra hiến một giọt máu đỏ trong một nỗi hân hoan khó kìm nén. Xong, toàn bộ huyết tửu được bọn thị vệ đem pha đều vào các vò rượu đặt ngay ngắn một hàng dài trước án thờ. Rượu ổng ộc chảy ra bát. Tiếng Quân sư vang lên lạnh lạnh:

- Thế có phúc cùng hưởng, có họa cùng chia.

Bọn gã vung tay lên đồng thanh hô vang. Tiếng hô hào hùng, dũng mãnh. Từng hồi, từng hồi. Tiếng hô dội vào núi, lan lên trời, vang mãi về xuôi. Vua Lê kính cẩn nâng bát rượu lên làm lễ tế thiên địa và thành hoàng. Thị vệ rót thêm một bát nữa. Vua Lê ngửa cổ uống ừng ực. Rượu chảy ướt một vạt hoàng

bào. Bát rượu lại dâng lên cho Quân sư, rồi lần lượt chuyển đến các đầu lĩnh và chuyển đến tận tay từng người lính. Gã run run đỡ lấy bát rượu từ một tay còm nhom đứng trước. Rượu sóng sánh. Đỏ thắm. Tanh nồng. Gã nhắm mắt uống một hơi cạn sạch. Cả người nóng phùng phùng. Đầu lâng lâng. Gã thấy phấn khích tột độ. Không còn sợ chết nữa. Chỉ thấy háo hức, một nỗi háo hức được chém giết thỏa thê đầy man rợ và thú tính.

Một hồi trống trận vang lên. Giục giã. Hồi thúc. Cờ hiệu phát. Tiếng reo dậy đất. Gậy gộc, cào cỏ, câu liêm vung lên loang loáng. Rừng núi rùng rùng chuyển động. Bọn gã đi, rầm rập tiến xuống thành Ứng Hòa, ào ào tràn về phía lịch sử lúc trời còn tối tăm mờ mịt.

Giằng co mãi bọn gã mới chiếm được huyện đường. Không ngờ quân triều đình được phái đến canh giữ nơi này. Họ biết bọn gã làm loạn chăng? Bọn gã là một đội quân ô hợp và kém cỏi. Nhưng cái đói làm bọn gã liều lĩnh và khát máu. Bọn gã đánh hăng lắm, lớp này chết lớp kia lại xông lên, quân triều đình hãi quá bỏ chạy cả. Bọn gã xộc ngay vào công đường đập tan tành mọi thứ. Rồi tràn sang kho thóc đập cửa, phá khóa. Trưa đó, bọn gã có một bữa cơm mừng công ê hề rượu thịt. Ai cũng ăn lấy ăn để. Nhưng gã không tài nào nuốt nổi. Đũa chạm vào đầu cũng thấy lờm lờm đỏ và lờm lợm mùi tanh. Áo ảnh vệt hiện vệt biển. Những thân người đổ nhào. Những cái đầu rơi xuống lăn lông lốc. Những mảng thịt rách tơ tướp, nham nhở. Máu phụt thành vòi. Lửa cháy rần rật. Tiếng hò reo vang lừng và

tiếng thét hoảng loạn cứ lừng nhùng tai này tai kia. Gã ngồi nhai nổi sọ và nốc rượu liên tục. Hết bát này đến bát khác. Rượu. Rượu. Rượu. Chỉ có rượu mới giúp gã quên đi nỗi kinh hoàng và ghê tởm. Bọn gã chết nhiều quá. Đánh thêm vài trận nữa khéo không còn quân sĩ. Không biết trận tới, bao nhiêu đứa thành cô hồn vất vưởng? Gã còn sống bao lâu? Nghĩ quẩn, mất cả hứng, gã ra đầu thêm ngồi hút thuốc. Quân sư đến, vỗ vỗ vai gã. Ngài khen gã còn trẻ mà gan dạ, chững chạc. Ngài còn bảo gã cố gắng nhiều hơn để xứng với chức đầu lĩnh vua Lê vừa ban thưởng. Rồi ngài đọc gã nghe một câu thơ cổ:

*Bằng quân mạc thoại phong hầu sự
Nhất tướng công thành vạn cốt khô.*

Giọng thơ hùng tráng, không hề có chút đau thương bi lụy. Mắt ngài rực sáng. Rồi ngài nhìn vào mắt gã, chậm rãi giải nghĩa câu thơ. Gã rùng mình. Ngài thấu cả ruột gan gã chẳng? Bọn gã còn cần bao nhiêu mạng người nữa để vua Lê bước lên ngai vàng? Quân sư giải nghĩa xong chẳng cần gã hiểu thế nào, ngài chấp tay sau đít đi một mạch vào nơi vua Lê ngự thiện.

4.

Sau những chiến thắng giòn giã, bọn gã chiếm được một vùng rộng lớn. Gã được sống những ngày huy hoàng, no đủ. Không còn phải thấp thỏm lo cái ăn từng bữa nữa. Không còn phải khom lưng, cúi mặt mỗi lần gặp chức sắc của làng. Không ngờ có ngày bọn gã được dẫm trên lưng, đạp trên đầu bọn cường hào ác bá, được bước những bước dài chắc nịch và kiêu hãnh của những ông chủ. Nhờ can đảm, gã được tuyển đặc cách vào đội thị vệ theo hầu vua Lê.

Đầu tháng Chạp, quân triều đình bắt đầu phản công. Họ đông đảo, nhiều súng to súng nhỏ và thiện chiến quá. Bọn gã thua to mấy trận liền, phải lùi về Mỹ Lương. Quân triều đình vây đánh rất gấp. Bọn gã thế cô, lương ít, quân mỏi, đành liều quyết một trận sống mái. Bọn gã đánh từ sáng sớm đến tối mịt mới phá được vòng vây chạy trốn chết vào rừng.

Quân sư bị thương khá nặng, mất máu rất nhiều. Ngài chết sau mấy ngày trốn chui nhủi trong những hang đá ẩm ướt. Bọn gã vùi xác Quân sư ở một góc rừng kín đáo. Vua Lê quỳ trước mộ mặt thần thờ. Bọn gã cũng quỳ xuống, không nói lời nào. Không ai khóc. Nhưng ai cũng hụt hẫng, cũng cảm thấy một nỗi mất mát lớn lao. Hôm đó, bỗng nhiên tuyết rơi. Những hạt tuyết trắng ngần như hoa mai bay lả tả đầy trời. Gã cúi đầu vĩnh biệt Quân sư lòng đầy thương cảm. Cuộc đời của Quân sư ít ai hiểu thấu. Ngài lạ quá. Ngài cao xa quá. Chỉ thấy bóng lừng lững, không rõ hình. Chỉ nghe tiếng nói hào sảng mà không nhìn rõ mặt bao giờ. Gã gần gũi với Quân sư còn thấy vậy, lịch sử làm sao nhớ về ngài để kể cho hậu thế?

5.

Một ngày đầu xuân, chỗ ẩn náu bị phát giác. Bọn gã vội vã chuyển đi nơi khác. Triều đình truy đuổi gắt gao và hứa thưởng rất hậu cho ai bắt được hay giết chết vua Lê. Bọn gã trốn hết cánh rừng này đến cánh rừng khác. Hết mùa xuân qua mùa hạ. Bữa no bữa đói. Đoàn quân theo vua Lê mỏng dần mỏng dần. Số chết vì nghĩa, số chết vì đói. Không ít kẻ bỏ hàng ngũ làm tay sai cho triều đình. Trông vua Lê thật tội nghiệp. Mặt

phờ phạc. Râu tua tủa. Hoàng bào bản thiu, xộc xệch. Ngài như một gã hề khốn khổ.

Vào một chiều hè oi ả nọ, bọn gã đến được làng Trung Lập. Đây là quê nội của Quản lãnh thị vệ, cũng là nơi Quân sư từng dạy học nên ai cũng an lòng. Lý trưởng nghe tin vội vã đến dập đầu ra mắt vua Lê. Rồi ngả lợn, giết gà, nấu cơm. Bọn gã đói quá, mới nghe tiếng lợn éc, tiếng gà quang quác, bụng đã réo ùng ục. Cơm dâng lên chưa kịp mời vua Lê, bọn gã đã và lấy và để. Trông vua Lê râu tóc lờm xờm, nhai nhồm nhàm, thỉnh thoảng dùng đũa vì ghen mà thương quá. Gã chỉ ăn lưng bát, tộp mấy hớp rượu rồi đi nằm. Người gã mỗi nhũ. Mắt díp lại. Gã kiếm một góc khuất trong đình nằm ngủ. Người gã bỗng bệnh, nhẹ hẫng. Gã thấy mình bay lượn như chuồn chuồn trên cánh đồng Mỹ Lương đầy nắng. Lúa chín vàng rượm. Mẹ gã đang cầm cúi gặt lúa. Bỗng rào rào, rào rào, một đàn châu chấu bay đến bu kín cả người mẹ gã. Trong thoáng chốc chúng ào ào bay đi để lại nơi mẹ gã nằm xuống một đống xương trắng hếu, cái kiềng bạc sáng lấp lóa lấp lóa. Gã giật mình thức dậy, đầu nhức như búa bổ. Mọi người đang ngủ say, tiếng ngáy như sấm. Ngay cửa đình, Quản lãnh thị vệ và tay lý trưởng đang to nhỏ gì đấy. Rồi tay lý trưởng lật đật chạy đi. Gã sinh nghi. Chờ Quản lãnh thị vệ đi khuất gã lồm cồm ngôi dậy, lén ra sau đình. Vừa lúc đấy, tay lý trưởng cùng một toán lính tuần tay lăm lăm giáo

mác gậy gộc tràn vào đình. Đuốc cháy sáng rực. Gã lẩn ra hàng rào, chui qua lỗ chó thoát ra ngoài, chạy thục mạng vào đêm tối.

Gã trốn hết nơi này đến nơi khác. Đi đâu cũng nghe kể về cuộc nổi loạn Mỹ Lương. Vua Lê và đám tùy tùng bị tay quản lãnh thị vệ bán đứng. Chính những học trò của quân sư đêm đó đã ào đến trời gô tất cả, hôm sau chúng đưa vua Lê lên quan lĩnh thưởng. Chao ôi là nhân nghĩa! Vua Lê bị chém bêu đầu ngoài chợ. Trước khi chịu thọ hình, ngài cất lên một tràng cười sảng sặc, tiếng cười lạnh cả gáy đao phủ.

Gã nghe kể về vua Lê chỉ biết cắn răng ngậm ngùi. Lịch sử đã hạ màn. Vai hề đã chết. Lạ thay, từ lúc đến phát cờ nổi loạn ở làng Mỹ Lương cho đến khi bị bắt, bị chém đầu gã chưa hề nghe vua Lê nói một câu. Ngài bị cầm chăng? Hay lịch sử đã nhai mất lưỡi của ngài?

Gã thay tên đổi họ trốn đến một nơi hoang vắng. Rồi lấy vợ. Sinh con. Lặng lẽ phận giun dế, cặm cụi vui buồn với cỏ. Khi nào nhớ chuyện xưa thì đem rượu ra uống một mình. Thỉnh thoảng trong mơ gã thấy một tên hề có khuôn mặt giống vua Lê như đúc, tay cầm kiếm gỗ vừa múa may vừa hò hét dưới tuyết rơi. Thức dậy, thấy mắt cay xè. Có hôm gã nằm mơ đang thổi sáo trên đồng. Nắng vàng rượm. Bỗng rào rào, rào rào. Tanh tách, tanh tách. Đàn châu chấu ào đến rợp cả bầu trời. Mẹ gã đến tìm gã trên lưng con châu chấu đầu đàn. Cái kiềng bạc trên cổ mẹ gã lấp lóa, lấp lóa.

T.L.V

Bơi đêm

Truyện ngắn HƯƠNG VĂN

Màn đêm đã tràn ra mặt biển. Màu nước đen như màu mực, lênh loáng, mênh mông. Bãi bờ vắng lặng, chỉ nghe thấy tiếng thở của biển. ù oạp, ù oạp. Bóng tối càng rộng thêm ra, những con sóng lăn tăn, lăn tăn rồi lăn nhanh vào đâu mất... Trên bãi cát, một người đàn bà đang ngồi thõng thướt. Khóc rung rúc. Tỉ tê. Mái tóc dài xõa ra cũng nằm im trên lưng giống như sự cô quạnh đang bủa vây khắp quanh người. Rồi tiếng khóc cũng chỉ còn vài cái nấc nghẹn lạc lõng trong u tịch.

Cách nơi người đàn bà đang ngồi khoảng mấy mươi mét là con đường dẫn ra cửa biển. Ngược với vùng biển tối, nơi ấy vẫn hắt lên sự sống con người bởi thứ ánh sáng le lói của vài bóng đèn tỏa xuống bờ kè. Trên những ụ bê tông chắn sóng to đùng, đêm nào cũng có mấy người đàn ông chễm chệ ngồi bắt động để câu cá. Câu cá đêm là một thú vui tao nhã nhưng cũng không kém phần mạo hiểm. Ít ai đủ sự kiên nhẫn để ngồi chông ngốc một mình trên những

tảng đá trơn lu đẩy mùi rong rêu, tay cứ khư khư giữ chiếc cần dài ngoằng, nặng trĩu để chờ cá đến đớp mồi. Nếu gặp con sóng to hất bọt lên tung tóe, chỉ cần bắt cần một chút, kẻ đi câu cũng có thể trượt chân mà rơi tõm.

Biển vẫn lặng gió. Hơi sương, hơi muối và nước mắt càng làm tăng thêm sự nóng bức và nhớp nháp. Huê đưa tay búi lại mái tóc dày. Đột nhiên, cô đứng phắt dậy, phủi phủi áo quần và đi dọc theo bờ biển. Cát rất mịn màng nhưng mềm lún, như níu lại từng bước chân. Đi được một lúc lâu, Huê thấy trong người hầm hập hơn. Cô đi như lao sát tới mép sóng và bắt đầu lội xuống nước. Cảm giác mát lạnh từ những đầu ngón chân. Đầu óc tỉnh táo dần. Huê chùn gối xuống, cho nước đến ngang lưng và bắt đầu tự do tung quẫy trong bể nước rộng đầy. Bộ quần áo vải lạnh bỗng trở nên mỏng tang, dính dấp và ôm trọn lấy thân hình đầy đà của người

đàn bà một con. Đôi vú phập phồng, căng lên theo sự phản xạ tự nhiên khi va chạm vào luồng nước lạnh. Huê lấy hai tay vuốt nhẹ từ mặt xuống ngực để cơ thể thực sự thích nghi và hít thở một hơi thật sâu, mặt ngợp hẳn xuống nước. Mái tóc đã ướt đều nhưng vẫn nằm gọn trong búi. Huê mở mắt ra, cảm thấy cay cay, xót xót.

Đã lâu lắm rồi, Huê không khóc. Có lẽ vì đau khổ chồng chất nên cô chẳng thể khóc thêm được lần nào. Từ khi thằng cu Tí còn nằm trong bụng, Huê tưởng mình như không thể gượng dậy được. Sự ra đi đột ngột của chồng luôn ám ảnh và muốn hạ gục Huê. Trận bão đầu mùa đã cướp đi bảy sinh mạng của cái làng này. Chồng Huê mất tích. Thật oái oăm và nghiệt ngã. Gần ba mươi tuổi, bụng mang dạ chửa, chân yếu tay mềm nhưng chưa một ngày được an yên. Ông trời sao quá bất công. Ngôi nhà xập xệ, cũ nát mất hẳn tiếng cười đùa. Bà Tư như cái xác không hồn, suốt ngày lẩn thẩn đứng trước cửa mà lẩm bẩm những gì không rõ. Ai gọi gì cũng chẳng mấy khi thưa. Ông Tư, vốn hay rượu chè, gặp phải cảnh ngặt nghèo, khó khổ, đáng lẽ ra phải tỉnh ngộ mà lo làm ăn nhưng ngày càng sa vào nghiện ngập, lè nhè miết. Gần đây, ông lại thêm cái tật khó ngủ, táy máy, tò mò... Mấy con người trong ngôi nhà tí tẹo, ra vào đụng nhau, Huê thấy chán ngắt. Chẳng biết sinh trứng ngày giờ gì mà đời Huê phải khổ sở, lặn lội đến mức sống chẳng thiết sống, chết cũng không dễ gì dứt bỏ được những sợi dây ràng buộc đang quấn lấy tấm thân mình. Nhưng buồn đau, khổ lụy mãi có ích gì. Thành ra, cô cứ lặng lẽ, trơ ra và chai sạn với mọi thứ. Chỉ còn mong vào

thằng cu Tí. Dẫu nó còn bé quá, nhưng nhất định đấy là nguồn vui duy nhất để Huê muốn sống!

Nhìn tấm bạt che cửa sổ có chỗ rách toạc đang bay lật phật như cánh diều đứt dây bị mắc kẹt, Huê lắc đầu ngán ngẩm. Bốn bức tường gạch chưa tô xi măng, nhiều năm hơi muối ăn vào, cũng đã thủng lỗ chỗ. Bụi gạch rơi đầy ra, đổ au cả chân tường, muốn ở sạch sẽ cũng thật khó. Thằng cu Tí, cứ hay ngồi nghịch ngợm móc lỗ gạch, đít quần dính một mảng đồ quạch như cái nồi đất vừa nung. Dặn chừng con mãi chẳng được, Huê điên tiết cầm chổi đánh nó. Trong buồng còn có một lỗ thủng khá to, bầy chuột nhất kêu lít chít chạy ra chạy vào suốt mà không sao đánh đuổi được... Mùa mưa lại sắp tới rồi. Đàng nào chẳng hứng dột khắp nơi. Mặc dù, Huê đã tấn lên mái nhà mấy chục bao cát để chằng giữ. Nhưng gió bão mà! Chỉ vài cơn gió mạnh quạt vào thôi, tấm liếp, mái tôn cũ kĩ liệu có chịu nổi không. Khi chồng còn sống, Huê từng mơ ước sửa được căn nhà. Tê gì cũng xây thêm được một phòng cho cha mẹ nằm. Ông bà ngủ ở gian trên, cửa không ra cửa, màn chẳng ra màn, trống huơ trống hoác. Nhưng tai ương ập đến cũng đúng là dịp để tiền của đội nón ra đi. Một ngày hai bận, bà Tư lại ra cửa ngồi như phỗng mà ơ hờ, "Phong ơi, Phong hỡi!". Lòng Huê vỡ vụn: "Thôi, má à!". Mẹ chồng con dâu lại nhìn nhau, nước mắt ngấn dài, xa xót. Rồi thì họ không muốn tin vào sự thật. Chờ đợi trong vô vọng mãi rồi thành ra sống ảo. Nào cúng kiếng, cầu siêu, chiêu hồn. Đủ các kiểu. Thầy mo, thầy cúng ở tận đầu

đâu cũng rước về. Có một thầy ở tận Tây Ninh, nghe đâu tài giỏi lắm. Thầy hứa nhất định sẽ giúp. Thầy ra, thấp hương, khăn vái, nhảy múa một hồi, mỗ hồi khẽ nhại, rồi ngồi phịch xuống, lắc đầu phán: “Phải lập mộ thôi!”. Thấy gia cảnh tội nghiệp nên thầy không nhận thù lao. Ấy mà riêng tiền tàu xe, rước thầy đi đi về về, quà cáp, biếu xén cũng tốn gần chục triệu bạc chứ ít ỏi gì. Người mất chẳng thể quay về. Người sống, sống trong khốn đốn, kiệt cùng. Ngay cả tiền bà con quyên góp xây ngôi mộ gió cho làng hoàng cũng chẳng lo xong!

Nhưng biết nói sao đây. Huê vừa thương vừa giận mẹ chồng. Huê mất chồng đau một, bà Tư mất con đau mười. Chỉ tại nỗi đau quá lớn và sự cuồng tín vào những chuyện thánh thần đã khiến cho bà mù mắt, khờ dại hẳn đi. Mất ăn mất ngủ dài ngày, người bà rầy rộc, tóc bạc thêm nhiều, đôi mắt cứ thâm quầng như bị ai đâm phải. Nhưng mấy hôm nay, bà Tư tỉnh táo đến lạ thường. Bà gọi Huê đến bảo, làng nào cũng trái phải với bà con, hàng xóm một lần. Chẳng lẽ, cứ ăn nhà người ta mà không đáp trả lại, tháng ngày biết giấu mặt vào đâu. Huê loay hoay mãi trong buồng cầm ra cục bạc tích cóp bấy nay rồi hai mẹ con lẩm nhẩm tính. Đã cúng thì không thể sửa nhà. Nếu để sửa nhà, Huê sẽ cố bươn chải chợ quán hoặc vay mượn thêm. Nhưng bà Tư quyết rồi, sẽ dọn cúng mười mâm. Còn việc của nhà, cứ ráng ở trong cái nhà này đến cuối năm. Ăn thì nhiều, ở hết bao nhiêu. Ông bà sẽ bán bớt một miếng đất, đủ thiếu thế nào sẽ tính chuyện xây sau.

Mãi tới khi khách khứa ra về hết, Huê

mới hiểu rõ sự tình. Cô đang lúi húi hâm lại thức ăn còn thừa thì bà Tư gọi lên nhà ngồi nói chuyện. Nắm lấy tay con dâu, bà Tư bảo: “Mẹ xin thằng Phong rồi, mẹ sẽ để con được tự do!”. Lời bà Tư thê thọt nhưng chắc rõ từng từ một. Huê bủn rủn tay chân, tưởng như một luồng gió lạnh vừa tạt qua. Khấp người rần rần. Đôi má đỏ ửng. Cổ họng nghẹn ứ nhưng cố thốt ra vài tiếng: “Thôi, má à!”. Sau câu nói khó nhọc, lòng dạ Huê rối tung như mớ lưới mắc trên tường rào. Bà Tư đang muốn giải thoát hay đuổi khéo mẹ con Huê ra khỏi cái nhà này? Dù giải thoát hay đuổi khéo thì Huê sẽ biết bắt đầu một cuộc sống như thế nào đây. Nếu về nhà mẹ đẻ, làm sao tránh khỏi những lời thị phi. Nhà trên ấy cũng cả năm, sáu người đang chung chạ... Nếu riêng tư, thì tiền bạc đâu để mà lo liệu. Lòng Huê cứ rối. Bà Tư cứ nói. Bà bảo Huê còn quá trẻ, làng nào cũng nên đi bước nữa. Thằng Cẩn có thương có yêu thì mới đợi chờ Huê suốt mấy năm nay. Cẩn tuy cùng cảnh khổ nhưng khỏe người, vạm vỡ. Nhất định Huê sẽ được nhờ cậy. Nghĩ cũng kỳ! Con gái trong làng còn đẩy ra đẩy, Cẩn vẫn chẳng chịu yêu hay cưới ai. Cẩn còn nhỏ hơn Huê cả dăm ba tuổi ấy chứ. Hà cứ gì cứ phải đợi chờ. Hà cứ gì cứ phải thân cận với bà Tư để mong mỗi được gặp Huê, được vui đùa với thằng cu Tí. Có cái gì ngon ngon, Cẩn cũng dấm dúi gửi gắm. Bà Tư hồ nghi lâu lắm rồi. Từ khi Huê vừa bỏ bú thằng Tí, bà đã nghe mấy người hàng xóm xì xầm tới tai. Hai người lén lút hẹn hò nhau dưới cửa biển, nằm cả đêm ngoài ấy cơ mà. Nếu không thì làm gì có chuyện ân ái mặn mòi như thế này. Thà để chúng nó tự do công khai đến với nhau, bà sẽ thấy



Minh họa: Nguyễn Văn Căn

nhẹ nhõm hơn nhiều. Có cản ngăn hay mắng chửi, cũng là mang tiếng ác với con. Ông bà chỉ có một thằng con trai, nó vĩnh viễn mất rồi thì bà xem con dâu như con gái trong nhà. Gây dựng được hạnh phúc cho Huê, bà sẽ yên tâm mà sống nốt quãng đời còn lại.

Nhắc đến Cẩn một hồi, bà Tư lại nói về ông Tư. Huê lên đưa mắt nhìn về phía cha chồng và nghe rõ tiếng thở khè khè. Giọng thở của người say lắm rồi. Ông Tư đang ở trần nằm trên phản gỗ, cổ và mặt đỏ gay như con gà đá nhưng hai mạng sườn nhô ra, toàn xương xẩu. Hai chân ông, một cái thẳng đừ trên phản, một cái buông thõng xuống dưới đất. Trông nhếch nhác vô cùng. Bà Tư vẫn thỏ thẻ nhưng ruột gan như sổ tuột ra ngoài. Đạo này ông Tư hay mất ngủ nhiều khi khiến bà Tư giật nảy mình. Đàn bà, dù ở tuổi nào họ cũng thật tinh tế. Bà Tư thì già yếu hẳn rồi nhưng ông Tư vẫn còn sung sức lắm. Chẳng ai giữ chân ông được nếu một lúc nào đó ông có ý định điên rồ, nhất là lúc ma men ngấm vào. Ai mà biết trước việc gì sẽ xảy ra. Đêm hôm khuya khoắt, lỡ có cơ sự gì. Bà Tư khẽ chép miệng thở dài rồi nhìn chằm chập vào cánh cửa buồng ọp ọp đang khép hờ. Cái buồng ấy, gắn với một chuyện chẳng hay ho gì và cũng đã qua lâu rồi. Có bao giờ Huê dám hé răng nói với mẹ chồng nửa lời. Mà có nói ra, chắc gì mẹ tin. Hoặc nếu bà Tư tin, có chẳng Huê sẽ bị tống cổ ra khỏi nhà từ đạo ấy mà thôi... Nhưng cái việc xấu xa, tà trời ấy, chỉ có Huê và ông Tư biết. Không lẽ nào. Huê nhớ lại và cảm giác nhục nhã ùa về, choáng ngợp.

Hôm ấy, trời đã chạng vạng tối. Bà Tư ẵm thằng cu Tí đi dạo nhà hàng

xóm để bón cho nó ăn. Huê đi bán cá về, mình mẩy ẩm ướt và tanh tưởi vì cả ngày trời bôn tẩu chợ quán, cá tôm. Vừa cởi được cái áo khoác và vào buồng lúi húi lấy bộ đồ đi tắm, Huê nghe có tiếng lẹt xẹt lại gần. Ối! Cha làm gì thế? Im cái mồm. Cho cha xin vài đồng đi uống rượu! Hơi thở nồng nặc của ông Tư phà ra sát cổ Huê, rồi tay ông thò vào túi áo Huê lục lạo. "Có cho không?". Nói rồi ông Tư vỗ vào mông Huê một cái đét. Huê vừa kịp xoay người thì cha chồng đã ngả nhào về phía con dâu. Huê ú ớ rồi cố vùng vẫy, càng vùng vẫy càng thấy người bị đè chặt xuống giường. Đôi tay gân guốc của ông Tư bắt đầu sờ soạng. Vài chiếc cúc áo đã bật ra, để lộ rõ một phần ngực trắng ngần. Quên mất mái tóc dày cũng đang đau buốt vì bị ghì xuống, Huê dồn hết sức mình co chân, đập mạnh vào đùi và bụng ông Tư, thoát khỏi thân hình lẻo khoẻo và chạy thục mạng về phía cửa biển.

Huê nín thở rồi chúi đầu xuống, ngụp lặn, để người chìm hẳn trong nước. Bên tai chỉ còn nghe tiếng ù ù. Hai tay Huê khua mãi trong lòng biển đêm. Rất thoải mái và tự do. Bà Tư đã nói rồi, chắc chắn Huê được tự do! Vì thế, đêm nay Huê đã không thể nào ngủ được. Ra biển ngồi và khóc thật nhiều. Dầu có được giải thoát để dựng xây hạnh phúc mới thì cô cũng sẽ phải bước vào chặng khởi đầu đầy thách thức. Từ lần bị chết hụt, Huê bỗng trở nên can đảm lạ kỳ. Huê chẳng hề sợ mình bị trôi lạc hay có cảm giác hãi hùng trước không gian hoang hoải, rợn ngợp thế này. Khác hẳn một nàng Huê từng yếu đuối tìm đến cái chết khi bị chính cha chồng sàm sỡ!

Nghĩ lại, Huê thấy mình thật đáng ghét. Nếu lần ấy Huê chết đi, mẹ chồng sẽ thế nào. Con của Huê biết nương tựa vào đâu. Còn cả cha mẹ, anh em ruột thịt của Huê nữa. Sao dạo ấy, Huê non nớt, bông bột, ngu dại đến thế. Góa bụa, nghèo khổ, lam lũ... đu bám đến nghệt thở thì Huê vẫn cố nhẫn nhục mà chịu đựng được. Nhưng đổi bại, dù mới chỉ dừng lại ở dấu hiệu đã đủ thành giọt nước tràn ly để Huê tìm đến cái chết.

Đêm đó, dưới ánh trăng sáng vàng vạc, tóc Huê phất phơ bay trong gió, đôi mắt Huê đờ đẫn, chân bước trong vô định. Và Huê cứ đi. Vừa đi vừa tức tưởi, uất ức. Cô cắn chặt môi và cảm hận người đàn ông vừa đụng chạm vào cơ thể mình. Kinh tởm. Nhơ nhớp. Con đường dẫn ra cửa biển vẫn dài thăm thẳm. Biển vẫn cứ bao la, trải rộng ra tứ phía. Huê liêu lĩnh men theo bờ đá. Mặc gió lồng lộng thổi, mặc tiếng sóng xô át mọi thứ, Huê nhắm mắt lại, trượt chân xuống và buông mình. Cô đang chơi với thì có một bàn tay sắt chắc nắm lấy cổ áo, dúi đầu cô xuống, rồi cũng bàn tay ấy, vòng qua người cô, ôm thật gọn và kéo lên bờ. Huê không nhớ mình đã tung đập như thế nào, chỉ biết khi mở được mắt ra, người ướt sũng, bụng dạ cồn cào, cô mới giật mình khi thấy Cẩn nằm dài bên cạnh, thở phì phì:

- Chị khủng quá! Về nhà đi!

Lặn được một lúc, Huê ngoi lên, chân chạm xuống cát để biết người vẫn ở mực nước an toàn. Cô lấy tay vuốt ngược mái tóc và quay đầu về phía có ánh sáng để định vị. Rồi lại sải tay bơi. Muốn thử sức với chính mình, Huê tiến dần về phía bờ kè. Bơi mãi mà Huê thấy

mình còn khỏe lắm. Quả thật, dù bất công nhưng ông trời không lấy hết của ai bao giờ. Huê mất mát và thiếu thốn nhiều thứ nhưng được cái rất khỏe. Ngày hai buổi chợ. Huê ra khỏi nhà khi đất trời còn tối mịt, lúc trở về trời đã nhá nhem. Ăn cơm tối xong, mẹ con lại leo lên giường đánh một giấc cho tới khi gà gáy sáng. Đường từ bến cá tới chợ dẫu khá xa, phải qua một cái đèo hẻo lánh khá ngoằn ngoèo nhưng được cái gánh cá của cô Huê vừa tươi ngon, vừa nhẹ giá nên lúc nào cũng đông khách. Lấy công làm lời, cứ nghỉ bữa chợ nào là Huê lại tiêng tiếc, đứng ngồi chẳng yên.

Huê thầm cảm ơn trời đất cho mình sống khỏe. Khỏe để mưu sinh và khỏe để tự vệ được trong mọi tình huống xấu nhất. Sau sự cố trong căn buồng, Huê liền sắm một cây gậy thật chắc, bỏ ngay vào xó cửa. Cu Tí tò mò hỏi: "Mẹ để khúc cây ở đấy làm gì thế?". Huê nhìn con, xoa đầu nó cười: "Để đánh chuột! Con chuột dẫu lớn, dẫu bé cũng đừng hòng thoát thân". Cũng đã mấy lần Huê cầm cây gậy lên nhá nhứ với cha chồng. "Ông mà có đụng vào, một là tui chết, hai là ông sẽ thiệt thân. Hứ hừ...". Những lúc như thế, trong lòng Huê bỗng sống dậy dòng ý nghĩ thật tàn độc. Sao ông Tư không chết quách đi. Sống kiểu gì như ông. Vừa hư xấu, bê tha vừa uổng cơm, thừa thãi. Giả như ông Tư có chết đi, bà cháu, mẹ con Huê sẽ sống yên ổn hơn nhiều. Nhưng ai đời, con dâu lại mong cha chồng chết sớm! Vô đạo quá. Cũng bởi vì tức, vì uất giận mà Huê quên mất mình là ai trong cái nhà này. Ấy vậy mà được, kể từ ngày đó, ông Tư nể Huê hơn là sợ. Đàn bà mà đã khủng lên thì mấy ông lớn mặt to gan đến mấy cũng phải kinh hồn bạt vía. Huống chi, Huê

đã thách thức, hù dọa khiến ông đâm hoảng. Ghê gớm, đáng để thật! Ông Tư nhìn con dâu như nhìn sư tử đầy nanh vuốt gầm gừ. Thế cho nên, dù say hay tỉnh ông cũng chỉ lẩn quẩn ở gian trên, hoặc lặn ra ngủ hoặc ra ngồi vá lưới với vợ. Nhưng đôi lúc, ông vẫn hằm hằm đưa ánh mắt khó hiểu đầy u ám dành cho con dâu. Huê biết vậy nên tìm cách tránh né. Cứ chiều chiều, lúc bà cháu dẫn nhau đi chơi nhà hàng xóm, Huê đi chợ về lại ra biển tập bơi.

Không phải người cầu toàn nhưng Huê muốn mình bơi thật giỏi. Huê cứ lo nghĩ vẩn vơ. Lỡ có một ngày, thằng con mà chạy ra biển đùa nghịch và đuối nước thì sao nhỉ! Thằng bé mà có mệnh hệ gì, Huê sẽ chết thêm một lần nữa! Muốn không chết thì sẽ phải biết bơi như cá để còn cứu được con. Và nhất định, cô sẽ dạy con biết cách bơi. Thằng bé là tất cả vốn liếng của cuộc đời Huê, không gì thay thế được. Mỗi lần ngắm con ngủ, Huê lại thấy nhói lên một nỗi niềm khôn tả. Cu Tí giống cha quá. Bà nội thương quý nó hết mình cũng bởi vì lẽ ấy. Nhưng số phận của con sẽ phải khác đi, Huê sẽ tìm mọi cách để làm người mẹ tốt, chở che con bất cứ khi nào. Nhưng bơi lội, không giống như đi chợ. Huê thấy khó nhọc quá. Sau lần no nước vì tụt tử, Huê vẫn bị sặc và uống nước mãi, nhiều lúc phải lên bờ thở dốc vì bị ngộp và mệt rũ người nhưng Huê vẫn kiên trì bơi. Cho tới gần một năm, Huê mới bơi thật thành thạo.

Bây giờ gió mới bắt đầu lên. Huê xoay người và nằm ngửa ra, giữ thăng bằng và nổi dập dềnh trên mặt nước. Bầu trời thật rộng. Đêm không trăng

nhưng vẫn đẹp đẽ vô cùng vì những ánh sao lấp lánh giữa những đám mây xám xám đang nhẹ nhàng bay. Huê vẫn thờ đều và cứ thế nổi trên mặt nước. Sóng nước vỗ về, cơn trớn khắp da thịt. Một cảm giác êm ái lạ thường. Cô chỉ muốn nhắm nghiền mắt để tận hưởng những điều thú vị hiếm hoi ấy. Ba phút. Năm phút... Bỗng Huê nghe một âm thanh lạ lắm. Tiếng ù oạp ấy mỗi lúc một gần. Đó là tiếng sóng đập vào lèn đá hay tiếng gió cất lên giữa không trung mê mông. Huê mở mắt ra nhìn. Ánh sáng le lói của những bóng đèn chiếu xuống mặt nước lung linh. Thì ra, cô đã bơi đến sát chân bờ kè. Đúng mà! Chỉ còn cách vài mẩu đá mấp mô, lờ mờ, gửi cả được mùi rong rêu... Nhưng không phải là tiếng gió hay tiếng sóng. Huê cố nhìn thật kỹ. Một bóng đen cứ nhô lên hụp xuống đang tiến dần về phía cô. Huê chưa kịp định thần để quay người trốn chạy thì bàn tay đã bị nắm chặt lấy. Huê mềm nhũn người khi nghe giọng nói hỗn hển bên tai mình: "Huê! Cẩn đây! Khùng quá mà! Mình cùng về thôi!".

Tầm gần mười giờ đêm. Dưới những ngôi nhà san sát nhau, làng xóm đã im lìm. Chỉ còn thừa thớt vài tiếng chó sủa ma vắng vắng ở đâu đó. Huê uể oải nghiêng người về phía cửa sổ. Một vệt trăng chiếu qua khe hở, rọi thẳng vào chỗ hai mẹ con đang nằm. Huê dụi mắt nhìn cho thật kỹ. Đúng là trăng rồi! Ngoài kia, trăng đang tròn vành vạnh lấp lửng giữa bầu trời. Từ đầu đêm, mây đen kéo đến thật nhiều dường như sắp mưa to. Ấy vậy mà giờ này, trăng sáng quá đỗi! Vằng vằng lung linh bỗng

khiến Huê tiếc nuối khi lỡ để cái gạt đầu vượt mất. Những rạo rức, băng khuâng về chuyện hẹn hò vừa thấp thoáng sống dậy mà Huê lại buộc cảm xúc phải ngủ yên.

Chẳng là vì chiều nay, Cẩn có qua nhà đem theo vài lạng thịt nạc. Anh bảo Huê băm nhuyễn thịt để nấu cháo cho bà Tư ăn. Bà ấy ốm mấy bữa rồi, dù đã đi lại được nhưng dáng vẻ của bà còn lè bệ lệt bệt quá. Ông Tư thì mở mắt ra đã đi khỏi nhà mà đến sâm sẩm tối vẫn chưa thấy đâu. Mùa trăng mà. Dân đi biển về, thiếu gì mỗi nhậu. Bọn nhậu thì cả đám, trẻ có, già có. Ông cứ việc say khướt, chẳng thèm ngó ngàng gì chuyện vợ ốm đau. Muốn đỡ dần Huê trong lúc rối rắm, Cẩn tranh thủ chạy qua chạy lại phụ vào mấy việc. Nhân lúc Huê ngồi băm thịt, Cẩn mới lân la rủ rê tối đi câu cá đêm. Huê lần lữa mãi. Muốn cất tiếng “ừ” sao mà khổ thật! Nhớ lại lúc hai người được ở gần nhau, Huê thấy lạ lắm. Ấm áp, nhẹ nhàng và bình yên đến vô cùng. Cả những khát khao được vỗ về, ôm ấp cũng thức dậy theo cái nắm tay thật chặt ở dưới biển. Huê thèm khát có cảm giác được sống mãi như thế. Nhưng ăn thì dễ, ở thì khó. Bà Tư chưa được khỏe hẳn. Cu Tí thì không thể ngủ một mình. Đêm nọ đi bơi về, Huê đã được một mẻ xoi xói như tát nước vào mặt của ông Tư đấy thôi. Nếu đêm nay mà đi nữa, đằng nào sáng mai ông cũng ra trước cửa mà bắc loa lên cho cả làng nghe thấy. Tưởng ra về mặt bản thân và những bước chân lững thững của Cẩn bước ra ngõ lúc chiều, Huê thấy mình thật có lỗi. Bao nhiêu ân tình của anh dành cho bấy nay đã có lần nào được đáp trả. Giờ có cơ hội được gần gũi, sẻ chia, cô lại nấn

ná khước từ. Biết khi nào Cẩn mới đủ can đảm để rủ mời Huê thêm một lần nữa. Tính Cẩn khiêm tốn đến mức thiếu tự tin là vậy. Đêm nay, không có Huê đi cùng, chắc Cẩn vẫn ra cửa biển ngồi câu cá. Mà không đi câu, Cẩn sẽ làm gì bên nhà ấy nhỉ.

Trăng vẫn trong veo và dát vàng dát bạc ở ngoài kia, Huê không tài nào chợp mắt được nữa. Lòng dạ nôn nao như người gặp cơn đói mà vẫn chưa tới bữa. Cô rón rén ngồi dậy và búi lại mái tóc, bàn tay khê khàng ém lại các góc mùng cho cẩn thận. Cu Tí vẫn ngủ thật say. Huê định ra ngoài một lát nhưng nghĩ sao lại thôi. Cửa buồng mà mở, dầu nhẹ tay tới mức nào cũng lại kêu cọt ka cọt két. Một tiếng động lúc này thật là bất tiện. Mấy hôm bị ốm nặng, bà Tư đã mất ngủ nhiều rồi. Đêm nay, Huê nghe ngóng thật kĩ. Mong sao mẹ chồng được hưởng một giấc ngủ thật ngon. Chắc là vậy rồi. Gian trên im ắng quá mà! Càng nghe ngóng, Huê lại càng thương bà Tư vô bờ.

Sau bữa giỗ Phong, bà Tư tất tả lo luôn mấy việc lớn trong nhà. Vừa nhờ người rao bán miếng đất vừa phải tính chuyện riêng tư cho mẹ con Huê, nhưng cũng phải canh mẹ lúc nào ông Tư tỉnh táo mới nói cho rõ ngô khoai được. Suốt nửa tháng rông, ông Tư mới nhịn được hai bữa nhậu. Chỉ vì cái dạ dày nó hành dữ quá nên ông mới chịu trói chân ở nhà cơ đấy. Gọi được chồng con ngồi vào bàn nói chuyện, bà cứ tưởng ông sẽ gạt gù chấp thuận theo ý bà. Xưa nay, mọi việc lớn bé trong nhà, ông có biết tới làm chi cho mệt não. Nhưng không, bà Tư vừa đi được nửa ý nguyện

thì chồng đã đột nhiên cao giọng lớn tiếng. “Ờ thì về đất đai nhà cửa, miếng đất bán được bao nhiêu tiền thì làm nhà bấy nhiêu! Được ngày được tháng thì làm. Nhưng để cho mẹ con Huê ra riêng thì không thể được!”. Vừa nói ông Tư vừa lắc lư cái đầu, cả thân người cũng lắc lư theo. Mạnh tay, ông hất luôn cái tách trà đang nghi ngút hơi làm nước văng ra khắp bàn. Ông phản đối kịch liệt và lí sự vô cùng. Đại loại thế này. Vợ chồng ông già yếu cả rồi. Giả như sau này, ông bà cùng nằm một chỗ, biết nhờ cậy ai cơm bưng nước rót cho qua tháng ngày. Lại thêm cu Tí còn bé quá, nó là cháu đích tôn, không ở trong cái nhà này thì ở đâu. Nó đâu, mẹ nó đấy! Nếu giả như con mẹ tái giá, thằng con theo mẹ, cảnh cha dưỡng con ghẻ, nó bị ngược đãi thì làm sao mà biết đường tìm về. Còn nữa, dù thằng Phong đã biệt vô âm tín sáu, bảy năm nay nhưng vẫn có khả năng còn sống. Trời mà thương cho, vợ chồng nó mà được sum họp thì cửa nhà vui biết cỡ nào. Người bạn của ông ngoài Sa Huỳnh, tưởng đầu mất tích, cả chục năm liền lang bạt bên tận Ma-lai-xi-a cũng có ngày trở về được đấy. E hèm! Ông Tư cứ thản nhiên ngồi tuôn ra một tràng.

Ánh mắt trân trân của bà Tư hết nhìn chồng lại nhìn con dâu, cổ tắc nghẹn không nói được câu nào. Ôi chao! Chẳng lẽ lại nói toạc móng heo ra cho ông ấy hiểu. Thanh xuân của đời người có chờ đợi ai bao giờ. Tổ cha nhà ông đi. Ông sống vô lo vô nghĩ, sung sướng quá chẳng biết gì đến ngày mai nữa hay sao. Cát nhà, dựng cửa xong, cũng là tròn bổn phận trách nhiệm của mẹ con dâu! Nếu mai này mẹ con nó cùng đường thì cứ về ở cùng chứ có làm sao.

Lại còn hi vọng vào việc con trai trở về. Bọn ông đi câu mực bị lạc hướng, chuyện khác hẳn với việc mất tích vì bão. Trời ạ! Bà Tư định đòi co với ông nhưng thấy căng thẳng quá lại thôi. Bà mệt quá rồi. Đòi mắt bắt đầu rơm rớm. Còn Huê, thấy mẹ sắp khóc, miệng chỉ kịp lắp bắp: “Thôi, má à!”. Rồi cô cứ ngồi thừ ra đấy, không thèm nhìn vào mặt ông Tư. Nhưng đôi mắt đỏ ngầu của ông như muốn đốt cháy cả gian nhà, đốt cháy những dự định tốt đẹp của bà Tư và muốn nuốt chửng cả mẹ con Huê. Huê cứ giả vờ giấu tay vo vo đầu thằng con đang gối lên đùi mình ngủ ngon lành. Thằng bé thấy người lớn ngồi xúm xít nói chuyện cũng sà vào lòng mẹ tự khi nào.

Trăng đã lên cao quá mái nhà. Vệt sáng chiếu vào buồng cũng khuất theo sự di chuyển của trăng. Huê đã thôi hẳn ý định ra ngoài và cố nằm chờ tới khi gà gáy sáng. Một đêm trôi qua trong tiếc nuối thật dài. Giờ này, Cẩn có còn ngồi câu cá ngoài ấy hay không. Hay anh đang thất vọng vì lần đầu tiên ngờ ý mà không được đáp lòng. Dẫu anh có thầm trách thì Huê cũng biết phân minh thế nào cho phải. Mọi việc đều có lí do của nó. Huê ba mươi rồi. Đàn bà là gái nạ dòng, dáng dấp thì đầy đà thật đấy nhưng sương gió dạn dày khiến da mặt Huê sạm hẳn đi. Nhiều đó cũng khiến cô già thêm đi dăm ba tuổi. Có còn xứng với Cẩn không. Về phía đôi bên, cha mẹ Cẩn có sẵn sàng đón nhận mẹ con cô? Lòng dạ Huê mông lung với những khắc khoải đang chớm tới mỗi mòn. Nhưng không thể nằm mãi như thế này được. Huê bật ngồi dậy, tay

chạm nhẹ công tắc điện. Ánh sáng lan tỏa khắp gian buồng. Huê chải lại tóc và lấy gương ra soi, soi thật kỹ từng gân guốc, từng đường nét nhăn nheo trên khóe mắt, bờ môi. Những vết nám lốm đốm càng lộ rõ trên khuôn mặt. Huê thử nở một nụ cười làm duyên rồi đưa mặt nghiêng qua nghiêng về. Chiếc gương, theo sự phản chiếu của ánh điện, dường như cũng biết chuyện trò.

Đang thả hồn sống với riêng mình mới được một lúc. Huê bỗng giật thót mình vì tiếng rột roạt ngay sát mép tường. Cô đưa mắt kiểm tìm và nhìn xuống lỗ thủng. Tối nay, làm gì có con chuột nào chạy qua đây. Không lẽ, thấy ánh sáng là chúng lại rục rịch tuồn nhau đi kiếm ăn. Ôi không. Vẫn tiếng rột roạt mà không hề có con chuột nào. Một tay, Huê vẫn cầm gương, một tay quờ nhanh lấy khúc cây. Cô mở chốt và lấy đầu cây đẩy nhẹ cánh cửa ra. Cốt kệt. Ánh điện cũng tràn ra khỏi buồng. Người đàn ông đang tựa lưng vào tường nhà. Ông ta đã đứng đấy tự khi nào. Đầu tóc bù xù, quần áo nhàu nhĩ. Huê mất hết bình tĩnh. Chiếc gương rơi xuống loảng xoảng. Người đàn ông giật lấy cây gậy, tay với lấy bóng đèn, tắt phụt. Một tay ông ta nắm cái đầu gậy, tay kia giang rộng, người đổ nhào xuống, đè nhanh lên Huê. Cái miệng đang vuông vẫn cũng lùng nhùng theo. Huê giằng được cây gậy, rất muốn đánh trả nhưng tay chân run lẩy bẩy. Lỡ ông ta bị đòn mà lăn ra nằm vạ hoặc chết bất đắc kỳ tử thì biết làm thế nào. Nhưng nhục, nhục

quá nhục chùng. Thì ra, ông ta không cho mẹ con Huê được tự do là vì thế này đấy ư? Huê muốn nhổ nước bọt hoặc cắn vào khuôn mặt trơ tráo của ông ta nhưng người cứ nhũn ra. Tay ông ta bắt đầu sờ soạng, miệng phà ra hơi thở hôi nồng lên ngực, lên cổ Huê. Huê dồn hết sức mình, đẩy mạnh người đàn ông ra. Cô chưa kịp định thần, cái cán chổi từ đâu đã liên tục đập lên người đàn ông. Á! Á! Tiếng kêu đau đớn, tiếng chổi đập dồn dập cùng tiếng la hét thất thanh của bà Tư. Cu Tí lồm cồm bò dậy, chẳng biết chuyện gì nó cũng khóc vang gian buồng. Bà Tư thở không ra hơi nhưng cố hồi giục: “Nhanh đi con, hai mẹ con hãy đi mau đi!”. Huê nhanh nhẩu vén mừng và cúi người ôm lấy con, hai mẹ con chạy thoát được ra ngoài.

Đôi chân Huê như muốn khụy xuống khi vấp phải hòn đá. Cô vừa ngoái đầu nhìn lại ngôi nhà vẫn còn vắng vắng tiếng la hét, chửi rủa nhau. Tay ôm con, người cô cứ đi như lao về phía trước. Đi càng xa càng tốt. Tốt nhất là đi về phía cửa biển. Rồi cũng ra đến nơi, Huê thở hắt ra và đặt con ngồi bệt xuống. Cu Tí vẫn ngơ ngác hỏi mẹ những chuyện đầu chuyện đầu. Trăng nghiêng dần về phía núi nhưng vẫn vàng vạc sáng. Huê nhìn rõ từ cái ụ bê tông chắn sóng, vẫn có một người đàn ông ngồi ở đấy.

Người ta đang chờ Huê tới để cùng bơi đêm.

H.V

Giải kiến tạo kiến trúc Chăm

TS. CHÂU MINH HÙNG

Quan hệ giữa Tháp Chăm với các mẫu gốc của Tháp Hindu trên đất Ấn, rồi xác lập quan hệ giữa một cái mái che với hình con thuyền, kể cả cái cửa tháp, chân đế hay khung trang trí hình chữ nhật, hình vòm mang tính thuần túy kỹ thuật là cái nhìn đơn giản mà các nhà Chăm học thường nói đến. Có một sự thật siêu nghiệm hơn nằm dưới các kiến trúc, điêu khắc Chăm cần được giải mã dưới góc nhìn của Giải kiến tạo.

Giải kiến tạo không mô tả lại lịch sử mà nhìn lịch sử bị khuất lấp dưới các lớp vỏ kiến tạo, từ đó các vết mờ hiện ra, hé lộ một sự thật tinh tế hơn, đậm nét trần tục trong tư duy nguyên thủy của nhân loại. Bài này dựa trên sự hiện hữu của những Tháp Chăm trên đất Việt, không mô tả lại lịch sử như các nhà Chăm học đã mô tả, cũng không giải thích các bí ẩn kỹ thuật mà đi tìm một kiểu tư duy vừa Ấn Độ vừa rất Chăm. Để làm được điều đó, nhất thiết phải vượt ra khỏi rào cản của những cấm kỵ. Cấm kỵ, cụ thể là cấm dục, cấm tục là con đẻ của quyền lực đã ngự trang tất cả, từ đó sinh ra các biểu trưng gọi là văn hóa.

1. Nền tảng kiến trúc Chăm: từ bản thể luận đến mô hình kiến trúc

Một nguyên thể ban đầu, bằng siêu nghiệm, có thể được nhận ra để tìm về gốc gác hay nguồn cội của vạn vật, gọi chung là *bản thể* (Essence). *Bản thể luận* (Ontology) lấy huyền thoại làm cơ sở để luận về bản thể, bởi huyền thoại, bề ngoài là mộng tưởng, nhưng bên trong nó là hiện thực. Tại thời điểm mà huyền thoại ra đời, con người gần với cội nguồn hơn, hay ít ra từng có một trực giác xuyên thấu qua các vách ngăn của lịch sử.

Kiến trúc và điêu khắc Chăm chắc chắn gắn liền với huyền thoại về các thánh thần, bởi các thánh thần hiện hữu ngay trên các vật thể của các tòa tháp. Tất nhiên, huyền thoại về thế giới các thánh thần ở đây có nguồn gốc từ Hindu giáo khúc xạ qua tín ngưỡng bản địa Chăm. Vì thế, công việc khảo cổ học tri thức huyền thoại

phải vượt qua mấy lớp văn hóa. Lớp trên cùng là văn hóa Ấn kết hợp với văn hóa Chăm bản địa, và lớp sâu hơn là một cấu trúc tư duy nối kết giữa hai nền văn hóa khác biệt. Chính tương đương của những dị biệt giúp ta phát hiện cái gì đã làm nên kiến trúc và điêu khắc Chăm.

Theo Rakesk Tewari trong *Di sản văn minh chung của Việt Nam và Ấn Độ (The Joint Civilizational Heritage of Vietnam and India, Danang, 25 August, 2017)* từ khảo sát hình thể kiến trúc đến các trang trí điêu khắc trên các Tháp Hindu và Tháp Chăm, đã phát hiện có rất nhiều nét tương đồng và cũng rất nhiều nét dị biệt. Sự tương đồng về hình thể không chỉ nằm ở các ngọn tháp cao lừng lững “hình kim tự tháp” thờ Shiva linh thiêng mà còn nằm ở các tháp phụ “hình con thuyền” thờ Vishnu, thần bảo hộ cho con người; các đồ hình chữ nhật ở chân tháp là hiện thân một Brahma vững chắc cho mọi sáng tạo. Vị trí các pho tượng điêu khắc, gần như tương đương khi đặt vào các ô vuông hoặc hình trụ với những trang trí tinh xảo. Chân dung các thánh thần cũng có chung hình dạng, chỉ khác biệt ở khuôn mặt, đôi mắt do sự nhân hình hóa từ thân xác con người bản địa. Rakesk Tewari quan tâm nhiều ở mái tháp hình thuyền, nơi thờ một Vishnu bảo hộ, đó vừa là tư duy của cư dân vùng duyên hải miền Đông Ấn vừa mang tính chất cuộc sống sông nước vùng Đông Nam Á và Chăm. Đây là công trình miêu tả công phu nhất về mối quan hệ giữa kiến trúc, điêu khắc Chăm với kiến trúc, điêu khắc Ấn Độ. Công việc này không khó nếu có một quan sát đối chiếu giữa hai nền văn minh. Sự mô tả đó hoàn toàn nằm trong thường nghiệm mà ai cũng có thể làm được.

Tất nhiên, ở chiều sâu bên trong những gì của kiến tạo mà mắt thường nhìn thấy, nếu bắt mạch vào trong huyền thoại, một Shiva lừng lững phải là một cái Linga khổng lồ chứ không phải là một kim tự tháp kiểu Ấn. Tháp Chăm cũng như các Tháp Hindu là đền thờ thần linh, không phải là lăng mộ của vua. Kim tự tháp khổng lồ, trên tượng trưng cho Trời, dưới tượng trưng cho Đất để các vua sau khi chết về với trời đất vĩnh hằng. Trong khi Tháp Chăm cũng như Tháp Hindu là nơi thờ tự, ở đó con người có thể giao tế với thế giới siêu nhiên thần thánh. Cho nên mô hình kiến trúc Chăm cũng như kiến trúc Hindu tất yếu gắn liền với cái bản thể mà con người cho là nguyên mẫu. Đến tòa tháp là đặt chân vào thế giới một Brahma vững chắc, một đấng sáng thế cũng là nền tảng của mọi sáng tạo, ngưỡng vọng về một Shiva lừng lững uy nghiêm và hướng thượng, hòa nhập với Vishnu bảo hộ cho sự sống hiện sinh. Dưới góc nhìn này, giải thích của Rakesk Tewari không có gì mâu thuẫn, nhất là cái hình chữ nhật của đồ hình chân đế (Brahma), chóp nhọn đỉnh tháp (Shiva), mái thuyền (Vishnu).

Tuy nhiên, nếu chỉ như vậy, cái bản thể mà tư duy Ấn lẫn Chăm hoàn toàn rơi vào hoang tưởng về cội nguồn thần thánh của mình. Một bản thể siêu việt của sự toàn thiện toàn mỹ không là tư duy nguyên thủy mà là tư duy của quyền lực. Ấn Độ nguyên thủy và Chăm cổ sơ phải là một tư duy phồn thực, tức cái có trước hình hài đầy đủ của Brahma, Shiva và Vishnu. Huyền thoại trước các kinh điển của Hindu giáo là huyền thoại dân gian, nơi mà đời sống người dân chỉ cần sự sinh sôi nảy nở, phải là một thế giới của những ham muốn trần thế. Điều này không là ngoại lệ cho

dân tộc nào, nhưng Ấn Độ và Chăm lại là nơi còn lưu giữ đầy đủ, nguyên vẹn các dấu vết hoan lạc trần tục, trong khi ở những nơi khác đã bị thế giới thánh thần tôn nghiêm của tư duy quyền lực xóa sạch hoặc vùi lấp dưới tầng sâu.

Các huyền thoại dân gian vùng sông Ấn, sông Hằng miêu tả rất rõ Brahma gốc sinh ra từ Quả trứng. Cái Quả trứng nguyên thủy ấy chính là nhất nguyên của Thần lực nữ tính (Shakti), điêu khắc cổ sơ kiến tạo thành hình một phụ nữ có Âm vật được banh ra như một Hang động nguyên thủy. Cái biểu tượng nguyên sơ ban đầu này không là bản thể trong tư duy Hindu là gì? Shakti được Ấn Độ giáo nguyên thủy nói đến với cái tên "Adi Shakti" hoặc "Adi Parashakti", nghĩa tương đương như là cội nguồn. Trong huyền thoại cổ sơ, trước khi xuất hiện huyền thoại về bộ ba tam thần (Trimurti), Shakti chủ động thể hiện thân xác thông qua hiện thân nữ và khả năng sáng thế, bao gồm sáng tạo và sinh sản, mặc dù đặc tính ấy cũng tiềm tàng ở nam giới. Người Ấn cổ sơ tin rằng Shakti vừa mang tiềm năng sáng tạo vừa là tác nhân của mọi thay đổi. Shakti là một vũ trụ nguyên sơ, giống như cái lỗ đen của vật lý hiện đại, vừa thu hút vừa giải phóng và trở thành một siêu nhiên bí ẩn. Trong Shaktism, Shakti được tôn thờ như đấng tối cao, giống thần Chaos (Hỗn mang) của Hy Lạp. Shakti là tiền thân của Brahma, Vishnu và cả Shiva, từ nhất nguyên thành tam nguyên, một đực một cái thành hai đối cực và một trung gian.

Trong tín ngưỡng thiêng liêng, có lẽ người ta buộc phải quên một Brahma được đặt trong quan hệ tương ứng với phần đế của bộ Yoni-Linga, tức thuộc giống cái, tượng trưng bằng cái cối có khe chảy, còn Shiva thì lừng lững ở phần trên, tức thuộc giống đực, phô trương gần như nguyên dạng hình dương vật. Đứng tinh thần huyền thoại, nguồn gốc của Shiva linh thiêng, cao quý là cái dương vật khổng lồ. Một số bộ Yoni-Linga có khắc chạm luôn cả bộ nhũ hoa vòng quanh đại diện cho một Vishnu mang lại nguồn sữa cho sự sống. Huyền thoại về Vishnu gốc là một con Rùa nằm trên biển sữa. Tính chất trần tục của thần linh Ấn giáo phản chiếu rõ nét đặc thù của tư duy: con người suy nghiệm về cái tiểu vũ trụ của mình trước khi mở tầm mắt nhìn ra đại vũ trụ bên ngoài.

Tư duy đực/ cái ấy không xa lạ với truyền thống Chăm, nơi mọi khởi phát đều thông qua quan hệ đực/ cái rất tự nhiên và hỗn nhiên nguyên thủy. Giống như người Việt cổ, người Chăm tư duy mọi sự đều theo quan hệ đực/ cái. Vạn vật có đực có cái, đến con mương cũng có Mương Đực, Mương Cái. Khi xây nhà, điển hình là nhà lá mái, cũng có mộng đực, mộng cái và ghép vào như thế giao hoan. Ngay cả nhóm các chức sắc trong tế tự cũng chia thành nhóm đực nhóm cái. Chuyện đực/ cái chi phối luôn cả cõi chết. Giống như người Êđê, Bana quan niệm sống sao chết vậy, quanh nhà mồ là những bức tượng gỗ giao hoan. Có lẽ người Chăm ban sơ cũng vậy, kể từ khi ảnh hưởng của tôn giáo ngoại lai đã chia sự tế tự và cõi chết thành 2 nhóm đối lập với nhu cầu thoát tục. Nhóm đực – Aheir thực hiện nghi lễ Hỏa táng (sống mang tính đực, chết về dương - Po lingik). Nhóm cái – Awal thực hiện nghi lễ Thổ táng (sống mang tính cái, chết thuộc về âm - Po tanâh riya). Tư duy này đã tiếp nhận một cách nhanh chóng Ấn giáo với những cải biến theo lối sống bản địa, từ đó chi phối mọi tư duy sáng tạo khác, trong đó có điêu khắc và kiến trúc Chăm.

Chúng ta sẽ nhìn kiến trúc Tháp Chăm là một nguyên thể thống nhất các mặt đối lập. Nếu mỗi Ghur hay Kut là nơi thờ tự tổ tiên của một dòng họ thì mỗi Tháp Chăm vừa là nơi thờ tự thánh thần vừa là một hiện thân Thủy tổ của cả dân tộc Chăm, và rộng ra là cả nhân loại.

2. Cấu trúc và chức năng của Tháp Chăm

Giới Chăm học có một thời đặt câu hỏi và tranh cãi sôi nổi, rằng Tháp Chăm là lăng mộ hay nơi tế tự thần linh? Hiển nhiên, khi đặt trong quan hệ với các Tháp Hindu trên đất Ấn, sự tranh cãi này trở nên không cần thiết. Mỗi Tháp Chăm dù đặt trên đồi cao hay ở đất bằng đều là nơi tế tự thần linh. Một thể giới đa thần hiện hình từ trên cao đến dưới thấp, từ trung tâm đến ngoại biên. Có nghĩa là cái quần thể thần linh trong tín ngưỡng Chăm có tôn ti chứ không hề là một thể giới hỗn tạp.

Tháp Chăm kế thừa ít nhất vào trong giai đoạn khá muộn của Ấn Độ giáo. Ấn Độ giáo là tôn giáo thống nhất các tín ngưỡng khá đa dạng của dân gian khắp tiểu lục địa này. Sự thống nhất này kéo dài 500 TCN đến 300 sau CN, sau khi kết thúc thời kỳ Vệ đà (1500 đến 500 TCN), và phát triển mạnh trong thời Trung cổ. Sự suy tàn của Phật giáo nhường chỗ cho Ấn Độ giáo cường thịnh cũng đồng thời với việc tự thân Ấn Độ giáo phải canh tân, trong đó có phần dung hợp những tinh hoa triết lý nhà Phật. Phật giáo sau khi kế thừa vũ trụ luận của huyền thoại dân gian, khái quát chân lý về khổ hạnh và đi đến chủ trương *diệt dục*; trong khi Ấn Độ giáo vẫn coi dục tính là bản thể tự nhiên, nhưng tất yếu phải *kiểm dục*. Điều này làm cho các Tháp Hindu mới khác hẳn với các tháp thờ thần linh cũ. Tại vùng Đông Ấn vẫn còn lưu giữ nguyên vẹn hơn mười tòa tháp cổ miêu tả cảnh quần hôn tạp hôn nguyên thủy, chứng tỏ dục tính từng được suy tôn. Trong trường hợp đó, tính chất nhị nguyên Tục và Thiêng gần như chưa xuất hiện. Nói cách khác, trong tín ngưỡng nguyên thủy, Tục cũng là Thiêng – con người thần thánh hóa sự hoan lạc của mình. Loài người tôn thờ sự sinh sôi nảy nở, điều này ở dân tộc nào cũng có. Tính chất nhị nguyên Tục/ Thiêng cùng với tôn ti luận là đặc điểm làm cho Ấn Độ giáo khác biệt với tín ngưỡng dân gian, và nhờ đó Ấn Độ giáo có sức mạnh chinh phục người Ấn hơn Phật giáo. Ấn Độ giáo vừa dựa vào truyền thống phồn thực dân gian vừa đưa tình trạng hỗn tạp vào trật tự gọi là văn minh.

Tất nhiên, nhị nguyên luận Tục/ Thiêng của Ấn giáo không là một đối lập cực đoan như siêu hình học Hy Lạp và Trung Quốc. Nó chẳng qua xác lập một quan hệ tôn ti: trên cao/ dưới thấp, ánh sáng/ bóng tối, cao quý/ thấp hèn. Tuy nhiên, nếu như siêu hình học và tôn giáo độc thần tạo ra các đối lập nhị nguyên cực đoan đẩy tư duy con người vào mộng tưởng đến mức thoát ly khỏi đời sống trần tục thì Ấn giáo lại tư duy siêu nghiệm từ đời sống trần tục. Vẫn bộ phận sinh dục, nơi giao hoan cực lạc trần thế, Ấn giáo tự chế biến thành trên cao/ dưới thấp, ánh sáng/ bóng tối, cao quý/ thấp hèn, trong đó, những gì quá trần tục bị đẩy vào chỗ nguy trang kín đáo. Kết quả là bộ Linga-Yoni ra đời trong tính thể lật ngược, nam trên nữ dưới. Chủ nghĩa tả thực trong các đền tháp cũ hoàn toàn bị biên tập để thành hình ảnh tượng trưng ở giới hạn tương đương một phần với hiện thực.

Không phải ngẫu nhiên mà trung tâm thờ tự của Tháp Chăm cũng như các Tháp Hindu vẫn là bộ Linga-Yoni. Bởi đây được xem cội nguồn của mọi hoan lạc, cũng là cội nguồn của mọi thần linh. Thần linh, theo Marx, không ai khác chính là sự thần thánh hóa con người tự nhiên. Quần thể các thần linh được đặt xung quanh tòa tháp đều là những đứa con sinh ra từ cái bản thể mà hình tượng chính đáng không gì khác là bộ Linga-Yoni. Sự phối ngẫu giữa Linga và Yoni chính là năng lượng dục tính tự nhiên, từ đó sự sống hình thành. Trong nghĩa ấy, bộ Linga-Yoni tự nó mang lại phức cảm Tục mà Thiêng, vừa khoái lạc thân xác vừa thăng hoa tinh thần. Ý nghĩa về một tinh thần thiêng liêng tự điều chỉnh sự tự do hỗn tạp của thân xác trần tục. Điều này cũng giống như tình yêu đời thường, nếu không nhìn thấy sự thiêng liêng, con người chỉ có thể tự do hoan lạc trong sự thỏa mãn thân xác và tự đồng hóa mình với động vật.

Tính chất tôn ti của thế giới thần linh trong đền tháp từ thời Ấn Độ giáo thể hiện ở ngôi cao thấp của các vị thần. Hiển nhiên bộ ba tam thần Brahma-Vishnu-Shiva luôn được đặt ở vị trí hàng đầu các vị thần, nhưng sau cuộc đảo chính của Shiva đã hoàn toàn khác. Một Shiva vừa Hủy vừa Tạo, vừa Sinh vừa Diệt đầy quyền lực nam tính sinh ra từ phần Linga lừng lững ắt chiếm chỗ không gian trên cao, dưới cùng là Brahma làm nền tảng, trung gian là Vishnu. Và như vậy, không nghi ngờ gì nữa, toàn bộ cấu trúc Tháp Chăm là một bộ Linga-Yoni khổng lồ. Cái chân đế hình chữ nhật không đơn thuần là vấn đề kỹ thuật mà là một cách điệu Yoni, bộ phận sinh dục nữ, nơi Brahma sinh ra được huyền thoại hóa thành Quả trứng khổng lồ, hình hài của Trái Đất hay thậm chí là cả Vũ trụ. Toàn bộ thân tháp chính là cái Linga, bộ phận sinh dục nam, theo huyền thoại nguyên thủy là hình hài đầu tiên của Shiva, từ dưới biển trời lên mặt đất, tìm cách thoát trần tục hướng lên Trời thiêng.

Một điều thú vị là nếu đem so sánh Tháp Chăm với Tháp Hindu trên đất Ấn, dễ thấy một sự khác biệt không phải do kỹ thuật mà do quan niệm.

Tháp Hindu biên tập luôn cả cái khắc, phần nổi mái che với thân tháp, biến dương vật thành hình chóp như kim tự tháp. Trong khi đó mỗi Tháp Chăm đều nhấn mạnh vào cái khắc, tức giữ lại tính tương đương giữa biểu trưng với hiện thực. Và đến đây thì chúng ta lưu ý đến cái cửa và khung trang trí, nơi đặt các vị thần. Gần như đa số Tháp Hindu thời Ấn giáo đều làm hình vuông, chữ nhật, hay hình vòm. Cấu trúc hình vuông hay chữ nhật, thực chất là sự lập thể hóa Yoni, xem như thần linh từ cái Hang bí ẩn đó mà ra. Riêng hình vòm đã là một sự chuyển hướng nam quyền cực đoan, hạ thấp vai trò phụ nữ và xem đàn ông mới là cội nguồn của sự sống mà phương Tây gọi là chủ nghĩa duy dương vật (phallicism). Tất nhiên, với dạng hình học này, cũng như cái cấu trúc hình kim tự tháp trên kia, rất dễ đồng hóa với tiêu chuẩn kỹ thuật hơn là sản phẩm của quan niệm. Trong khi Tháp Chăm lại thống nhất sử dụng một hình ảnh khác. Tất cả cửa ra vào và khung trang trí thần linh đều mang hình ảnh cái tam giác nở to phần dưới, nhọn phần trên, có viền môi nổi lên, tức hình Âm Đạo. Đó chính là một Yoni được biên tập ở giới hạn mà biểu trưng và hiện thực còn kết nối quan hệ tương đương, gắn gũi. Đặt Yoni như một cái Hang bí ẩn vào giữa thân cái Linga, người Chăm đã kiến tạo hai trong một,

trong đực có cái, trong cái có đực như chính ngôn ngữ thông thường của dân bản địa. Đực và cái trong tư duy Chăm luôn là một quan hệ thống nhất, biện chứng, từ đó hình thành và duy trì bền vững về vấn đề giới và hôn nhân mẫu hệ-phụ quyền. Chăm không phân biệt đối xử nam/ nữ như Balamôn chính thống.

Đến đây, có lẽ cũng cần đẩy xa hơn về cái mái hình thuyền, nơi thờ một Vishnu bảo hộ mà Rakesk Tewari giải thích trên kia. Cái mái hình thuyền trong vị thế của những tháp trung gian, nhỏ hơn tháp chính, trong hệ quy chiếu với bộ Linga-Yoni, rõ ràng vẫn có quan hệ với bộ phận sinh dục, rộng hơn là sự sinh nở. Và hãy quan sát kỹ, ở Tháp Bánh Ít Bình Định chẳng hạn, nếu nó mang hình thuyền thì lẽ nào đó là cái thuyền lật úp. Nó vẫn là cái mào dương vật, nhưng sự cách điệu đó còn thấp thoáng hình thể của bộ nữ hoa ngẩng lên trời, cái thường nằm trung gian ở bộ Linga-Yoni! Đây cũng là hình tượng độc đáo của hai trong một khi chế tác hiện thực thành biểu trưng văn hóa kiểu Chăm.

Theo Levy-Strauss, đại diện tiêu biểu của cấu trúc luận, mọi ký hiệu-biểu trưng đều có chức năng biểu đạt, phản ánh quan niệm hay cấu trúc của tư duy, nhưng hoàn toàn vô đoán so với hiện thực. Trong khi, quan hệ giữa hình thể Tháp Chăm và hiện thực sống động của cuộc sống hoan lạc trần thế hoàn toàn là quan hệ có lý do. Điều này cũng phản bác luôn luận đề của Hegel, rằng kiến trúc với loại hình nghệ thuật tượng trưng hoàn toàn không có quan hệ nào với tự nhiên mà chỉ là ý niệm. Trong trường hợp Tháp Chăm, dễ thấy nhất là một cấu trúc tư duy vừa theo mẫu gốc chính thống vừa bản địa hóa theo hiện thực cuộc sống hoan lạc trần tục. Và xét đến cùng, cấu trúc tư duy cũng làm nên cơ cấu kỹ thuật, không chỉ cho kiến trúc, điêu khắc mà cho mọi loại hình nghệ thuật. Không gì bền vững hơn sự giao kết đực/ cái, theo cái nhìn dân gian, hay âm/ dương trong cái nhìn hàn lâm của Hán học.

Theo J.Derrida, các ký hiệu không vô đoán nếu giải cấu trúc bằng sự chuyển hướng từ đồng đại sang phân tích lịch đại. Sự kết nối tương đương giữa cái hiện diện với cái vắng mặt cho thấy tính có lý do của mọi sáng tạo. Mọi sáng tạo đi ra từ nguyên mẫu, nhưng không quy về hiện thực tiên nghiệm ban đầu mà luôn phát tán thành những khác biệt. Có nghĩa là cái hiện thực ban đầu là một thứ biểu đạt tiên nghiệm, do cấm kỵ, nó luôn bị vắng mặt hoặc ngưng trệ bằng nhiều hình thức. Cấm kỵ ban đầu là cấm dục. Nhờ cấm kỵ, tư duy con người bắt đầu thoát ra khỏi hiện thực với những cắt xén, biên tập, tự kiểm duyệt, và cuối cùng, trên chuỗi biểu đạt của hình thức, cái hiện diện phát tán thành vô số khác biệt để thay thế hiện thực ban đầu. Khác chính là sáng tạo. Khác làm giàu có cho tinh thần và khai phóng tư duy. Nguyên lý difference của Derrida gây nhiều tranh cãi bởi sự diễn giải phức tạp của triết gia, trong khi nó được chứng minh đơn giản và thuyết phục bởi những sáng tạo nghệ thuật trên đất Chăm.

Bình Định, 10.12.2020

C.M.H

Công chúa Lê Ngọc Hân và bài *Tế Quang Trung để văn* bằng chữ Nôm

TS. VÕ MINH HẢI

1. Công chúa Lê Ngọc Hân – nàng dâu đất Bình Định

Lê Ngọc Hân (1770 – 1799), là con gái thứ 09 của vua Lê Hiển Tông nên còn được gọi Ngọc Hân công chúa. Sau được gả cho Nguyễn Huệ (1786), khi Nguyễn Huệ xưng đế ở Phú Xuân lấy hiệu là Quang Trung, bà được phong Bắc Cung hoàng hậu (1789). Bà là một nhân vật lịch sử nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời thế kỉ XVIII. Cuộc đời bà gắn liền với những sự kiện lịch sử phi thường của dân tộc, cuộc tình giữa bà và Nguyễn Huệ luôn được các giới văn nhân, hậu học đời sau ca ngợi là một thiên tình sử điển lệ. Năm 1799, khi bà qua đời, bà được vua Cảnh Thịnh truy tôn là *Nhu ý Trang Thân Trinh Nhất Vũ Hoàng hậu*, được an táng tại huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc. Năm 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời, bà đã sáng tác hai kiệt tác để đời là *Ai tư văn* (còn gọi là *Khuê phụ thán*, *Tiên thánh thăng hà hoàng hậu ai văn*) và *Văn tế vua Quang Trung* (hay còn gọi là *Tế Quang Trung để văn*). Hai tác phẩm này đều được viết bằng chữ Nôm.

Bài *Văn tế vua Quang Trung* của bà được đánh giá là một tác phẩm mở đầu cho dòng văn tế Nôm thời Tây Sơn. Bài văn được làm theo thể phú lời văn có khuynh hướng bác học, súc tích và giàu điển cố. Trong *Thi văn bình chú*, Ngô Tất Tố đã nhận xét: “*Cả bài (văn tế) ý nghĩa rõ ràng, lời lẽ chải chuốt, dùng điển cũng đặc thể và xác đáng*”⁽¹⁾. Hai tác phẩm Nôm của Ngọc Hân, đặc biệt là bài *Văn tế vua Quang Trung*, Ngọc Hân công chúa đã gợi cho chúng ta tiếng than nảo nuột của một thiếu phụ thất vọng vì sự ra đi vĩnh viễn của một người chồng, một bậc quân vương, một người hùng đoán mệnh trong khi ngọn lửa chiến tranh vẫn tiếp tục lan tràn. *Văn tế vua Quang Trung* do đó đóng vai trò mở đầu cho một khuynh hướng tình cảm và ưu thời mẫn thế trong văn tế Nôm thời Tây Sơn nói chung và văn tế Hán Nôm vùng Bình Định nói riêng.

2. Về văn bản tác phẩm *Tế Quang Trung để văn*

Tác phẩm *Tế Quang Trung để văn*, còn gọi là *Văn tế vua Quang Trung*, đây là tác phẩm được viết bằng chữ Nôm của Công chúa Lê Ngọc Hân. Nó có cùng số phận với *Ai tư văn*, tức là có sự nghi ngờ về tác giả của tác phẩm. Ở *Văn tế vua Quang Trung*, sự

hoài nghi về tác giả được đặt ra khá cấp thiết, nguyên nhân cơ bản của nó nằm ở chỗ hình thức khá đặc biệt. Theo Nguyễn Cẩm Thúy – Nguyễn Phạm Hùng “*nếu nhìn về bề ngoài, Văn tế vua Quang Trung rất giống những bài văn tế của Phan Huy Ích. Muốn giải quyết vấn đề thỏa đáng vấn đề này, cần có một chuyên luận riêng về đặc điểm thể loại*”⁽²⁾. Về nguyên bản Nôm, cũng như những tác phẩm khác của Lê Ngọc Hân, *Văn tế vua Quang Trung* không còn nhiều bản Nôm. Về bản phiên âm quốc ngữ in trong nhiều trong các chuyên luận nghiên cứu về thơ văn Nôm thời Tây Sơn. Theo sự khảo sát của cá nhân, hiện nay có 04 bản quốc ngữ như sau: Bản của Trần Trung Viên sưu tập, in trong *Văn đàn bảo giám* (1932), tạm gọi bản A; Bản của Ngô Tất Tố in trong *Thi văn bình chú* (1957), tạm gọi bản B; Bản của Nguyễn Cẩm Thúy và Nguyễn Phạm Hùng in trong *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn* (1997), tạm gọi bản C; Bản của Lộc Xuyên Đặng Quý Định in trong *Văn tế ở Bình Định* (2008), tạm gọi là bản D; Bản của Bảo tàng Quang Trung (được sưu tầm năm 1992, hiệu đính năm 2019), tạm gọi bản E. Đây là bản trực, là bản chúng tôi sử dụng trong bài viết này.

3. Chú giải văn bản *Tế Quang Trung* để văn

Than rằng:

Chín từng ngọc sáng bóng *trung tinh*⁽³⁾, ngoài muôn dặm cùng trông về *thúy*⁽⁴⁾,
Một phút mây che vắng *Thái Bạch*⁽⁵⁾, trong *sáu cung*⁽⁶⁾ thoắt đã nhạt hơi hương.

Tơ đứt tắc lòng ly biệt; Châu sa giọt lệ cương thường⁽⁷⁾.

Nhớ phen *bến Nhị*⁽⁸⁾ thuận buồm, hội *búa việt*⁽⁹⁾ *chín châu*⁽¹⁰⁾ lừng lẫy,

Vừa buổi *cầu Ngân*⁽¹¹⁾ sẵn nhịp, đoàn *ỷ la*⁽¹²⁾ đòi nước⁽¹³⁾ rờ ràng⁽¹⁴⁾.

Hôn cấu⁽¹⁵⁾ đã nên *nghĩa cả*⁽¹⁶⁾; *Quan san*⁽¹⁷⁾ bao quản *dặm trường*⁽¹⁹⁾.

Nhờ lượng trên cũng muốn *tôn Chu*⁽¹⁹⁾, tình *thân hảo*⁽²⁰⁾ đã ngăn chia đôi nước.

Song *thế cả trót đà về Hán*⁽²¹⁾, hội *hỗn đồng*⁽²²⁾ chi cách trở một phương.

Lòng dẫu xót thấy cơn *cách chính*⁽²³⁾; *Thân*⁽²⁴⁾ lại nhờ gặp hội *hưng vương*⁽²⁵⁾.

Thành Xuân⁽²⁶⁾ theo ngọn *long kỳ*⁽²⁷⁾, đạo *tề trị*⁽²⁸⁾ gần nghe tiếng ngọc

Cung hữu⁽²⁹⁾ rạng mầu *địch phát*⁽³⁰⁾, tình ái ân muôn đội *nhà vàng*⁽³¹⁾.

Danh phận⁽³²⁾ ấy cây vụn trồng mọi vẻ; Nền nếp xưa nhờ che chở trăm đường.

Ồn sâu nhuần gọi cỏ cây, chốn *lãng tảo*⁽³³⁾ chẳng phạm chồi *du tử*⁽³⁴⁾

Lộc nặng thơm tho hương khói, nơi *miếu đường*⁽³⁵⁾ nào khuyết lễ *Chung Thường*⁽³⁶⁾.

Mọi nỗi, mọi nhờ trọn vẹn; Một điều một được vẻ vang.

Phép hằng gìn *hạc thực tước thoa*⁽³⁷⁾, *buồng khuê*⁽³⁸⁾ rạng khuôn *nội tắc*⁽³⁹⁾.

Điểm sớm ứng *Chung tu*⁽⁴⁰⁾ *Lân chi*⁽⁴¹⁾, *phái Lam*⁽⁴²⁾ thêm *diễn*⁽⁴³⁾ *thiên hoàng*⁽⁴⁴⁾.

Mấy chút chưa đền đức cả; Gót đầu đều trọn ơn sang.

Đền Vị Ương⁽⁴⁵⁾ bóng đuốc bùng bùng, lòng *cần mẫn*⁽⁴⁶⁾ vừa khi đóng dả

Miễn Cực lạc⁽⁴⁷⁾ xe mây vụn vút, duyên hảo cầu sao bỗng dở dang?

Ôi!

Gió lạnh *buồng đào*⁽⁴⁸⁾, rơi *cầm nẩy sắt*⁽⁴⁹⁾; Sương pha *cung đở*⁽⁵⁰⁾, hoen phấn mờ gương.

Tiệt vầy vui nhớ hãy rành rành, nhịp ca múa bỗng khuấy chùng *Thần ngự*⁽⁵¹⁾.

Buổi châu chực tưởng còn phảng phất, chuông điểm hồi sao vắng chốn *Cảnh dương*⁽⁵²⁾.

Vấn vít bấy bấy năm *kết phát*⁽⁵³⁾; Đau đớn thay, trăm nỗi đoạn trường⁽⁵⁴⁾.

Hé *nhà sương*⁽⁵⁵⁾ ngấm quyền *cung châm*⁽⁵⁶⁾, tiếng *chi phát*⁽⁵⁷⁾ hây mơ màng trên
gối

Nương *hiên nguyệt*⁽⁵⁸⁾ ngấm lời đình chỉ⁽⁵⁹⁾, bóng *thúy hoa*⁽⁶⁰⁾ còn chấp chới bên
tường.

Hang, núi⁽⁶¹⁾ cũng phàn nàn đòi chốn; Cỏ hoa đều sùi sụt mấy hàng.

Liều *trâm thoa*⁽⁶²⁾ mong theo chốn *chân du*⁽⁶³⁾, da tóc trăm thân khôn có tiếc

Ôm *cưỡng bảo*⁽⁶⁴⁾ luống ngậm ngừng *di thể*⁽⁶⁵⁾, *nhũ mang*⁽⁶⁶⁾ đòi chút lại thêm
thương.

Tiếc thay!

Ngày thoi thắm thoát; *Bóng kích*⁽⁶⁷⁾ vội vàng.

Thuyền *ngự tọa*⁽⁶⁸⁾ đã ngang dòng *Thái Thủy*⁽⁶⁹⁾,

Bánh *Long xa*⁽⁷⁰⁾ thẳng chỉ chốn *Tiên hương*⁽⁷¹⁾

Nẻo *hoàng tuyền*⁽⁷²⁾ xa cách mấy trùng, ngao ngán thêm đành cơn *biệt du*⁽⁷³⁾.

Chén *hoàng thúy*⁽⁷⁴⁾ kính dâng một lễ! Xét soi xin thấu cõi *dương gian*⁽⁷⁵⁾.

Hỡi ôi! Thượng hưởng!

4. Mấy nhận xét về bài *Tế Quang Trung để văn*

Có thể nói, đây là một tác phẩm chất chứa bao nỗi niềm của một người vợ trước sự ra đi đột ngột của chồng. Bài văn tế này về cấu trúc hình thức có thể chia thành nhiều đoạn với những ý nghĩa khác nhau. Cả bài ý tứ gọn gàng, điển ngữ đẹp đẽ, xác đáng không chỉ góp phần thể hiện rõ sự chua xót, tình cảm đốn đau mà còn thể hiện văn tài của người viết.

Khởi phát từ cái chết đột ngột của Quang Trung hoàng đế mà ngòi bút của Lê Ngọc Hân như có thần và tuôn trào thành những áng văn Nôm bất hủ, bài *Tế Quang Trung để văn*. Tất cả đều trình bày một mạch tư tưởng đó là: *Sự ra đi đột ngột của vua Quang Trung như một sự mất mát lớn lao của mọi người và nhất là với chính tác giả; Ngợi ca công nghiệp và những ảnh hưởng của vua Quang Trung trên nhiều phương diện. Nhất là đánh giá đúng phẩm chất con người của ngài: Tài đức, trung hậu, nhân ái, rộng lượng và cần mẫn; Bộc bạch lòng thương cảm, nhớ nhung của một người vợ trẻ và con thơ trước sự đột ngột chia tay không một lời từ biệt; Cuối cùng là sự nhìn nhận lại số phận kém may mắn, ngẩn ngui, bạc phận của bản thân tác giả.* Về phương diện nghệ thuật, đúng như tác giả Nguyễn Văn Sâm đã nhận xét: "bài văn tế làm theo thể phú nên lời văn có khuynh hướng bác học, súc tích, điển cố"⁽⁷⁶⁾. Mặc dầu vậy, về nguồn gốc xuất xứ của điển cố, chúng tôi nhận thấy các điển ngữ được dùng ở đây khá phong phú, phức tạp và giàu ý nghĩa văn hóa. Các điển cố xuất hiện trong các câu, đoạn với ý nghĩa biểu trưng sâu sắc.

Tóm lại, tác phẩm đã để lại cho chúng ta một dư vị đắng cay, một tiếng than thở nao lòng của người trong cuộc, của một người thiếu phụ vô cùng chua xót trước sự ra đi vĩnh viễn của chồng, một sự thương xót trước đoán mệnh của người anh hùng áo vải và sự tự vấn, nhận chân một sự thật bề bàng trước hoàn cảnh thực tế của cuộc đời mình. Bởi lẽ, sau sự kiện này Lê Ngọc Hân tiếp tục chứng kiến biết bao cuộc tang thương mà lịch sử phân tranh cuối thế kỉ XVIII và những năm đầu thế kỉ XIX đã xảy ra.

Với một lớp ngôn từ điêu luyện, bác học, thông qua tác phẩm *Tế Quang Trung để văn* đã đóng góp vào lịch sử văn tế Nôm nước nhà nói chung và văn tế Nôm Bình Định nói riêng một viên ngọc bích lung linh và đầy bí ẩn, dự cảm.

Thanh Minh Tân Sưu, 2021.

V.M.H

- (1). Ngô Tất Tố (2010), *Thi văn bình chú* (Cao Đắc Điểm sưu tầm, bổ sung), Nxb Văn học, Hà Nội, tr.128.
- (2). Nguyễn Cẩm Thúy – Nguyễn Phạm Hùng (1997), *Văn thơ Nôm thời Tây Sơn*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.94.
- (3). Trung tinh: Theo *Lễ kinh*, thiên Nguyệt lệnh có chú rằng các sao trong nhị thập bát tú thay nhau đứng giữa. Ngôi nào đứng chính giữa thì gọi là Trung tinh. Ở đây ngụ ý chỉ ngôi vua của Quang Trung vừa được xác lập.
- (4). Thúy : màu xanh lông cánh của con chim Trạ, đẹp. Bản A, B, C ghi là *Thuy* về của điểm lành. Bản D, E chép là *Thúy*.
- (5). Thái Bạch: Túc sao Mai, sáng nào cũng mọc ở phương Đông. *Thi kinh*, phần Tiểu Nhã, bài Đại Đông có câu: “Đông hữu Khải Minh, Tây hữu Trường Canh” (phía Đông là sao Khải Minh, phía Tây là sao Trường Canh). Hàn Thi 韓詩 có câu: “Thái bạch thần xuất đông phương vi khải minh, hôn kiến tây phương vi Trường Canh” (Sao Thái Bạch buổi sáng mọc ở phương đông gọi là Khải Minh, chiếu mọc ở phương tây gọi là Trường Canh).
- (6). Sáu cung: túc Lục cung, túc chỗ ở của hoàng hậu và các phi tần. Có nhiều cách giải thích khác nhau, theo sách *Tử cấm thành đông tây lục cung* nó được chia thành đông tây, mỗi bên có 6 cung, tổng cộng có 12 cung. Theo Chu Lễ, hậu đình của thiên tử được chia thành 06 cung, đằng trước 01, đằng sau 05. Hoàng hậu ở cung đằng trước, các phi tần có phẩm hàm từ phu nhân trở xuống thì ở các cung đằng sau.
- (7). Cương thường: túc Tam cương (Vua tôi, cha con, chồng vợ), ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). Ở đây chỉ nghĩa vợ chồng.
- (8). Bến Nhị: Túc bến sông Nhị hà.
- (9). Búa việt: Nguyên danh là *Phủ việt* (cái búa). Thời cổ, trong quân đội thường dùng để chém người. Ở đây chỉ chiến công của Tây Sơn trong lần dẫn quân ra Bắc. Bản A, B ghi là “*Bái việt*”: Lá cờ nhiều màu và lưỡi tầm sét, đồ dùng đi đường của các vị đế vương. Câu này nói công việc Nguyễn Huệ ra Bắc. Theo chúng tôi hai cách giải thích đến một ý chỉ việc vua Quang Trung ra Bắc. Ở đây chúng tôi phiên thành *Búa việt*.
- (10). Chín Châu: túc Cửu châu, đây là một khái niệm quan trọng có từ thời kì Tiền Tần, về sau có ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa, chính trị Trung Quốc. Trong *Thượng Thư*, thiên Vũ Cống đã có những ghi chép ban đầu về Cửu châu. Cửu châu gồm Ký Châu, Duyệt Châu, Thanh Châu, Từ Châu, Dương Châu, Kinh Châu, Dự Châu, Lương Châu và Ung Châu. Về sau dùng để chỉ toàn bộ đất đai lãnh thổ của một quốc gia.
- (11). Cầu Ngàn: cầu bắc qua sông Ngàn hà. Nơi Ngưu lang, Chức nữ gặp nhau. Theo sách *Hoài Nam Tử* có chép rằng: Mỗi năm, cứ đến đêm mừng bảy tháng 7 (đêm Thất tịch), những con Ô Thước lấp sông Ngàn để làm thành cầu cho sao Khiên Ngưu qua sông gặp sao Chức nữ. Vì thế người ta hay dùng điển này để chỉ việc vợ chồng lấy nhau. Ở đây dụng ý chỉ việc vua Quang Trung và công chúa Ngọc Hân nên duyên chồng vợ.
- (12). Ý la : Nhiễu và là. Đoàn ý la túc đoàn người đưa rước dâu ăn mặc sang trọng đẹp đẽ.
- (13). Đồi nước: ý chỉ hai nước, một của vua Lê, một của anh em nhà Tây Sơn.
- (14). Rỡ ràng: Bản A, B, C chép là “Rõ ràng”.
- (15). Hôn cầu: chỉ hôn nhân, vợ chồng. Từ này xuất xứ từ câu nói của Cát Hồng, người đời Tấn trong sách *Bảo Phác Tử*, thiên *Nhĩ tụng*: “Phù hôn cầu chi kết, nghĩa vô bức bách, bi tắc giản trạch nhi cầu, thử tắc khả ý nãi hứa” (sự gắn bó của hôn nhân, nghĩa là không có sự ép buộc, bên lựa chọn, bên kia vừa ý, đó là ý nghĩa của nó vậy).
- (16). Nghĩa cả: Túc nghĩa lớn.
- (17). Quan san: Cửa ải và núi non. Ý chỉ sự xa xôi, cách trở.
- (18). Dặm trường: Đường xá xa xôi.
- (19). Tôn Chu: Tôn trọng nhà Chu. Thời Xuân Thu, thiên tử nhà Chu tuy không còn thế lực thực sự, như các nước lớn như Tề, Tấn vẫn một lòng tôn phò nhà Chu, giữ lễ quân thần. Điển này được dùng để chỉ rõ ý Quang Trung luôn giữ ý tôn trọng nhà Lê.
- (20). Tinh thần hào : Ý chỉ quan hệ thông gia tốt đẹp.
- (21). Thế cả về Hán: Khi Tiều Hà đến dụ Anh Bố về với Lưu Bang đã từng nói: “Nay thế cả đã về nhà Hán”.

Câu này mượn điển đó để nói đại thế thiên hạ trong nước đã thuộc về nhà Tây Sơn .

(22). Hổ đồng: Dồn lại làm một, ý chỉ sự thống nhất.

(23). Cách chính : Thay đổi chính quyền, ý chỉ sự mất ngôi của nhà Lê.

(24). Thân: ý chỉ bản thân công chúa Ngọc Hân (tác giả).

(25). Hội hưng vương: ý chỉ sự trở dậy và thành công của Nguyễn Huệ khi xây dựng cơ nghiệp làm vua.

(26). Thành Xuân: tứ kinh thành Phú Xuân, nơi vua Quang Trung 光中 xây đàn tế cáo trời đất lên ngôi vua và chọn làm kinh đô.

(27). Long kỳ: Cờ rồng, cờ của nhà vua, nghi vệ thiên tử.

(28). Đạo tế trị: Đạo tế gia trị quốc.

(29). Cung Hữu: Túc Hữu cung, nơi ở của Lê Ngọc Hân khi làm Bắc Cung Hoàng hậu.

(30). Địch Phất: Lông chim trĩ dùng làm trang sức cho xe cho các bà mệnh phụ thời cổ. Thi kinh phần Vệ phong bài Thạc nhân có câu: “Địch phất dĩ triều” (Xe nàng có gắn lông chim trĩ đưa nàng vào chầu).

(31). Nhà vàng: Nguyên điển là Kim ốc, chỉ căn nhà đẹp. Điển này xuất xứ từ tiểu truyện Hán Vũ đế cố sự của sách *Hán thư* (Ban Cố): Khi Vũ đế còn là thái tử, Trưởng công chúa hỏi ngài có muốn lấy A Kiều hay không? Ngài đáp: Nếu lấy được A Kiều sẽ xây nhà vàng cho nàng ở (Nhược đắc A Kiều đương dĩ kim ốc trú chi).

(32). Danh phận: Tiếng tăm và bổng phận.

(33). Lãng tẩm: Nơi an táng các vua và hoàng hậu.

(34). Du tử: Đây là nói tắt của điển cổ Tang tử Phần du. *Tang tử* xuất xứ từ bài Tiểu Biện phần Tiểu Nhã của Kinh Thi: Phải cung kính với cây Tang, cây Tử. Người xưa thường trồng hai cây này dưới tường nhà để lại cho con cháu lấy lá nuôi tằm và dùng gỗ. Vì vậy dụng ý của điển khuyên con cái phải kính trọng những thứ tổ tiên để lại. *Phần du* xuất xứ từ phần *Giao tự chí thượng* sách *Hán thư* có ghi chép rằng: Cao tổ đảo phong phần du xã (Hán Cao Tổ làm lễ cầu phúc ở xã Phần Du ở đất Phong). Về sau văn học thường dùng điển này để ngụ ý chỉ quê hương.

(35). Miếu đường: Nơi thờ tổ tiên và các vị vua nhà Lê.

(36). Lễ Chung Thường: Chung là lễ tế mùa đông, Thường là lễ tế mùa thu. Đây là từ chỉ chung cho tế lễ thường niên xuân thu nhị kỳ thời xưa. Vua Quang Trung đã hạ lệnh cấm không được động chạm đến làng tằm, quê quán của nhà Lê, ơn sâu đó đã thấm đến từng gốc cây, ngọn cỏ. Ngài đã cho người chăm nom tế đông tế thu đầy đủ ở miếu đường, ân nghĩa đó to lớn.

(37). Hạc thuộc tước thoa: Hạc thuộc là cái chìa khóa hình con Hạc, Tước thoa là cái cây thoa hình con chim sẻ, hai thứ đồ dùng của phi tần. Trong bài *Lục cung tạ biểu* của Giang Tống (Thời Lục Triều) có câu: Hạc thuộc thần khải, tước thoa hiển ảnh (Khóa hạc sớm ở, thoa sẽ nâng soi).

(38). Buồng khuê: Túc khuê phòng, nơi ở của phụ nữ quý tộc.

(39). Khuôn Nội tặc: tên một thiên trong kinh Lễ, nói về đạo là vợ, lễ nghi của đàn bà con gái.

(40). Chung tư: Tên một bài thơ trong phần Chu Nam của kinh Thi, ca ngợi vua Văn Vương có nhiều con cái.

(41). Lân chi: Là tiếng gọi tắt tên bài thơ Lân chi chỉ trong phần Chu Nam của kinh Thi, dụng ý khen con cháu của Văn Vương là người hiền tài.

(42). Phái Lam: Một chi phái của sông Lam, ngụ ý chỉ về dòng dõi nhà hậu Lê.

(43). Diển: Kéo dài.

(44). Thiên hoàng: Ao trời. Phiếm xưng chỉ hoàng tộc, chỉ về dòng họ của nhà vua. Các chi phái của hoàng tộc được phân chia cũng có nguồn gốc từ ao trời nên người đời sau dùng điển này để chỉ dòng dõi hậu duệ của vua. Câu này có ý là Ngọc Hân lấy Nguyễn Huệ đã sinh được mấy con coi như đã có hậu duệ.

(45). Đền Vị Ương: Tên cung, là biểu tượng cho trung tâm quốc gia và chính trị của triều Hán. Ở đây lấy nghĩa là “chưa hết đêm, chưa sáng” để phiếm chỉ cho cung điện của vua Quang Trung hàm ý ca ngợi đức cần chính, chuyên tâm chính sự của nhà vua.

(46). Lòng cần mẫn: chỉ sự siêng năng, chăm chỉ.

(47). Miển cực lạc: Thuật ngữ Phật giáo chỉ thế giới của chư Phật, tức cõi chết.

(48). Buồng đào: Mỹ tử, chỉ nơi ở của phụ nữ.

(49). Roi cầm nẩy sắt: Đánh roi đàn Cầm, đàn Sắt ý chỉ sự chia rẽ đôi đường trước sự ra đi của vua Quang Trung.

(50). Cung đồ: Không rõ vì sao tác giả dùng tử cung đồ, nhà Hán trong cung điện vua hay trồng cây phong, cứ đến lúc có sương thì lá đỏ, nên gọi cung vua đều ngụ ý màu đỏ cả. Trong cổ điển chỉ có từ Đan trì (thêm sơn son) cũng dùng để chỉ cung vua.

- (51). **Thần ngự**: Ngày xưa gọi nơi vua ở là Thần. Ngự: do vua làm ra, thuộc về vua hoặc cai trị, cai quản. Thần ngự vua đang cai trị, cai quản.
- (52). **Cảnh dương**: Tên một cung của vua Vũ để nước Tể thời Nam Bắc triều. Trên đó có đặt chuông, hàng ngày đánh thức cung nhân dậy trang điểm. Người đời sau nhân chuyện này nên lấy làm điển cố.
- (53). **Kết phát**: Kết tóc, ý chỉ tình nghĩa vợ chồng.
- (54). **Đoạn trường**: Đứt ruột, chỉ sự đau đớn.
- (55). **Nhà sương**: Sương là đàn bà có chồng chết, ở góa. Nhà sương là chỗ ở của đàn bà góa, ở đây ý chỉ hoàn cảnh mẹ góa con côi hiện tại của tác giả.
- (56). **Cung châm**: Sách dạy lễ nghi, quy tắc ứng xử, nghi lễ trong cung dành cho cung phi.
- (57). **Chi phát**: Chi là cỏ thơm, phát là dây thừng to. Lời nói, mệnh lệnh của nhà vua. Thiên Tri y trong kinh Lễ có câu: "Lệnh vua lúc nói chỉ nhỏ như sợi tơ, nhưng ra ngoài (tác dụng của nó) to như dây thừng).
- (58). **Hiên nguyệt**: Mái hiên có ánh trăng soi.
- (59). **Đình chỉ**: Chỉ dụ của vua đưa xuống sân châu.
- (60). **Thúy hoa**: (1) Đồ ban thưởng của vua. Chu Mật, một danh sĩ đời Tống trong sách *Vũ lâm cựu sự* phần Kiều Thái có câu: "Ban thưởng hạng thượng phẩm có quy định là chân châu... thứ đến là đỉnh ngân, tửu khí, quan trạc, thúy hoa, đoạn bạch, long đỉnh, ngự phiến, bút mực, cứ theo thế mà định ra các loại. (2). Cờ nhà vua. *Thượng lâm phú* của Tư Mã Tương Như (Tư phú gia thời Tây Hán) có câu: Kiến Thúy hoa chi kỳ (Dụng cờ thúy hoa). Cờ thúy hoa là loại cờ dùng lông chi trả để trang sức.
- (61). **Hang núi**: tức Sơn cốc. Viết về cái chết của Tống Thần Tông. *Tống sử* có đoạn chép: "Tuy ở núi sâu hang cùng không ai vừa chạy vừa la khóc như lúc an táng cha mẹ).
- (62). **Trâm thoa**: Trang sức của phụ nữ ngày xưa. Chỉ Lê Ngọc Hân.
- (63). **Chân du**: tức đạo quán hoặc nơi tiên cảnh theo quan niệm của Đạo giáo. Xuất xứ từ bài thơ Đăng Tiểu Mao Phong của Vương An Thạch đời Tống: "Vật ngoài đến chốn chân du mấy độ, chốn nhân gia cũng nguyện đến chốn linh thông".
- (64). **Cường bảo**: Tã lót của trẻ em, chỉ con trẻ dưới 1 tuổi. Ở đây chỉ hai con còn thơ dại của Ngọc Hân công chúa và Quang Trung đế. Bản B, C chép là "Cường bảo".
- (65). **Di thể**: Hình hài còn lại. Ở đây ý chỉ hai đứa con của bà là hình thể còn lại của vua Quang Trung.
- (66). **Nhũ mang**: chỉ 02 con thơ còn bú mớm, ấm bông.
- (67). **Bóng khích**: lấy ý từ thành ngữ Bạch câu quả khích (bóng câu qua khe cửa), thiên Ngụy Báo, Bành Việt liệt truyện trong sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên có câu: Đời người trôi nhanh như ngựa Bạch câu vụt qua khe cửa). Chỉ bóng thời gian trôi qua rất nhanh.
- (68). **Ngự tọa**: Chỗ ngồi của vua, ngai vàng.
- (69). **Thái Thủy**: Chưa rõ nghĩa.
- (70). **Long xa**: Xe vua.
- (71). **Tiên hương**: làng tiên, quê tiên, chốn tiên giới, là lời kính ngữ dùng để hỏi về nguyên quán trong giao tế. Trong bài này dùng để chỉ cõi chết. Bản A, B, C dùng chữ "Thiên hương" (quê trời) cùng cùng một nghĩa chỉ cõi chết.
- (72). **Hoàng tuyền**: Suối vàng. Trong văn hóa Trung Quốc, điển ngữ này được dùng để chỉ nơi một người mà sau khi chết sẽ về cư trú ở đó, nó cũng được gọi là âm tào địa phủ, là một trong Cửu ngục, cửu tuyền. Về mặt xuất xứ, điển cố này có nguồn gốc từ *Trịnh thế gia Thập nhị* của sách *Sử ký*, chuyện về Trịnh Trang Công (vua nước Trịnh thời Xuân Thu) và em trai Thái Thúc Đoan.
- (73). **Biệt duệ**: Ống tay áo trong lúc lâm biệt (chia tay). Nguồn gốc của điển này xuất phát từ câu thơ "Chuyến đi xa bắt đầu từ đây, dứt tay áo chập trùng sương giá lạnh lèo" trong bài *Thành Tây trúc viên tống Bùi Cát Vương Đạt* của Lý Ích đời Đường. Trong thực tế xã hội, khi người ta tiễn nhau đi xa, thường hay nắm tay áo mà nói chuyện, lúc rời cái tay áo ra tức là lúc phải sắp xa nhau. Vì thế, người ta dùng điển ngữ này để nói cảnh ly biệt. Bản C dùng chữ "Biệt quyết" (lời chia tay).
- (74). **Hoàng thủy**: nước vũng. Sách *Tả truyện* có câu: "Rau khe, nước vũng, có thể đem cung dâng cho tước vương, tước công". Trong câu dùng chữ đó để chỉ nước cúng.
- (75). **Dương gian**: cõi đời, cõi sống, trần thế. Nghĩa cả câu: Kính dâng một chén rượu lạt, mong người chết thấu tỏ cho tấm lòng của người sống.
- (76). Nguyễn Văn Sâm (1974), *Văn học Nam Hà (văn học Đường Trong thời phân tranh)*, Nxb Lửa Thiêng, Sài Gòn.

Những ngọn gió phận người

TUỆ MỸ

Gió thiếu phụ

TRẦN QUANG KHANH

Những ngọn gió buông tuồng đi qua những cánh đồng
qua núi qua sông
qua thời gian mịt mù tháp cổ
tóc em ngược bay qua mùa gió
men theo bờ thánng năm.

Những con đường hun hút dài
mịt mù mưa hay chói chang bóng nắng
gió trên không tầng tầng mây trắng
gió xinh xịch trôi đở ngã phía quê chông.

Ký ức thần thờ theo miền cổ tích
những bảo tháp vút cao
ngậm ngùi trông bên vắng
nắng hắt lung linh giàn mướp giàn bầu.

Gió thiếu phụ lang thang
con gánh củi bơ vơ dò tìm vô định
con voi đá bao đời vẫn lạnh
cổng hoàng thành hoang phế vẫn uy linh.

Gió và gió buông tuồng
trần trụi hoang mang hòn gạch vỡ
ngọn cỏ lau cong hình hài con mắt nhớ
ráng chiều đắm đợi phía hoàng hôn...

Những ngọn gió lỡ làng
giấc mơ trưa bơ thờ theo nhịp võng
vô tình đánh rơi chiếc bóng
lầm lũi đở dài trên lúa trên sông...

(Rút từ tập thơ *Gió thiếu phụ*, NXB Hội Nhà văn, 2020)

Ngay cái tiêu đề *Gió thiếu phụ*, Trần Quang Khanh đã ngầm gợi ý cho người đọc cách bước vào không gian bài thơ. Một không gian đầy "Gió" được hiểu theo nghĩa biểu trưng. Gió đã "thổi" xuyên suốt bài thơ dài 6 khổ. Và đối tượng trữ tình "Em", tuy chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở khổ thơ đầu nhưng số phận và cuộc đời Em hiển

lộ rất rõ vì đã có Gió thay lời. Lần theo bước đi của Gió, ta hiểu Em. “*Những ngọn gió buông tuồng đi qua những cánh đồng/ qua núi qua sông/ qua thời gian mịt mù thấp cổ*”. Núi, sông, cánh đồng, đó là không gian dành cho Em, là nơi Em từng đặt bước, từng dẫn thân. Mỗi bước Em đi phải qua muôn vàn gian nan, trắc trở. Bao lâu? Làm sao Em đếm được cái “*thời gian mịt mù*” của đời kiếp con người, chỉ có “*thấp cổ*” mới là chứng nhân thôi. Vậy, Em là ai? Chính cái không gian và thời gian mà Gió đã đi qua là lời đáp: Em, một phụ nữ chân quê, sống kiếp đời gian nan, cơ cực, bi thương.

Em đấy, “*tóc em ngược bay qua mùa gió*”. Đây đâu phải là tóc em bay trong gió từng làm say mê bao trái tim trai mà là “*ngược bay qua mùa gió*”, để “*men theo bờ thời gian tháng năm*” mà cất bước theo chồng. Lấy chồng, Em vẫn tiếp tục bước đi trên “*những con đường hun hút*”. Đường Em đi “*mịt mù mưa hay chói chang bóng nắng*”? Chỉ là hỏi vu vơ vậy thôi chứ câu trả lời đã sẵn: “*mịt mù mưa*”, “*gió xinh xích trôi đổ ngã phía quê chồng*”. Dữ dội và khắc nghiệt! Có chồng, cuộc đời Em phải chất thêm “*ngậm ngùi*” và “*hụt hẫng*”. Điều đó, nhà thơ đã để cho “*những bảo tháp*” và “*nắng*” trong vườn nói hộ và chia sẻ cùng Em.

Không còn tách bạch hai thực thể Gió và Em, Trần Quang Khanh đã nhập thành một với tên gọi *Gió thiếu phụ*. “*Gió*” được mang tên thân phận Em - thiếu phụ. Rất lạ, rất mới! Đã từng nghe nhiều cách nói được liên tưởng từ Gió như “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*” (Trần Minh Quốc), “*Em là ngọn gió đời anh*” với ý nghĩa Gió là hiện thân của hạnh phúc, tình yêu. Còn “*Gió thiếu phụ*” của Trần Quang Khanh hẳn mang ý nghĩa trái ngược: là gió dữ, khắc nghiệt, là hiện thân của bi kịch. Ở đây là bi kịch cuộc đời thiếu phụ. Và với *Gió thiếu phụ*, Trần Quang Khanh đã tạc vào thơ ca đương đại số phận bi kịch người phụ nữ bằng một hình tượng thơ giàu sức gợi, mới mẻ, mang dấu vân tay của tác giả.

Hình tượng thơ *Gió thiếu phụ* nằm giữa bài thơ (đầu khổ thơ thứ tư) vừa khái quát cho ý ba khổ thơ đứng trước vừa mở ra trường liên tưởng mới về *Gió thiếu phụ* ở các khổ thơ sau. Là Gió nên phải “*lang thang*”, “*buông tuồng*”, “*vô định*”. Thật là chí lý khi nhà thơ đã vận đời Em vào đời Gió. Đặt chúng bên cạnh cái đã được định hình bền vững “*con voi đá bao đời vẫn lạnh/ cổng hoàng thành hoang phế vẫn uy linh*”, ngòi bút của Trần Quang Khanh càng tô đậm thêm màu bi kịch cho “*Gió thiếu phụ*”. Đời thiếu phụ luôn nặng gánh chồng con. Con thì “*bơ vơ*” vì thiếu vắng cha. Còn chồng thì về đâu mà để cho “*ngọn cỏ lau cong hình hài con mắt nhớ/ ráng chiều dẫm đợi phía hoàng hôn*”? Là thiếu phụ mong nhớ, đợi chờ chồng? Hẳn thế. Thiếu phụ trong thơ xưa “*Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm*” (Nguyễn Du). Thiếu phụ trong thơ Trần Quang Khanh cũng thế nhưng thi sĩ lại để cho “*con mắt*” của ngọn cỏ lau và “*ráng chiều*” cất tiếng. Mượn thiên nhiên để phô diễn nỗi lòng của nhân vật là thủ pháp đã cũ mòn. Trần Quang Khanh tránh lối mòn đó bằng cách biến thiên nhiên thành nhân vật của chuyện lòng.

Trường liên tưởng về *Gió thiếu phụ* tiếp tục nối dài ở khổ thơ cuối: *Những ngọn gió lờ lờ/ giấc mơ trưa bơ thờ theo nhịp võng/ vô tình đánh rơi chiếc bóng/ lấm lũi đổ dài trên lúa trên sông...*

Nào chỉ có “*lang thang*”, “*buông tuồng*”, “*vô định*” mà “*Gió thiếu phụ*” còn mang

trong mình cái “lỡ làng” duyên kiếp. Có phải “lỡ làng” mới là căn cơ của bi kịch? Nếu không phải vậy thì tại sao con phải “bơ vơ”, thiếu phụ phải độc hành trên “con đường hun hút” và phải đổ mắt trông đợi người thương? “lỡ làng” là ngọn gió đầu tiên thổi qua đời Em, là “cái nhân” của “*Gió thiếu phụ*”. Khi kể, người ta thường nói nguyên nhân trước nhưng Trần Quang Khanh lại đặt nó ở cuối bài thơ như một lời lý giải. Một câu tứ gây bất ngờ, ấn tượng! Nhưng ấn tượng hơn cả vẫn là “*chiếc bóng/ lằm lủi đổ dài trên lúa trên sông*”. Ngoài “*buông tuồng*”, “*vô định*” còn một đặc tính khác của gió không thể không nói đến là... vô hình. Gió vô hình nên “*chiếc bóng*” xuất hiện cuối bài thơ rất hợp lý trong trường liên tưởng. Phải, Em chỉ là “*chiếc bóng*” tồn tại vật vờ, dễ biến, dễ tan. Dù chỉ là “*chiếc bóng*” thôi mà Em cũng bị “*giấc mơ trưa*” đến bất chợt “*vô tình đánh rơi*”. Xót, xót vô cùng! Càng xót xa hơn khi chiếc bóng ấy cứ “*lằm lủi trên lúa trên sông*”, cứ mãi lặn đặng, gieo neo suốt kiếp đời. Trần Quang Khanh thật khéo gây ám ảnh cho người đọc về số phận hẩm hiu của người phụ nữ qua hình ảnh “*chiếc bóng*”. Gây ám ảnh cho người khác thì nhất định tâm hồn người thơ đã từng bị những “*chiếc bóng*” kia ám ảnh. Đúng! Bởi những “*chiếc bóng*” kia là mẹ, là chị, là em, là những phụ nữ trên quê hương của tác giả (địa chỉ này được để lại qua hình ảnh “*tháp cổ*” và “*hoàng thành*”, những di tích văn hóa ở An Nhơn, Bình Định). Họ gắn gũi lắm, thân thương lắm! Bi kịch cuộc đời họ cứ hiển hiện ra trước mắt, va đập mạnh vào trái tim nhà thơ khiến lòng ai không khỏi đau đáu, xót thương, thổn thức. Tình cảm ấy cứ trầm tích, ẩn ức trong tâm hồn thi sĩ. Nên rất tự nhiên, họ đã bước vào thơ anh, là nguồn cảm hứng cho hồn thơ anh cất cánh. Họ, chân thực ở bi kịch cuộc đời còn nhà thơ thì chân thành, sâu sắc trong tình yêu đối với họ. Điểm gặp nhau giữa trái tim nhà thơ và cuộc đời ở một chữ “*chân*”, đó là cốt lõi để Trần Quang Khanh làm nên một *Gió thiếu phụ* rất xúc động.

Một điều đáng lưu ý trong kết cấu: mở đầu là “Em” nhưng kết thúc là “*chiếc bóng*”. Không chỉ tạo sự hô ứng cho bài thơ mà cái chính là ngòi bút của Trần Quang Khanh muốn xoáy vào cái nghiệt ngã của số phận người phụ nữ: bị bỏ rơi, bị quên lãng ngay khi còn hiện hữu. Sự nghiệt ngã đó trong con mắt nhà thơ muôn đời vẫn thế như “*Con voi đá bao đời vẫn lạnh/ Cổng hoàng thành hoang phế vẫn uy linh*”. Người phụ nữ trong thơ Trần Quang Khanh tuy không còn bị cái bóng đen nam quyền đè nặng nhưng cái khắc nghiệt của thời đại họ sống (thời tao loạn) cũng khiến họ không thoát được “*phận đàn bà*”. Kết thúc bài thơ bằng hình ảnh “*chiếc bóng*” là một kết thúc buồn. Là bi kịch mà! Đó là lời buồn được vọng về từ xa xưa “*Đau đớn thay phận đàn bà/ Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu*” (Nguyễn Du)

Chạm bút đến một đề tài quen thuộc, Trần Quang Khanh đã tìm cho thơ mình một lối đi riêng. Vẫn trên nền tảng của hiện thực - lãng mạn, vẫn mang đậm hơi thở truyền thống nhưng bài thơ có những nét mới trong cách thể hiện, đặc biệt là trong kiến tạo thi ảnh, hình tượng. Chính cái đặc sắc, riêng biệt trong bút pháp đã làm cho *Gió thiếu phụ* cuốn chân người đọc bước vào không gian bài thơ để cùng nhân vật trữ tình sống lại với ký ức, suy tư và thương cảm cho phận người.

T.M

NHÀ NGHIÊN CỨU NGUYỄN THANH QUANG

Lặng lẽ trên từng trang viết...

ĐỨC LINH



NNC NGUYỄN THANH QUANG

Nguyễn Thanh Quang tốt nghiệp khoa Sử, trường ĐH Tổng hợp Huế năm 1981. Ngay năm đó, anh được nhận về công tác tại Sở Văn hóa Thông tin Bình Định đến khi nghỉ hưu, năm 2019. Anh tham gia nhiều công trình nghiên cứu, đồng tác giả nhiều đầu sách. Lặng lẽ trên từng trang viết, bằng thái độ làm việc nghiêm túc và cẩn trọng, nhà nghiên cứu

(NNC) Nguyễn Thanh Quang đã có nhiều bài viết, công trình giá trị, giúp bạn đọc hiểu hơn về văn hóa, lịch sử liên quan đến đất và người Bình Định.

Từ những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, anh đã được phân công biên soạn hồ sơ di tích của tỉnh Nghĩa Bình nên có điều kiện đi lại, tiếp cận nhiều tư liệu. 40 năm gắn bó với các lĩnh vực: Bảo tàng, Quản lý di tích rồi Quản lý văn hóa là điều kiện tốt để anh tiếp cận, tìm hiểu về lịch sử và văn hóa Bình Định, một vùng đất trầm tích nhiều nền văn hóa cổ: Sa Huỳnh, Champa; một địa điểm 2 lần kinh đô của hai tộc người Chăm, Việt (Đồ Bàn và Hoàng Đế); vùng đất thượng võ, tôn văn của hai vua: Thái Đức - Nguyễn Nhạc và Quang Trung - Nguyễn Huệ... Anh bộc bạch: “Lịch sử, văn hóa của đất và người Bình Định đã cuốn hút tôi, thôi thúc tôi viết”.

Qua những trang viết của anh, những lớp trầm tích văn hóa được bóc tách, nghiên cứu tỉ mỉ. Chúng có mối liên hệ nhất định với nghiệp vụ, công tác chuyên môn của anh. Trong các mảng nghiên cứu, anh đặt sự quan tâm nhiều về chữ Quốc ngữ với hàng trăm bài viết đã được công bố. Lý giải điều này, anh thổ lộ: “Khi đọc một số bài khảo cứu và sách viết về chữ Quốc ngữ, hầu hết đều cho rằng Hội An hoặc Thanh Chiêm (Quảng Nam) là cái nôi hoặc nơi phát tích của chữ Quốc ngữ. Đáng chú ý là tập sách: *Hội An - Nôi chữ Quốc ngữ* (Hong Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên - Nha Trang, 2000 – Lưu hành nội bộ); *Những đặc trưng cơ bản của tiếng Quảng Nam và vị trí của nó trong việc hình thành chữ Quốc ngữ* (PGS. TSKH Lý Toàn Thắng và các

cộng sự, Viện Ngôn ngữ học - Sở KH&CN Quảng Nam, 2006); và *Dinh trấn Thanh Chiêm - Kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong* (Châu Yến Loan, NXB Đà Nẵng, 2015). Tuy nhiên, nhờ vốn hiểu biết của mình và nhiều tư liệu khác, tôi tin vai trò của đất và người Bình Định trong cuộc phiêu thai hình thành chữ Quốc ngữ phải lớn hơn rất nhiều và gần như chưa được đề cập. Và chẳng, ở mảng này còn nhiều tồn nghi cần nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá thấu đáo, khách quan. Nên tôi tự mở cho mình thêm một mảng nghiên cứu. Nghĩ và bắt tay thực hiện ngay, tôi viết bài khảo cứu đầu tiên về chữ Quốc ngữ: “*Nước Mặn - nơi phiêu thai chữ Quốc ngữ*” đăng ở Tạp chí Khoa học Công nghệ Bình Định (tháng 2 - 3.2005). Sau đó, tôi tiếp tục tra cứu và bổ sung thêm tư liệu, đăng ở các báo, tạp chí. Từ nhiều năm trước, tôi tin một cách mãnh liệt rằng Quy Nhơn - Bình Định là nơi phiêu thai của chữ Quốc ngữ”.

Nhiều lần được trò chuyện cùng anh và linh mục Gioan Võ Đình Đệ, một người bạn cũng là một người có nhiều bài viết nghiên cứu chuyên sâu về chữ Quốc ngữ, câu chuyện giữa họ khi nói về chữ Quốc ngữ như kéo dài say sưa. NNC Nguyễn Thanh Quang, chia sẻ: “Có lẽ, về mảng đề tài chữ Quốc ngữ, tôi không đơn độc vì bên tôi luôn luôn có người đồng hành là linh mục Gioan Võ Đình Đệ. Từ hội thảo chữ Quốc ngữ tổ chức ở Phú Yên (2015) đến hội thảo ở Bình Định (2016 và 2018), TP. HCM 2 lần (2019), Đà Nẵng (2020). Đến hiện nay, một số tồn nghi về lịch sử chữ Quốc ngữ giai đoạn phiêu thai đã được tôi cùng cha Đệ bóc tách làm sáng tỏ và chưa nhận được phản biện nào về vấn đề này”.

Những năm gần đây, NNC Nguyễn Thanh Quang liên tục công bố các công trình nghiên cứu chung với các tác giả khác như các tập sách *Chữ Quốc ngữ, từ Nước Mặn đến Làng Sông* (Nhà xuất bản Đồng Nai, 2018), *Bà đỡ khai sinh chữ Quốc ngữ* (Nhà xuất bản Đồng Nai, 2019), *Một số vấn đề về chữ Quốc ngữ* (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội & Tạp chí Xưa và Nay, 2020). Đặc biệt, cuối năm 2020, lần đầu tiên anh đã xuất bản tập biên khảo của riêng mình, cuốn sách *Hoài Nhơn, Qui Nhơn, Qui Ninh, Bình Định - Đất và Người* (Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ TP Hồ Chí Minh). Sách dày 750 trang, gồm 5 phần: *Một trong những cái nôi cổ xưa nhất của loài người; Trung tâm của nền văn hóa Champa; Tây Sơn Tam kiệt; Hoài Nhơn - Bình Định Đất và người, Miền đất phiêu thai, phát triển truyền bá chữ Quốc ngữ và văn học Quốc ngữ*. Sách giàu cứ liệu giúp người đọc tiếp cận những trầm tích văn hóa theo thời gian của Bình Định, tập hợp những mảng nghiên cứu chính mà NNC Nguyễn Thanh Quang gắn bó. Và ở ngay tập sách này, nhiều bài viết về chữ Quốc ngữ cho thấy những luận điểm và chứng cứ mới về chữ Quốc ngữ được anh đưa vào sách. “Ví dụ về cơ sở đầu tiên, nơi dịch quyển kinh đầu tiên, trường Quốc ngữ đầu tiên, đánh giá đóng góp của các thừa sai đầu tiên với chữ Quốc ngữ. Tôi muốn có một đánh giá thận trọng dựa trên những cứ liệu xác thực để chúng ta cùng nhìn nhận lại về vấn đề chữ Quốc ngữ một cách khách quan, công bằng”, anh tâm sự.

Thật ra, với tập sách *Hoài Nhơn, Qui Nhơn, Qui Ninh, Bình Định - Đất và Người*, anh đã có bản thảo từ lâu nhưng lần nữa mãi đến năm 2020 anh mới có điều kiện biên tập, bổ sung và xuất bản. Việc xuất bản cũng khá bất ngờ, khi tình cờ trong một cuộc chuyện trò với một doanh nhân người Bình Định, một người cũng khá mê sách biết

anh chuẩn bị ra sách nên ngờ ý muốn xem bản thảo và sẽ hỗ trợ một phần nào đó cho việc in ấn. “Sau khi xem xong, ông ấy đã gọi điện cho tôi và nói rằng sẽ tài trợ toàn bộ chứ không phải hỗ trợ. Và khi cuốn sách được ra đời, dù là sách khảo cứu, kén bạn đọc nhưng có lẽ do một số mảng đề tài trong sách ít người viết nên đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, đặc biệt là những người Bình Định xa quê”, anh chia sẻ niềm vui.

Nhiều lần đến căn nhà nhỏ của anh ở phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, lại bắt gặp anh cặm cụi bên giá sách, loay hoay với mớ bản thảo dày cộp. Anh khiêm tốn rằng, mình biết gì viết nấy trong khả năng cho phép. Nhưng nhiều lần tiếp xúc với anh, lại thấy một sự trầm lặng làm việc, lao động miệt mài và nghiêm túc. Vẫn còn đó những dở dang bản thảo sách về văn hóa Bình Định đang đi vào khâu hoàn thiện cuối cùng mà anh gọi là “của để dành”, sẽ in trong thời gian đến. Có lúc tôi trêu: “Sau cuốn sách dày dặn *Hoài Nhơn, Qui Nhơn, Qui Ninh, Bình Định - Đất và Người*, nhiều người “lo” là anh sắp cạn vốn!”. Nghe vậy, anh cười sáng khoái, vui vẻ đáp lời: “Cạn sức thì có thể chứ Bình Định là vùng đất giàu trầm tích văn hóa, lịch sử, còn bao nhiêu điều ẩn gọi chưa khai thác hết, làm sao tôi cạn vốn được. Nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ, còn sức tôi còn viết, chỉ sợ lực bất tòng tâm”.

Nhiều bài viết của NNC Nguyễn Thanh Quang đã giúp bạn đọc tiếp cận gần hơn với lịch sử, văn hóa, con người Bình Định. Anh viết bằng sự cẩn trọng và tấm lòng trân trọng với tiền nhân, với lịch sử, mang đến những góc nhìn khách quan, hữu ích trong công tác nghiên cứu. Nhìn nhận lại vấn đề nghiên cứu, bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử hiện nay, nhất là vấn đề nghiên cứu, bảo tồn ở Bình Định, anh tâm sự: “So với nhiều địa phương khác, ở mảng đề tài đất nước và con người Bình Định, các nhà nghiên cứu viết chưa nhiều, có thể kể một số tác phẩm tiêu biểu như: *Danh nhân Bình Định* của Bùi Văn Lăng (1941), *Nước non Bình Định* của Quách Tấn (1968), *Nhân vật Bình Định* của Đặng Quý Địch (1971),... Trong những năm gần đây, mảng đề tài này bạn đọc ngày một quan tâm nhiều hơn, nhưng các cây bút thì ngày một thiếu vắng dần, lực lượng kế cận mỏng. Có lẽ để việc nghiên cứu, bảo tồn di sản lịch sử - văn hóa tỉnh nhà được tốt hơn, cần có một chủ trương từ tỉnh và sự quan tâm phối hợp đồng bộ của các sở ngành liên quan”.

NNC Nguyễn Thanh Quang sinh năm 1959, quê ở huyện Phù Cát; hội viên Chi hội Văn nghệ dân gian (Hội VHNT Bình Định). Anh đồng tác giả nhiều đầu sách như: *Di tích, danh thắng Bình Định* (Bảo tàng Bình Định xuất bản, 1997), *Duyên hải miền Trung - Đất và Người* (NXB Tổng hợp TP. HCM, 2004), *Lê Đại Cang - nhân cách bậc quốc sĩ* (NXB Hội Nhà văn, 2013), *Chữ Quốc ngữ - Sự hình thành, phát triển và đóng góp vào văn hóa Việt Nam* (NXB Đại học Quốc gia, 2016), *Tổng Đốc Lê Đại Cang với An Giang* (NXB Sân khấu, 2017)... Tập khảo cứu *Hoài Nhơn, Qui Nhơn, Qui Ninh, Bình Định - Đất và Người* của NNC Nguyễn Thanh Quang đã đạt giải Khuyến khích Giải thưởng VHNT năm 2020 của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam.

Đ.L

Thơ NAOMI SHIHAB NYE

MỘC NHÂN LÊ ĐỨC THỊNH

Nhà thơ **Naomi Shihab Nye** sinh năm 1952 ở St. Louis, Missouri, Hoa Kỳ. Bà được biết đến với những bài thơ mang đến một góc nhìn mới mẻ về những sự kiện, con người và đồ vật bình thường. Nye đã chia sẻ rằng, đối với bà, “nguồn gốc chính của thơ ca luôn là cuộc sống địa phương, những nhân vật ngẫu nhiên gặp trên đường phố, các công việc thường nhật...”. Nye cũng được coi là một trong những nhà thơ nữ hàng đầu của miền Tây Nam Hoa Kỳ, người đóng góp cho thơ ca đương đại.



Các danh hiệu và giải thưởng chính: Giải thưởng Ivan Sandrof (cho Thành tựu trọn đời từ Hội Nhà phê bình Sách Quốc gia), Giải thưởng Lavan, Giải thưởng Văn thơ Paterson, Giải thưởng Carity Randall, Giải thưởng Thơ Isabella Gardner, Giải thưởng Lee Giải thưởng Thơ Bennett Hopkins, Giải thưởng Robert Creeley... Từ năm 2010 đến năm 2015, bà giữ chức vụ Thủ hiến của Học viện Thi ca Hoa Kỳ (The Academy of American Poets). Năm 2018, bà được trao Giải thưởng Lon Tinkle cho Thành tựu trọn đời từ Viện Thư tín Texas.

Văn nghệ Bình Định trân trọng giới thiệu một số tác phẩm của **Naomi Shihab Nye** qua bản dịch của Mộc Nhân Lê Đức Thịnh.

Nổi tiếng

Dòng sông nổi tiếng nhờ cá.

Sự lớn giọng nổi tiếng nhờ im lặng,
ai cũng biết nó sẽ kể tục trên địa cầu
trước khi mọi người công nhận.

Chú mèo ngủ trên bờ dậu nổi tiếng
nhờ những con chim dè chừng từ tổ.

Giọt nước mắt nổi tiếng, thoáng chốc, nhờ đôi má.

Ý tưởng bạn mang theo
nổi tiếng nhờ tâm lòng.

Đôi ủng nổi tiếng nhờ mặt đất,
nổi tiếng hơn cả giày vấy,
những thứ đó chỉ nổi tiếng với sàn nhà.

Bức hình cong vênh nổi tiếng với người sở hữu
và không nổi tiếng chút nào đối với người chụp.

Tôi muốn nổi tiếng với người đang dịch chuyển
họ mỉm cười khi băng qua đường,
những đứa trẻ dán mắt vào quầy tạp hóa,
nổi tiếng khi chúng quay lại cười.

Tôi muốn nổi tiếng theo cách của chiếc rờng rọc,
hoặc một cái khay áo,
chẳng phải vì nó đã làm được điều gì ngoạn mục,
mà bởi nó không bao giờ quên
những gì có thể làm.

** Nguyên tác: Famous*

Cách khác để cầu nguyện

Có cách quỳ gối,
thật tốt, nếu bạn sống ở một đất nước
nơi đất đá phẳng lì.
Những người phụ nữ miên man nơi khoảng sân trống,
góc khuất nơi đầu gối thích nghi với đá.
Lời cầu nguyện của họ là chiếc xương sườn bị phong hóa,
canxi bị mai một theo thời gian,
như thể sự chia nhỏ các âm tiết bằng cách nào đó có thể
rồi hợp nhất chúng lại trên bầu trời.

Có những người đàn ông chần chừ quá lâu
họ bước đi như những con cừu.
Dưới tán cây ô liu, họ giơ cánh tay lên
Hãy lắng nghe chúng tôi! Chúng tôi có nỗi đau đời!
Chúng tôi có quá nhiều nỗi đau không nơi cất giữ!
Nhưng cây ô liu lại đu đưa bình thản
trong chiếc chậu thơm mùi giấm và cỏ xạ hương.
Vào ban đêm, những người đàn ông ăn bánh mì dẹt
và pho mát trắng
một cách ngon lành,
vui vẻ chẳng màng nỗi đau,
bởi vì đó cũng là hạnh phúc.

Nhiều người hăm hở cuộc hành hương,
quấn mình trong vải lanh trắng mới
đi xe buýt qua những dặm trường sa mạc.
Khi họ đến Mecca
họ sẽ đi vòng quanh thánh địa,
đi bộ, nhiều lần,
họ cúi hôn mặt đất
và trở về, hành trình của họ mang theo điều bí ẩn.

Trong khi những người anh em và ông bà của họ
hành hương diển ra hàng ngày,
dẫn nước từ suối
hoặc làm trĩu nặng những giỏ nho.
Đây là những thứ quà của đời sống,
thánh thốt mồ hôi những người mẹ.
Có người khâu đường kim mũi chỉ phức tạp
cho trang phục trẻ em,
mà quên mất nó thật dễ với quần áo trẻ em.

Có những người không chuyên tâm cầu nguyện.
Những người trẻ tuổi. Đã từng đến nước Mỹ.
Họ nói với những người già rằng đang lãng phí thời gian.
Thời gian à?
Người già thì cầu nguyện cho những người trẻ.
Họ cầu nguyện để Thánh Allah chữa lành bộ não,
cho cành non lên xanh, cho trăng được tròn.

Và đôi khi cũng sẽ có ai đó
đã không làm điều này,
chẳng hạn như ông lão Fowzi, Fowzi già khờ,
kẻ đánh bại tất cả mọi người trong những ván domino,
khẳng định ông đã trò chuyện với Chúa như nói chuyện
với những con dê,
và nổi tiếng với tràng cười của mình.

** Nguyên tác: Different ways to pray*

Chủ nghĩa cơ yếu

Bởi vì con mắt có khoảng tối
nên khó nhìn quá những cái đầu trong đám đông?

Nếu ai đó có vẻ thông minh hơn
họ cần bí mật cho riêng mình?

Nếu điều bí ẩn không bao giờ là bạn của bạn?

Nếu có cách nào đó có thể làm hài lòng
trái tim vô lượng của thiên đường?

Nếu bạn thích vị vua trên ngai vàng của mình
hơn những người dân mang những giỏ chanh?

Nếu bạn muốn chắc chắn
người cận vệ sẽ cho bạn vào dự bữa tiệc?

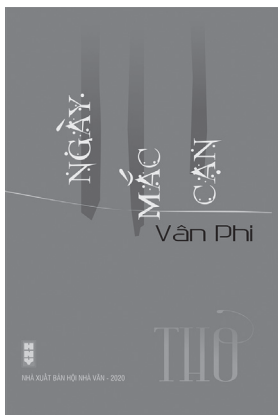
Cậu bé bị gãy bút chì
lấy con dao nhỏ của mình gọt lại mũi
xoay đi xoay lại quanh một điểm
nó sẽ trôi lên khỏi gỗ lần nữa

Nếu bạn tin rằng cuộc sống của mình như vậy
Bạn sẽ không theo cha đi vào cuộc chiến.

** Nguyên tác: Fundamentalism*

Tiếng lòng thao thiết của người trẻ trước cuộc đời

(Đọc tập thơ **Ngày mắc cạn** của Vân Phi, NXB Hội Nhà văn, 2020)



NGUYỄN VĂN HÒA

Ngày mắc cạn là tập thơ đầu tay của nhà thơ trẻ Vân Phi. Tập thơ đã tạo một dấu mốc quan trọng trong hành trình hơn 10 năm cầm bút của anh. Từ những bài thơ đầu tay viết vào thời sinh viên, rồi sau khi ra trường và cho đến hôm nay là cả một chặng đường với những thay đổi lớn. Càng về sau, Vân Phi viết chắc tay hơn, để lại dấu ấn rõ nét hơn đối với độc giả.

Ngày mắc cạn với 42 bài, chủ yếu được viết theo thể thơ tự do. Thể thơ này dễ bộc lộ tình cảm, cảm xúc một cách tận cùng của chủ thể trữ tình. Mỗi bài thơ như một câu chuyện kể, câu chuyện ấy có thể vui, có thể buồn nhưng đa phần nỗi buồn chiếm ưu thế. Đó là những suy tư, trăn trở; đôi lúc là những cảm xúc thăng hoa bất chợt nhưng tất cả là tiếng lòng thao thiết của một người trẻ luôn hướng về cuộc sống, về quê hương, nguồn cội. *Muốn về lại ngày xưa,/ nghe tiếng vót nan trên chiếc chông tre/ ngày đôi tay ba chắt mằm cây rựa/ từng nhịp, từng nhịp đã thành điệu khúc/ chiếc rế bên hiên nhuộm khói bếp đen huyền* (Ta tìm gì phía ấy ngày xưa).

Viết về điều gì thơ Vân Phi cũng chất chứa những nỗi niềm day dứt, đó là sự thúc ngộ của một người trẻ đang sống trong một xã hội mà mọi thứ thay đổi chóng vánh. Cái mà con người quan tâm nhất như niềm tin, biết đâu rồi cũng sẽ có ngày mắc cạn? Câu hỏi ám ảnh tâm hồn người thơ, cứ chập chờn, cứ quẩn quanh, cứ day dứt trong tâm não và cả sự hiện hữu ở bên ngoài. *Có một sớm loài người mắc cạn/ trên xác ngày ngỡ tươi tằm dưới bình minh/ họ đã trao nhau niềm tin bọc qua kẹo ngọt/ họ nâng niu về sự sống như biển cả bao dung ôm lấy những thân phận bé mọn/ họ bàn về tự do và mình triết của loài người/ về môi sinh/ về tuyệt diệt/ nghiêm túc và hồ hởi/ như cái cách tôi thấy họ vinh danh loài vích biển,/ trên bàn nhậu// có một mẹ vích lạc vào bãi cạn đêm qua* (Ngày mắc cạn).

Vân Phi cảm nhận trong sự khủng hoảng niềm tin và cả những ám ảnh về thân phận. Mọi thứ được nhìn trong cặp mắt đầy hoài nghi, ẩn tàng nhiều bất trắc. Vì thế, đôi lúc anh cảm thấy lạc lõng, chênh vênh giữa cõi người. Và cũng chính điều này là

câu trả lời xác đáng nhất vì sao trong thơ Vân Phi luôn có hình ảnh của những giấc mơ, tìm lại ngày xưa, nỗi mong ngóng được trở về quê cũ để sống lại những kỷ ức xa xăm, muốn được hồi sinh, muốn được trở lại xuân thì...

Thơ Vân Phi luôn ẩn hiện những hoài niệm về quê hương, làng xóm, về mẹ cha và cả những gì vốn gắn bó thân thuộc từ thuở thiếu thời. Chủ thể trữ tình trong thơ Vân Phi nhớ về cố hương với tất cả sự "thèm khát". Bởi từ khi rời làng lên phố "ta" đã quăng mình vào cuộc mưu sinh được thua cơm áo nên nỗi nhớ về mảnh đất chôn nhau lại càng da diết hơn. *Ta lên phố/ già từ bùn lấm gót chân/ quăng mình vào cuộc mưu sinh được mất/ đường như đã chẳng còn gì có thể làm tổn thương ta giữa trùng khơi quăng quật/ ngoài nỗi cô đơn.* Sự cô đơn đã ăn mòn vào đời sống hiện tại, nên nhân vật trữ tình "xin" trở lại quê hương để "*nghe đêm rót vào cuống rạ tro khô nỗi niềm cổ tích/ và hơi đất nồng nàn tình người chân thật...*" (gã con nít ngoại ô). Cuộc sống phồn hoa nơi phố thị với bao hào nhoáng nhưng cũng lắm đua chen nên "gã nhà quê" lên phố cố oằn mình thích nghi để mà tồn tại. Sự thích nghi "miễn cưỡng" thành ra vui ít buồn nhiều. Để rồi, nhà thơ cố "va vào xưa cũ": *ta gặp ta một chiều nay/ bên hiên phố đã rơi dày niềm xưa// ta về tìm chút buồn vui/ phố im lìm quá, ta cười riêng ta.* Nhưng tất cả lại "vỡ trôi": *va vào một chút lặng thinh/ nghe đêm rót xuống đời mình hoang vu.* Bất giác trong "giấc chiêm bao ngày nguyệt thực", vào lúc đêm khuya khoắt anh đã tự "khâm liệm" chính mình.

Hiểu và nếm trải nỗi lòng của những người ly hương, vì thế những vần thơ Vân Phi viết về điều này bao giờ cũng thấm đẫm nỗi niềm và sự cảm thông sâu sắc. Bài thơ viết cho đứa em gái rời quê lên Sài Gòn làm đứa con xa xứ, đọc mà nghe quay quắt, ngậm ngùi: *này cô gái tuổi em mười sáu/ xa quê hương xa mẹ xa cha/ xa giàn tigôn hoa vỡ bên hiên nhà/ xa áo trắng thơ ngây, em làm đứa con xa xứ.*

Mười sáu tuổi phải rời quê? Là thân con gái? Mà phố thị ở đó với bao lọc lừa, cạm bẫy? *Sài Gòn, phố che chân mây rong dài sợi nắng/ chẳng như quê mình thênh thang gió neo cánh đồng xanh/ em, cô gái quê lên chốn thị thành/ vẫn vất vả đôi bàn tay bé// dẫu ở nơi đâu thì em vẫn thế/ sống thẳng ngay, chân chất đượm nghĩa tình/ mặc cho năm tháng xói mòn đời bạc thếch/ em tự an ủi mình mạnh mẽ hơn xưa.*

Ngôn từ trong thơ Vân Phi chứa đựng khả năng biểu cảm lớn vì đó là ngôn từ của cảm xúc, tình cảm của một trái tim chân thành. Thơ anh mang vẻ đẹp thuần khiết, hồn hậu ngay cả khi chữ nghĩa đang dùng để diễn tả, phản ánh những điều hệt hẵng, bất an. Qua *Ngày mắc cạn*, Vân Phi đã trải lòng mình với mọi thứ xung quanh để cảm nhận thấu đáo và sâu sắc hơn về con người và cuộc đời. Với những gì mà anh chuyển tải không chỉ đơn thuần là tâm sự của riêng anh mà nó còn phản ánh tâm thế của rất nhiều người trong xã hội hiện đại.

Là tập thơ đầu tay nên Vân Phi cũng không tránh khỏi những hạn chế nhất định của một người làm thơ trẻ. Như việc anh quá say sưa, ôm đồm và cố tạo ra sự "mới mẻ" trong cái gọi là thơ hậu hiện đại. Nhưng với sự cầu thị, niềm đam mê và sống tận hiến hết mình với văn chương như anh; tôi tin, anh sẽ là một cây bút đầy hứa hẹn trên con đường chữ nghĩa ở phía trước.

N.V.H

Chạy trốn tình yêu

Truyện ngắn HOÀNG KHÁNH DUY

Chị ghé mắt nhìn qua khe cửa thấy Trung vẫn còn đứng ở bên ngoài. Trời lất phất mưa, những cơn mưa đầu mùa bắt đầu đổ xuống cái xóm trọ không mấy sang trọng này. Con đường vào xóm ngập nước mặc dù mưa chỉ mới tưới qua một đợt không lâu.

Chị vẫn luôn tìm cách lẩn tránh Trung bằng những lí do kiểu em bận đi làm, đi gặp hội bạn, tham gia công tác từ thiện, về quê... riết rồi Trung cũng biết được “âm mưu” của chị, bảo chị “có một bài mà ca thán mãi bộ không chán hay sao?”. Trung biết bằng mọi cách chị vẫn không muốn thân thiết với Trung - người đàn ông đã qua một đời vợ, vì người ta không tròn câu phẩm hạnh nên Trung quyết định mỗi người một nơi.

Vẫn còn nhớ trong những ngày chị lưu lạc tứ phương, ngồi bên bờ sông Hàn về đêm, một người già mặc áo lính đi phốt ngang rồi bỗng dừng lại trước mặt chị. Nhìn vào đôi mắt chị, người

mặc áo lính nói: “Số con khổ lắm, khổ một đoạn đời, rồi hết khổ. Sau này con nhất định sẽ được yêu thương, chở che”. Chị ngẩn người, bàng hoàng, chưa kịp hỏi gì thì người kia đã đi mất dạng. Mấy hôm sau, mấy năm sau, mỗi lần đi bên bờ sông Hàn chị đều tìm bóng dáng người kia hỏi người này, kẻ nọ, nhưng không một ai biết ông già mặc áo lính có lời lẽ tuy mơ hồ nhưng sâu sắc thấu trời kia là ai, đi đâu, có từng qua bờ sông Hàn hay không. Chị bàng quơ. Mọi thứ như một giấc mơ.

Chị thường hay nói với Trung là chị không xứng đáng. Trung vẫn thường đón đưa chị, sáng sớm đã chờ sẵn trước cửa nhà đợi chị thức rồi chở chị đi làm. Chiều anh tạt ngang qua cơ quan đợi chị về cùng. Đêm đêm rủ nhau đi khắp phố phường, ngắm đèn đô thị, tấp vào một quán hàng nho nhỏ nào đó ăn mấy món chị thích. Chị giành trả tiền, Trung

bảo lo được cho chị bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Chị cười mà mắt chị buồn hiu hắt:

- Tội tình gì mà phải như vậy hả anh?

Trung dịu dàng đan bàn tay anh vào bàn tay chị. Chị khẽ giật lại, nhưng anh nắm chặt.

- Không tội tình gì cả. Chỉ vì anh muốn chở che cho em.

Những câu nói đó một nửa cuộc đời chị chưa nghe ai nói với chị ngọt ngào đến vậy, bất giác nó khiến tim chị rung lên. Nhưng chị khẽ kìm lại. Chị sợ con tim mình sẽ lại giần giật một lần nữa, và rồi chị nghe theo. Chị đã từng chọn tiếng nói của trái tim thay vì chọn sự mách bảo của lí trí. Và rồi cuộc đời nhấn tâm xô chị vào ngõ ngách, chân tường. Chị đau, đau đến rã rời. Chị đã vui chôn cả tuổi thanh xuân của mình trong những bon chen, vổ vập, giữa những tờ xanh đỏ mà mỗi khi nhận về chị lại thấy lòng mình vui.

Những cuộc đón đưa ngày một nhiều, mặc cho chị cố tránh né. Trung là người đàn ông sâu sắc. Đàn ông khi đã trải qua một lần đổ vỡ đều nhận thức được tình yêu trong lòng mình, khiến nó chững chạc, đủ ngọt hơn khi bắt đầu một tình yêu mới. Sáng sớm Trung gọi chị dậy, mua dấm gội hủ tiếu, phở khô... để chị ăn sáng trước khi Trung sang đón chị đến cơ quan. Tối, thấy nick Facebook chị vẫn còn sáng đèn, Trung gọi Messenger chị không bắt máy với lí do: "Tối rồi, mặt em xấu". Trung gửi phiên âm thanh chúc chị ngủ ngon, kiểu như Trung muốn chị phải nghe cho bằng được cái giọng nói trầm ấm của Trung trước khi khép mắt, đắm chìm vào giấc ngủ sâu.

Nhiều đêm chị mơ thấy Trung, thấy

cái ôm ấm nồng, thấy vòng tay trìu mến. Rồi chị gạt ra. Chị sợ mình yêu anh. Đàn bà thường sợ yêu sau khi đã chịu đựng những vết đau, những lời dối trá hay lầm đường lạc lối trong tình yêu. Mà thật lạ, càng tránh né anh bao nhiêu thì con tim chị càng xốn xang bấy nhiêu, những ngày chị không gặp anh, hoặc Trung đi công tác, hoặc về quê, chị đều thấy thiếu thiếu. Con đường đi làm về bỗng trở nên buồn tẻ hơn. Má gọi lên thành phố nói chị còn chần chừ gì mà không chấp nhận tình cảm của Trung, để mất Trung là chị ân hận một đời chứ chẳng chơi. Chị cười, bảo: "Tùy vào duyên số". Má thở dài trước sự cứng đầu của chị.

Vậy rồi cuối cùng chị cũng biến mất khỏi thành phố. Trung dáo dác đi tìm. Trung lục tung cả thành phố, những nơi hai người từng đến, những bạn bè mà Trung nghi là thân với chị trong danh sách bạn bè trên Facebook chị Trung đều dò hỏi, nhưng vẫn không thấy chị đâu. Mùa hoa tím nghiêng nghiêng trên phố, những cánh hoa quẩn quanh chân người rồi gió thốc bay là đà trên mặt đường khiến con phố này như càng buồn hơn. Vắng chị, Trung thất thần, rồi hốt hoảng. Một cuộc tìm kiếm trong hi vọng bắt đầu diễn ra.

Đêm miền quê mùa mưa, sấm chớp xẹt ngang bầu trời đen kịt và màn mưa giăng mờ mịt. Chị ngồi phía trong nhà, qua song cửa nhìn ra cánh đồng đều hiu, oải oạp tiếng ếch nhái kêu đêm buồn não nuột. Quê chị buồn. Bởi buồn nên hồi ấy chị mới bỏ quê mà đi. Biệt xứ. Đi mấy năm trời không đặt chân về xứ khi ho cò gáy mà chị gọi là cố hương. Nhìn bầu trời vằn ngang vằn dọc những

đường sấm chớp màu vàng, chị chợt nhớ ngày nhỏ chị sợ sấm chớp dữ lắm. Có đợt cây dừa ngoài bờ ruộng bị trời xẹt cháy một cục lửa đỏ hồng trên đợt, chị thấy hết, chị sợ quéo cả chân, nằm bất tỉnh trong đám sậy. Má hốt hoảng chạy ra bế thốc chị vào trong nhà, xoa dầu cho chị, một lúc sau thì chị tỉnh. Má dặn, hễ trời mưa là chạy vô nhà ngay không được núp dưới tán cây, nhất là những cây lâu năm. Chỗ đó hay có vong. Chuyện thực hư ra sao chị không rõ nhưng mấy lần sau chị lại tiếp tục đi cời cời dưới mưa, chị không sợ gì cả, con rắn, con rết trong hang chị còn không sợ, giờ chị chỉ sợ mỗi chuyện yêu.

Má đan năm ngón tay thon lên tóc chị. Tóc chị dài chấm lưng. Tay má dịu dàng, trùi mịn. Chị vẫn ngồi bên song cửa. Trong bóng tối. Má chị cũng có tuổi, nhưng trông bà cũng còn trẻ lắm. Chị thừa hưởng những nét đẹp từ má, vóc người cao, mảnh khảnh. Mắt chị

long lanh như đêm tối trù lên con sông nhỏ chảy ngang qua xóm nghèo. Im lặng một lúc, má khe khẽ:

- Rồi định chạy trốn tới chừng nào? Nghe lời má một lần để không phải ân hận.

Trong đêm tối, chị cảm nhận có giọt nước nào vừa chảy dọc sống mũi, rơi xuống. Chưa bao giờ chị chông chênh giữa hai sự lựa chọn trong đời. Nếu chị chọn hạnh phúc, chị sẽ là một người ích kỷ và hổ thẹn suốt cả một đời. Còn buông tay, chị sẽ là người nhẫn tâm, tàn độc.

Chị thều thào:

- Làm gì có ai thật lòng yêu thương một con nhỏ từng làm ở quán cà phê “đền mờ”, nay ngã vào tay người này, mai người nọ... như con há má?

Nói xong chị cười nhạt. Những nhớ nhuốc ấy chị suốt đời không quên. Người ta chỉ thương chị chứ chắc gì người ta đã yêu? Ai lại đi yêu một cô gái



có quá khứ tồi tệ như chị. Trung đã từng khước từ người đàn bà không tròn câu phẩm hạnh để rồi đến với chị, cũng là một người phụ nữ không biết giữ gìn. Chị có gì để Trung phải dốc lòng yêu thương, chăm sóc. Chị chẳng có gì cả! Chị nghĩ, một ngày nào đó Trung sẽ nhận ra chị từng là cô gái bán cà phê đèn mờ, hóa ra vợ Trung còn tốt hơn chị gấp trăm lần, rồi Trung cũng bỏ chị đi. Đã biết trước kết cục của chuyện tình này, vậy chị còn lao vào làm gì cho cả hai đau khổ?

Má không nói không rằng. Mỗi lần chị nhắc cái quá khứ của mình là má lại đau xót. Má đau, má tự trách mình vì hồi ấy má không giữ chị lại nhà, để chị lên thành phố trong túi chỉ có ít tiền phòng thân. Má lầm tin cô bạn hàng xóm của chị, để chị đi tìm cách đổi đời. Đời thì chưa đổi chứ con gái má đã thay đổi từ diện mạo tới cách nói năng. Trong những bộ đồ chị mặc chẳng bộ nào lành lặn. Không phải đồ rách vì nghèo như hồi xưa má mua được tấm vải xé đôi má một bộ, chị một bộ, do thiếu vải nên ống quần ngắn lên ngang mắt cá. Những bộ đồ của chị mặc má nhìn thôi đã thấy lỏng ngực bóp nghẹt, biết chị không còn là Nhung - con gái má - con nhỏ mà hồi xưa mỗi lần đi ra đường là đầu đội nón lá, trùm kín mít, mặc cái váy đi chơi Tết còn khúm núm sợ người ta cười vì váy ngắn ngang đầu gối. Vậy mà...

Tiền chị gửi về ngày một nhiều. Má không xài. Má cất trong tủ chùng nào chị về má đưa lại. Hơn ai hết, má biết những đồng tiền đó từ đâu mà ra. Chẳng thà chị đi làm công ăn lương, đi làm công ty

xí nghiệp như mấy đứa con gái chân còn dính phen bước ra từ cái xóm nghèo hiu hắt này thì má nhận tiền. Chứ tiền đánh đổi bằng xuân thì của đứa con gái duy nhất má hết lòng hết dạ yêu thương thì má đâu nở xài. Chị ngày càng "xinh đẹp" theo một cách khác. Chị tự nhiên trở nên xa lạ trong mắt má, dù má thương chị bằng tất cả cuộc đời.

Chị trở về nhà sau một trận đánh ghen toí bời khói lửa. Đàn ông lạ thật, lúc quần quít bên chị thì nhất nhất chỉ có mỗi mình chị, hứa hẹn đủ điều nào là cho chị cái danh, nào là hết yêu vợ rồi bên nhau mãi chỉ làm nhau khổ ải. Nhưng khi vợ hẳn xông vào bắt gặp cảnh hai người ân ái trên giường, ngay lập tức hấn trở mặt, bênh vợ rậm rắp, đổ thừa cho chị dụ dỗ bằng "sự chuyên nghiệp" của gái làng chơi.

Từ bao giờ chị đã mất niềm tin vào đàn ông? Từ bao giờ chị không còn hứng thú với cái "nghề" chị đã lựa chọn để rồi nó giết chết sự hồn nhiên và tươi vui trong thanh xuân đời chị.

Chị về với má. Má nói: "Mệt chưa hả con? Mệt rồi thì thôi dừng lại. Quay đầu là bờ". Má chỉ buồn chị chứ không giận, dù má từng hận những người đàn bà nhẫn tâm cướp đi người chồng mà má hết lòng hết dạ yêu thương để chị sinh ra đã là một cô bé không cha, chỉ có má. Má không biết bao giờ cố nhân quay lại, má đã chờ mấy chục năm rồi mà họ cũng có về với má đâu. Má sợ con má lại làm đổ vỡ bao nhiêu cuộc hôn nhân. Má không muốn những người đàn bà có chồng khác cũng bước đi trên con đường mà má đã từng bước.

Mấy năm sau, chị ra thành phố, quyết định đối mặt với những thương tổn của

cuộc đời. Chị nghĩ, là do chị chọn chứ đâu ai lựa chọn cho chị? Chị chọn thì chị phải đối mặt, dù đón đau đến cùng cực.

Trung vẫn luôn bên chị, dù nắng, dù mưa. Trung quan tâm chị đến từng chuyện nhỏ nhất, nhưng anh chưa bao giờ trói buộc chị phải khiên cưỡng theo cảm xúc của Trung. Bởi vậy nên chị yêu, yêu từ bao giờ không biết nhưng mỗi lần ở bên Trung tim chị lại xoắn xang, lại đập mạnh hơn bao giờ hết. Chị hiểu Trung là một phần của thực tại đời chị, nhưng chị không dám để mối tình tiến xa hơn. Vẫn còn một ranh giới nào đó chia cách chị và Trung, dẫu tình yêu đủ lớn.

Cái cảm giác sợ yêu thật tồi tệ!

Ngày chị rời thành phố, chạy trốn cuộc tình, chị đã khóc nức. Phố vắng chị phố vẫn như mọi khi, không buồn, không chống chénh. Chỉ có nỗi nhớ trong lòng Trung ngày một dâng đầy. Cuộc sống đồng quê khiến chị quên đi những chộn rộn phố phường nhưng không sao quên được Trung. Hình bóng ấy vẫn cứ mờ mờ ẩn hiện trong tâm hồn, trong con tim nhiều vết xước của chị.

Sáng sương mờ, có người về ngang qua sông. Chuyển đò chòng chành trên dòng nước ôm ấp lấy xóm nhỏ thân yêu, nơi chị đã gắn bó một phần cuộc đời, nơi chị trở về sau những va vấp...

Chị bàng hoàng khi nhận ra Trung đang đứng trước mặt chị, dưới giàn bông giấy bò ngang qua cổng nhà. Trung đứng nhìn chị, trong mắt Trung nửa có chút trách móc, nửa có chút triu mến, thiết tha.

- Trung... - Chị lắp bắp.

Không chần chờ gì nữa, Trung lao đến ôm ngay lấy chị như thể hai người đã xa cách mấy năm trời gặp lại, như thể giữa phố và quê xa cỡ nửa vòng Trái Đất. Người chị mềm nhũn đi. Tự dưng chị thấy mình cũng cần được chở che, được vỗ về như bao người đàn bà khác.

- Cho chính mình một cơ hội đi em! Quá khứ... hãy để nó ngủ yên.

Chị bật khóc. Dù Trung có bỏ qua cho quá khứ không sạch của chị thì chị vẫn mãi không thể thứ tha cho chính bản thân mình. Nhưng dẫu sao chị vẫn không để phụ mất một tấm lòng. Thôi thì hãy yêu, bao lâu cũng được, mai này Trung có bỏ chị cũng được. Nhưng chị cần đáp lại tình yêu của Trung, cũng là để mở ra cuộc sống mới cho chính mình. Đâu thể ích kỷ mãi được đâu? - Trèo lên lưng anh đi em - Trung nói - Anh công em qua con đê dài kia.

Dưới bóng cây sấu đầu ngả nghiêng trong buổi chiều nắng vụn, bóng Trung và bóng chị nhỏ nhắn giữa đất trời, đi trong màu xanh cỏ hoa mùa mạ non xanh mơn mớn. Về nơi có hạnh phúc.

H.K.D

NGUYỄN VĂN BÚT

Gọi cha

Mưa cuối ngày trên cánh đồng màu đỏ
Tiếng cuốc lạc bầy
Những bông lúa bay lên miền trời thăm thẳm
Không ai để ý
Vang tiếng gọi réo rắt dưới lòng sông

Màu nắng mới bên ngực cha đẹp quá!
Tiếng thở than không hồi đáp một lời
Con rời đi
Giữa trăm miền thơ dại
Nhớ tay cha dìu dắt những buổi đầu

Nụ hôn của cha
Ngày chào đời in sâu trong mắt
Con cất vào ngôi nhà của chúng ta
Những tiếng gọi chưa từng đong đếm
Nghe nhỏ dần khi hoàng hôn chạm ngõ...

Mẹ chờ...

Mẹ ngồi gỡ những hạt mưa trên tóc
Tháng Giêng về gọi mùa cũ nẩy mầm
Đôi vai gầy gánh lũ con qua từng phiên chợ
Chợt giật mình trong bữa đói bữa no

Bình minh hằn lên gót chân nứt nẻ
Những đêm khuya thao thức đợi ai về?
Tháng năm len vào nỗi buồn cô độc
Ký ức trào lên vỡ những thương đau

Lũ chúng con lớn theo những ngón tay
Lùa gió sương về thổi mềm lưng nhỏ
Lũ chúng con rời gánh ngày thơ cũ
Dáng mẹ hiền buộc mưa vắt bên hiên

Mẹ thôi gỡ những hạt mưa trên tóc
Tháng Giêng đi trong biển biệt lãng buồn
Đôi vai gầy chờ chúng con bên chợ
Chợt giật mình sông hát khúc biệt ly...

N.V.B

Bướm Vàng, Kiến Nâu và Ong Mật

Truyện ngắn MAI NGUYỄN



Minh họa: Nguyễn Chơn Hiền

Trong khu vườn nọ, Bướm Vàng, Kiến Nâu và Ong Mật chơi rất thân với nhau. Một hôm, trong lúc trò chuyện, Kiến Nâu bỗng nảy ra một ý nghĩ:

- Chúng ta hãy kể cho nhau nghe về công việc của mình xem ai là người sống có ích nào?

Ong Mật nghe Kiến Nâu nói thế liền tán thành:

- Đúng đấy! Chắc chắn tớ là người sống có ích rồi.

- Tớ thức dậy từ sớm tinh mơ - Kiến Nâu nhanh nhẩu kể - Công việc của tớ là đi tìm thức ăn, tha chúng về tổ để dành cho những ngày mưa hay mùa đông rét mướt. Từng chút, từng chút một nhưng tớ tích góp được rất nhiều. Ai cũng khen tớ cần cù, chịu khó.

Ong Mật tiếp lời:

- Tớ có khác gì cậu? Từ sớm tinh mơ, tớ đã rời tổ bay đi tìm phấn hoa và mật. Tớ chỉ trở về tổ khi nào bụng mật dưới bụng đầy căng không còn chỗ chứa. Mật của tớ rất ngọt và thơm nên ai cũng thích.

- Nhưng người ta có khen cậu không? Kiến Nâu vặn vẹo.

- Có chứ! Để tớ nghĩ xem người ta thường nói gì về tớ nào. À, tớ nhớ rồi! "Những chú ong nhỏ bé cần mẫn làm nên mật ngọt cho đời". Thế có oách không?

- Thế còn cậu? Cả hai cùng quay sang Bướm Vàng.

Bướm Vàng đang say sưa nghe bạn kể về công việc của mình, chợt lúng túng:

- Tớ... tớ thì...

Đúng là Bướm Vàng không có gì để kể thật. Công việc chính của nó là lang thang rong chơi. Thậm chí, Bướm Vàng cũng chẳng có tổ để ở nữa. Suốt ngày chờ vờn từ ngọn cây này đến bông hoa kia. Khi trời tối, Bướm Vàng đậu vào một nách lá nào đó trú qua đêm. Sáng hôm sau, khi được những tia nắng mặt trời đánh thức, Bướm Vàng lại bay đi. Điều mọi người thường thấy ở chú là sự vui vẻ, yêu đời, lúc nào cánh cũng vỗ rập rờn, còn miệng thì luôn ca hát. Thỉnh thoảng, Bướm Vàng cũng mách cho Ong Mật trong vườn có mấy bông hoa vừa nở hay rụng cho phấn hoa rơi xuống đất để Kiến Nâu nhặt lấy. Nhưng, những chuyện đó có gì đáng để kể đâu?

- Cậu ấy chỉ biết lang thang rong chơi thôi. Mà rong chơi thì có ích gì chứ?

- Đúng! Cậu ấy không giống tớ và cậu. Chúng ta sẽ không chơi với bạn ấy nữa.

Bướm Vàng chỉ biết im lặng nghe các bạn của mình tranh nhau nói. Sau một hồi lải nhải chán chê, Kiến Nâu cùng Ong Mật bỏ đi.

Bướm Vàng buồn lắm. Sống không có bạn bè sẽ rất buồn nhưng điều đáng buồn hơn là biết được mình đang sống nhàn nhã, vô ích. Chú bay đi thật chậm. Một làn gió nhẹ thổi qua phần nào giúp chú dịu bớt nỗi buồn. Bay ngang qua giàn Mướp, thoáng nhìn thấy những cánh hoa vàng, chú đáp xuống. Thái độ của chú khác với mọi ngày khiến cô bé Hoa Mướp Vàng để ý.

- Bướm Vàng làm sao thế? Bạn bị ốm à?

Bướm Vàng lắc đầu:

- Tớ buồn quá! Tớ không biết làm những việc có ích như bạn Kiến Nâu, bạn Ong Mật.

Cả giàn mướp tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Ai bảo với bạn thế?

- Bạn Ong, Bạn Kiến và cả tớ cũng thấy như vậy.

Những Quả Mướp đồng thanh kêu lên:

- Chúng tớ ra đời được là nhờ cậu đấy!

Thấy Bướm Vàng ngơ ngác chưa hiểu, Hoa Mướp Vàng giải thích:

- Một số loài cây có hoa đơn tính không thể tự đơm hoa kết trái được mà phải nhờ Gió, Bướm, Ong... thụ phấn giúp. Khi bạn bay vào hoa đực hút mật, nhị của hoa đực sẽ bám vào người bạn. Lúc bạn bay sang hoa cái hút mật, nhị hoa đực trên người bạn sẽ dính vào nhụy của hoa cái. Lúc đó quá trình thụ phấn sẽ diễn ra...

Mắt Bướm Vàng sáng rực lên:

- Vậy là tớ đã giúp cho bác Bầu, bác Bí và một số họ cây khác có hoa đơn tính thụ phấn, đúng không?

- Đúng rồi đấy. Công việc của bạn tưởng chừng bình thường, đơn điệu nhưng lại có rất nhiều ý nghĩa.

- Nhưng...

- Bạn vẫn lo là bạn Ong Mật, Kiến Nâu không hiểu được bạn, đúng không?

Bướm vàng im lặng.

- Rồi các bạn ấy sẽ hiểu bạn. Mọi người cũng sẽ hiểu về bạn. Sống ở đời, ai làm việc tốt, sống có ích đều được mọi người yêu quý, Bướm Vàng ạ!

Bướm Vàng tạm biệt giàn mướp định bay đi thì nghe tiếng gọi:

- Bướm Vàng ơi, đợi với!

Chú nhìn lại nhìn thì thấy Kiến Nâu và Ong Mật đang đưa tay vẫy vẫy. Thì ra, từ nãy giờ, Kiến Nâu và Ong Mật nấp dưới tán lá, nghe hết câu chuyện giữa Bướm Vàng và giàn mướp.

- Cậu cho bọn tớ xin lỗi nhé!

Bướm Vàng cầm tay những người bạn của mình, niềm nở:

- Tớ còn chưa hiểu được công việc của mình, sao có thể trách các cậu? Nào, bây giờ chúng ta đi tìm mật và phấn hoa thôi!

- Đi thụ phấn cho hoa chứ?

- Đúng rồi. Ta đi thôi.

- Ấy ấy..., chờ tớ với các cậu ơi!

Kiến Nâu nhảy căng lên. Thì ra, cậu ấy không biết bay như những người bạn của mình. Nhưng không sao. Bướm Vàng và Ong Mật bay chậm chậm bên trên. Kiến Nâu đi bên dưới. Tiếng đùa vui của họ vang khắp khu vườn.

M.N

PHẠM ANH XUÂN

Bình minh

Đêm qua mưa lất phất
Nên mặt trời ngủ quên
Sáng nay em dậy sớm
Hát gọi mặt trời lên

Em hát gọi chị gió
Gió thổi cơn mát lành
Em hát gọi chú nắng
Nắng vàng hàng cây xanh

Cây hát reo hoa nở
Rủ ong bướm về chơi
Gió hát gọi chim đến
Chim ca trong nắng vui

Mây thấy trời rộng rãi
Cũng theo nhau về đây
Em thấy trời đẹp quá
Hát tung bừng vui say.

Bé làm cô giáo

Bé tập làm cô giáo
Dạy mèo mướp đánh vần
Chó vện cũng ham học
Nên môn men đến gần

Hai bạn học chăm chỉ
Tập trung và nghe theo
Mướp tỏ ra tiến bộ
Đánh vần mờ eo meo

Còn vện thì hiểu động
Sốt ruột vì chờ lâu
Xung phong đuôi ngoáy tít
Đọc luôn gâu gâu gâu

Cô giáo khen hai bạn
Học giỏi và chăm ngoan
Mướp vênh râu tít mắt
Còn vện vui sữa vang.

P.A.X

Bi kịch làm người trong tuồng *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*

NGUYỄN THẾ KHOA

LTS: Nguyễn Diêu sinh năm 1822 mất năm 1880, hiệu Quỳnh Phủ, là nhà thơ, nhà soạn tuồng hát bội ở Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định. Ông là thầy dạy của hậu tổ hát bội Đào Tấn. Tác phẩm của Nguyễn Diêu còn lưu lại ba vở tuồng: **Ngũ hổ Bình Tây, Liệt đổ** và **Cổ miếu văn ca** (*Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*). Trong đó vở **Hồ Nguyệt Cô hóa cáo** có thể coi là vở tuồng ngắn nhất trong lịch sử tuồng cổ, nhưng lại là vở có sức sống lâu bền nhất, kỳ diệu nhất. Qua hơn 150 năm ra đời, với tên gọi mới là **Hồ Nguyệt Cô hóa cáo**, vở tuồng này ngày càng phổ biến rộng rãi, người ta ngày càng say mê và ngày càng phát hiện ra nhiều giá trị mới mẻ, sâu sắc của nó cả về tư tưởng và nghệ thuật.

Tuy vở tuồng ban đầu mang các tên là *Võ Tam Tư chém cáo* hay *Tiết Giao đoạt ngọc, Cổ miếu văn ca* nhưng Hồ Nguyệt Cô mới là nhân vật chính trong đó nên sau này hầu hết mọi người đều gọi kiệt tác này của Nguyễn Diêu là *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*. Vở tuồng kể chuyện Hồ Nguyệt cô vốn mang kiếp cáo nhưng sau hàng ngàn năm tu luyện, từ cáo nàng đã trở thành người, một người con gái tài năng xinh đẹp và được sư phụ Tiên Mẫu cho xuống núi. Được làm người, Nguyệt Cô bắt đầu mơ ước có một người yêu, một người chồng như bao người phụ nữ bình thường khác. Vâng lời Tiên Mẫu, nàng chấp nhận lấy người đàn ông gặp mặt đầu tiên khi nàng giáng trần. Tuy người đó không có khuôn mặt trắng hay khuôn mặt hồng như sư phụ dặn mà nửa nọ nửa kia nhưng cũng không sao. Đó chính là Võ Tam Tư, một người có võ công siêu quần và là đại tướng của triều đình. Nàng rất hạnh phúc và nguyện sẽ trọn đời nâng khăn sửa túi cho chàng. Tuy vậy, mọi việc không êm đềm như nàng tưởng. Trong một cuộc chiến bảo vệ triều đình chống lại bọn phản nghịch, Võ Tam Tư chống nàng thua trận nặng nề. Biết tin, nàng đã tình nguyện thay chồng ra trận tiêu diệt kẻ thù.

Nguyệt Cô xuất trận đối phó với phái Cửu Diệm Sơn, dễ dàng khuất phục bắt sống tướng Trịnh Bửu khét tiếng về võ công và sức mạnh, người đã đánh bại Võ

Tam Tư, buộc phái Cửu Diệm Sơn phải tạm lui quân. Chủ tướng Cửu Diệm Sơn, nguyên soái Tiết Cương, muốn ra trận quyết chiến với Nguyệt Cô, nhưng ông đã già yếu nên quân sư Từ Mỹ Tổ quyết không cho. Tiết Giao, cháu của Tiết Cương đã xung phong ra trận để cứu Trịnh Bửu, tiếp tục công phá thành trì của họ Võ. Đây là một viên tướng trẻ mặt đỏ, tài cao, lại rất đẹp trai.

Vì thế, khi giáp trận với Tiết Giao, Nguyệt Cô đã bàng hoàng trước khuôn mặt đỏ tuyệt đẹp của chàng dũng tướng này. Nguyệt Cô bỗng nhớ lại lời sư phụ dặn về một chàng trai mặt đỏ là người tình mà nàng sẽ gặp nên Nguyệt Cô đã rung động, mềm lòng, tưởng không thể giao tranh với Tiết Giao. Tuy vậy, nhớ nghĩa vụ với chồng và triều đình, Nguyệt Cô dụ viên tướng trẻ đẹp vào ngôi miếu cổ, hóa phép làm chàng hôn mê và định vung kiếm hạ sát. Nhưng nhìn vẻ đẹp của chàng và nhớ lời sư phụ về định mệnh một người tình mặt đỏ, nàng không nỡ ra tay, đành bỏ chàng bên ngôi miếu cổ, thu quân.

Tiết Giao sau đó đã được Tiên ông Lý Tịnh làm cho hồi tỉnh và cho biết bí mật về sức mạnh vô địch của Nguyệt Cô là ở viên ngọc trong miệng nhờ tu luyện nghìn năm mà có thể từ cáo thành người. Bởi thế muốn thắng được Nguyệt Cô, không thể dùng sức mà phải dùng kế đoạt ngọc. Nghe lời Lý Tịnh, lại biết Nguyệt Cô cũng có vẻ thích mình nên tha chết, Tiết Giao đã sắp đặt một “tình kế” chinh phục Nguyệt Cô, đoạt lấy ngọc quý, vô hiệu hóa sức mạnh của nàng để giành chiến thắng.

Nguyệt Cô vì tha chết cho Tiết Giao, khi về dinh nàng luôn bị Võ Tam Tư trách cứ, nghi ngờ, lạnh nhạt rồi bằng mọi cách thúc nàng ra trận để giết bằng được kẻ thù, khi thấy Tiết Giao được cứu sống đã trở lại khiêu chiến. Thế là một lần nữa để làm tròn bổn phận với chồng, nàng lại phải xuất trận. Nguyệt Cô không ngờ lần xuất trận này, nàng đã rơi vào bẫy tình mà Tiết Giao đã giăng sẵn. Lần này, Tiết Giao không giao chiến bằng cung kiếm mà bằng vẻ đẹp của mình cùng những lời đường mật, sự khêu gợi mà hẳn biết một người đàn bà si tình như Nguyệt Cô khó lòng chống đỡ. Quả nhiên những lời tán tỉnh, tỏ tình ngon ngọt, khéo léo cùng niềm tin về một người tình mặt đỏ định mệnh đã làm một cô gái chưa được làm người bao lâu, chưa hiểu được thế nào là sự lừa đảo ở đời, gục ngã. Cảm nhận “sét đánh” từ buổi gặp ban đầu như ngọn lửa âm ỉ giờ đã rực cháy, làm bùng lên trong lòng Nguyệt Cô sự thèm khát yêu đương cần được thỏa mãn. Khi Tiết Giao mời nàng xuống ngựa để cùng tâm tình, Nguyệt Cô đã không ngần ngại theo Tiết Giao vào cổ miếu, nơi nàng đã tha chết cho Tiết Giao, để say mê bước ngay vào cuộc mây mưa cùng một người mà nàng ngỡ là người tình trong mộng chứ không phải là một tên Sở Khanh khốn khiếp. Khi đã làm Nguyệt Cô mê muội, chìm đắm, rã rời trong tình ái, Tiết Giao lén lút đoạt được viên ngọc hộ mệnh trong người nàng và tươi cười bỏ đi.

Giữa cuộc mây mưa, khi bị Tiết Giao đoạt mất ngọc rồi bỏ đi mặc bao van xin nài nỉ của mình, Nguyệt Cô mới nhận ra mình bị lừa dối trong khốc than hối hận, bẽ bàng. Nhưng mọi việc đã muộn, đúng như lời Tiên mẫu dặn, khi để mất “ngọc người” nàng phải trở về với kiếp cáo. Công phu tu luyện ngàn năm đã uổng phí chỉ vì một phút giây nhẹ dạ lả lơ. Kiếp cáo đã trở lại trên thân xác với móng vuốt,

đuôi, lông mọc lại. Nàng cũng không thể nói tiếng người được nữa, cùng không thể lên ngựa được, con chiến mã cũng kinh hãi hình hài cấm thú của nàng, bỏ nàng chạy vào rừng sâu. Nguyệt Cô tru lên tiếng gào của loài cáo, và khi trở lại tìm chồng, con cáo ấy cuối cùng đã phải đón nhận lưỡi gươm bạc bẽo của người chồng họ Võ...

Đây là toàn bộ câu chuyện tuồng *Võ Tam Tư chém cáo* của Nguyễn Diêu. vở tuồng chỉ có một hồi rất ngắn, chỉ có vài chục trang in, ngắn đến mức mà bây giờ dựng lại không cần cắt xén gì cũng chỉ diễn ra trên dưới hai giờ đồng hồ, rất vừa với sức xem của khán giả sân khấu hôm nay. Hiện nay, gần trăm đoàn tuồng chuyên nghiệp, bán chuyên cả nước đều diễn vở này. Từ tuồng, *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo* đã lan sang sân khấu nhiều đoàn cải lương, nhất là cải lương tuồng cổ, rồi bây giờ là cả mỹ thuật, âm nhạc hiện đại. Cái tên *Hồ Nguyệt cô hóa cáo* ngày càng xuất hiện nhiều hơn trong công cụ tìm kiếm Google và trên kênh nghe nhìn Youtube với các trích đoạn tuồng, cải lương. Trích đoạn tiêu biểu nhất của vở tuồng cũng nhiều lần được các nghệ sĩ tuồng xuất sắc của nước ta đem sang biểu diễn tại nhiều nước Âu Á và rất được hoan nghênh...

Ngay sau khi ra đời, cũng như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo* từng bị một số nho sĩ coi là "dâm thư", bị cấm diễn nhiều nơi, nhất là những chốn được coi là tôn nghiêm. Bởi vì trong vở tuồng này, Nguyễn Diêu không những coi cuộc ngoại tình của Tiết Giao – Nguyệt Cô là đối tượng trung tâm tác phẩm mà ông giáo làng Bình Định còn dám cả gan đưa cuộc giao hoan của cặp đôi này ra giữa sân khấu biểu diễn bằng nghệ thuật cách điệu cho khán giả xem và cảnh ấy hay đến mức làm cho chàng học trò yêu Đào Tấn học theo thầy sau này trong vở tuồng *Hồ sanh đàn* đã đưa cuộc sinh nở của nữ anh hùng Lan Anh ra biểu diễn trước khán giả, rất được tán thưởng. Nguyễn Diêu cũng như Đào Tấn cho thấy không gì thuộc về sự sống mà lại không thể thể hiện trên nghệ thuật, miễn là phải thể hiện theo quy luật của cái đẹp. Họ có thể theo Nho giáo nhưng không thể là hủ nho.

Đầu tiên, nhiều người cho rằng vở tuồng này, đối tượng phê phán chính của tác giả là Hồ Nguyệt Cô, một người đàn bà đa tình dâm loạn và đã bảo vệ nó theo hướng ấy trước sự đả kích của đám hủ nho. Thậm chí có nhà văn nổi tiếng còn cho là lúc viết vở tuồng này tác giả chỉ nhằm đưa ra ý tưởng lũ yêu ma chồn cáo là bè lũ yêu tinh. Kết cục của chúng sẽ giống như Nguyệt Cô. Công tu luyện nghìn năm vì đi theo tà đạo cuối cùng sẽ tan thành mây khói. Kiếp cáo lại hoàn kiếp cáo.

Nhưng thực tế khi đọc kịch bản cũng như khi xem vở diễn một cách vô tư thì ta có cảm nhận rõ ràng đối tượng phê phán chính ở đây không hề là Nguyệt Cô mà là Tiết Giao, nhân vật tưởng là chính phái bởi ở phe Tiết Cương chống lại Võ Tam Tư là phe Võ Hậu, một tà phái. Tiết Giao là vị tướng trẻ đẹp trai văn võ toàn tài nhưng là một kẻ hãnh tiến, chỉ mong sớm lập được công lớn để nhanh thăng tiến. Và chàng ta sẵn sàng bằng mọi giá để đạt được thành công. Bởi thế sau khi thua trận, được Nguyệt Cô tha chết, được Lý Tịnh chỉ cho cách chiến thắng Nguyệt Cô bằng thủ đoạn lừa tình nữ chiến tướng vô địch nhưng là cô gái si tình hồn nhiên

luôn khao khát tình yêu này, một cách chiến thắng nhục nhã nhất, đáng khinh bỉ nhất của một đấng nam nhi bất cứ ở thời nào. Nhưng Tiết Giao đã nhận làm, trở tài tán gái để làm tàn hại đối thủ đã từng tha chết cho mình khi giáp trận mà không một chút bần khoản. Ngay khi đã đoạt được ngọc quý của Nguyệt Cô giữa cuộc giao hoan, vô hiệu hóa sức mạnh vô địch của vị nữ tướng đa tình, Tiết Giao cũng nhẵn tâm cười cợt bỏ đi ngay không một lời xin lỗi vị ân nhân đã trở thành bị hại của mình. Một người đàn ông bình thường mà lừa tình để thỏa mãn khoái lạc, tiền bạc như Sở Khanh của Nguyễn Du, Don Juan của Moliere đã bị ngàn đời coi là kẻ đê tiện. Thì Tiết Giao của Nguyễn Diêu, đại tướng của một chính phái mà dùng thủ đoạn lừa tình để chiến thắng trên chính trường thì kẻ ấy đích thị là một kẻ “ngụy quân tử” quá hạ tiện đã đành mà chính phái ấy phải bị coi là một tà phái.

Tất nhiên khi càng khinh ghét Tiết Giao, người đọc, người xem lại càng thương cảm nhân vật Hồ Nguyệt Cô. Là một con cáo sau nghìn năm tu luyện được trở thành người, Nguyệt Cô háo hức muốn nhanh chóng được sống như một con người, khát khao tình yêu gia đình như bao cô gái bình thường khác, nàng đâu biết cuộc đời con người cũng quá nhiều chạm bẫy đang chờ đợi nàng. Cay đắng sao lẫn mắc bẫy đầu tiên cùng là lẫn mất bẫy cuối cùng của nàng ở kiếp người và Nguyễn Diêu đã dành cho nhân vật này một đoạn độc thoại tuyệt hay, có thể nói là hay nhất trong vở:

*Tinh thần đà rũ rượi
Hồn phách lại đê mê
Hơi gió xuân man mác chốn u khuê
Bóng trăng xế mờ màn nơi bạch lãn
Ôi gió tỏa phất phơ vườn hạnh
Sương rây lác đác cành dương
Đã phủi rồi son phấn một trường
Đành trở lại nước non ngàn dặm
Ngàn dặm thẹn cùng non nước
Gấm mơ màng thân trước, thân sau
Dặm hòe một bước một đau
Nhìn xem cảnh cũ ra màu đỏ dang
Ôm lòng hổ với phu lang
Non sông lỗi hẹn cùng chàng trăm năm.*

Nghe và xem đoạn tuồng hết sức xúc động mà tác giả dồn nhiều tâm lực sáng tạo này, không ai có thể nói Nguyễn Diêu kỳ thị Nguyệt Cô, coi nàng là người đàn bà dâm dăng đáng bị trừng trị, một con cáo đáng trở lại kiếp cáo. Khi phải trở lại kiếp cáo, Nguyệt Cô không hề điên loạn như một con thú mà tuyệt vọng, hối hận, đau đớn tận cùng như một con người. Bên trong cái lột thú, Nguyệt Cô vẫn mang một trái tim người, rất người. Rõ ràng ở đây, Nguyễn Diêu đã đứng hẳn về phía người đàn bà si tình mà nhẹ dạ cả tin này. Ông Tú quê mùa bên đầm Thị Nại đã dám nghĩ ngược hẳn lại các định kiến trong lịch sử, văn học chính thống Trung Hoa về nhân vật tai tiếng này.

Khi xem vở tuồng của Nguyễn Diêu, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh, tác giả của những tiểu thuyết nổi tiếng trong văn học hiện đại từng viết về vở tuồng này như sau: *“Chúng ta kinh ngạc không hiểu vì sao một nhà soạn tuồng ở giữa thế kỷ 19 lại có một tác phẩm nghệ thuật táo bạo hiện đại đến thế. Hình tượng nhân vật Nguyệt Cô của ông rất giống nhân vật của ngày nay. Đó là người đàn bà si mê đến cuồng dại. Chỉ vì một chữ tình mà bất chấp chịu mất ngọc, mất cả ngàn năm dày công tu luyện, chỉ vì một chữ tình mà từ kiếp người đã quay trở về kiếp cáo. Nếu tôi nhớ không nhầm thì tôi đã xem trích đoạn “Nguyệt Cô hóa cáo” đã vài chục năm rồi. Hôm ấy có rất nhiều văn nghệ sĩ. Xem xong mọi người đứng cả lên, vỗ tay không dứt. Điều đó làm tôi suy nghĩ mãi. Tôi cứ tự hỏi “Cái gì đã làm cho một vở tuồng cổ lại có sức cuốn hút con người hiện đại đến thế?”. Mà không phải nó chỉ gây nên sự xáo động bình thường. Có thể nói đoạn tuồng có sức lay động đến tận đáy thẳm tâm hồn con người. Có lẽ điều ấy xảy ra vì tác giả đã động tới một vấn đề lớn của con người hiện đại. Đó là sự đam mê. Con người từ xưa vẫn đam mê. Nhưng ở thời hiện đại khi cá nhân được đề cao thì người ta nói nhiều đến đam mê hơn. Trong tình yêu, đam mê biểu lộ sự thuần khiết của tình cảm. Con người đam mê trong trắng không vụ lợi. Những con người đam mê đều là những con người dại khờ. Nhưng tình yêu của họ thì trong trắng vô cùng. Họ không có âm mưu, khi yêu họ dám hiến dâng tất cả. Họ rõ dại như con thiêu thân, lao vào ngọn lửa tình ái. Đam mê rất cần thiết cho cuộc đời, nó làm cho cuộc đời có bao hương sắc lạ lùng. Nhưng nó cũng làm cho con người mất tỉnh táo dễ tan nát cuộc đời (Trích tham luận trong hội thảo về Nhà soạn tuồng Nguyễn Diêu năm 2012).*

Như vậy, sức sống, sức chinh phục bất hủ của vở tuồng của Nguyễn Diêu còn ở điều quan trọng này. Đó là lời nhắc nhở: *Con người hãy sáng suốt hãy cảnh giác trước những đam mê dục vọng của chính mình và cũng cần cảnh giác trước những âm mưu lừa đảo từ những kẻ muốn trục lợi trên những đam mê dục vọng đó.*

Về mặt nghệ thuật, cái lớn nhất cần nói đến trong *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo* ấy là sự cô đúc, một sự cô đúc rất gần với sân khấu hiện đại. Cả tấn bi kịch rất lớn, đầy ám ảnh của con người trước đam mê dục vọng của mình chỉ gói gọn trong vài chục trang viết. Nếu sân khấu hiện đại ngày càng ít lời để dành chỗ cho diễn viên phô diễn nghệ thuật biểu diễn không lời là một sức mạnh lớn của sân khấu thì vở tuồng này của Nguyễn Diêu hết sức hiện đại. Tài nghệ viết tuồng siêu đẳng của Nguyễn Diêu là nghệ thuật tạo ra những khoảng lặng, những hành động ngoài lời. Cái đoạn trích rất ngắn mẫu đọc thoại của Nguyệt Cô sau khi bị Tiết Giao cướp mất ngọc bỏ đi, mình bắt đầu hóa cáo chỉ có ít câu thơ ngắn ngủi thế thôi nhưng đã diễn ra đến gần hai chục phút. Bởi vì sao? Bởi vì mỗi câu đọc thoại mỗi câu hát ở đây đều chứa đầy tính hành động, đều có nhiều lời chưa nói dành cho diễn viên nói ra bằng nghệ thuật biểu diễn của mình. Có thể hiểu vì sao các đoạn tuồng kiểu này rất khó với các diễn viên trung bình nhưng lại là cơ hội cho các diễn viên tài năng tỏa sáng. Bởi thế, vở tuồng này luôn gắn với tên tuổi những nghệ sĩ tuồng kiệt xuất mọi thời nhất là những nghệ sĩ đóng vai Hồ Nguyệt Cô.

N.T.K

“Phở Bằng” của gia đình tôi

SAO LY

Có con cháu ở Sài Gòn, mấy ngày qua, ba má tôi lại thức thỏm khi đây là nơi xuất hiện ca bệnh Covid 19 mới. Loáng thoáng nghe giọng má đang điện hỏi thăm con dâu tình hình công việc, anh trai tôi nhẹ cười, ánh nhìn vợ đầy yêu thương và tự hào, lém lỉnh chen vào: “Ba má yên tâm, nếu xui - thất nghiệp, nhà ta sẽ tin tưởng mở “phở Bằng”...”

“Bằng”, đầy đủ là Lý Hải Bằng - tên chị dâu lớn của chúng tôi, tức là chị Hai. Còn phở, chính là “món tử” của chị. “Phở Bằng” là cách gọi đầy trân trọng, thân thương của anh Hai tôi vinh danh tài bếp núc, món ăn gọi thương gọi nhớ của vợ mình, từ đó cả nhà tôi tâm đắc gọi theo.

“Phở Bằng” là... không thể nào quên, những năm sau cưới chật vật, đôi vợ chồng son gác mọi dự định riêng tư, để dồn sức, thay ba má nuôi cùng lúc 3 đứa em học đại học; và, mỗi đầu tháng khi anh Hai trở về với nét mặt giãn hơn thường ngày, lém lỉnh vỗ vỗ vào chiếc ví có vẻ căng trong túi quần: “Ngay sáng mai, nhà ta sẽ cải thiện với món “phở Bằng”.

Là thiêng liêng và thanh tân những sớm Mồng một, chị Hai lễ phép hỏi ý bà nội, ba má để chuẩn bị bữa sáng đầu tiên của năm, 3 người đều chung “đáp án”: “phở Bằng”. Trước 3 thành viên “to bự” nhất nhà, chị đã không quên dò ý lũ con nít. Cũng “order” món như bà cố, ông bà nội, ngoại chúng, chỉ khác là “phở Bằng” theo cách bọn trẻ gọi được chuyển thành “phở bác Hai”, “phở mẹ Hai”.

Là những khi chị Hai quá tải hay gặp trắc trở, oan ức trong công việc, tan tằm về khóc vui trong vòng tay san sẻ, ấm áp của anh tôi. Vuốt vuốt tóc, vỗ về như với bé Chíp con gái mình, anh đưa ra lời đề nghị, dò hỏi giản dị mà đầy nghiêm túc: “Nếu em không buồn chuyện học hành giỏi giang, thi cử đỗ đạt ra mà làm công việc tay chân vất vả, nếu em vui làm một cô nấu phở, bán phở, anh và cả nhà nội rất ủng hộ, tự hào mở cho em quán “phở Bằng”.

Từ ngày có chị về, bữa ăn nhà quê đạm bạc của gia đình tôi có thêm nhiều món ngon mới, trong ấy, “số dzách” là phở - “phở Bằng”. Chị tôi gốc Bắc, từ nhỏ sống trong Nam, không biết món phở dưới tay chị nghiêng về vùng miền nào. Chỉ chắc nịch một điều là, phở của chị ngon xuất sắc! Bao năm qua vẫn làm cả nhà từ già đến con nít phải hít hà; mỗi thành viên có dịp thưởng thức phở nổi tiếng ở nơi sang trọng nào vẫn cảm thấy không thể ngon bằng.

Chị Hai nấu ngon cả phở bò, phở gà ta và phở xương heo. Chị còn bảo, phở chị thắng hoa nhất là khi được nấu trong gian bếp củi của nhà chồng, với thịt bò cỏ, thịt heo sề, thịt gà ta nuôi kiểu quê, với giá má gieo, quế, xà lách, hành, ngò, chanh... ngoài vườn ba trồng. Những lời thơm thảo ấy của Hai tôi rất chân tình, không một chút “lấy lòng”. Cái ngon của phở được thêm lên nhờ vị thịt cỏ chợ quê, rau không chất hóa học vườn nhà, hợp lý lắm chứ. Bên cạnh đó, có vẻ như, với nguyên vật liệu tươi roi rói sẵn có trong vườn nhà, nấu phở, dầu sôi to đùng, ninh liu riu mất vài tiếng đồng hồ, cho cả hơn mười người ăn, với chị là việc rất tao nhã, đầy thích thú, thông dong. Như một nhu cầu, khoảng lặng thư giãn sau những tháng dài sống ở thành phố. Chẳng thế mà, khi những đứa em gái chồng thương chị dâu vất vả, lật đật đến phụ, chị cười lắc đầu. Trong nắng ban mai, nhìn chị thích thú giũ giá, lật rau, kiên nhẫn ngồi hàng giờ canh lửa, vớt bọt, ninh nổi nước phở đang tỏa hương ngào ngạt, tôi hiểu chị từ lâu đã là người thân trọn vẹn trong gia đình chồng.

Thấy mấy đứa em gái xoắn xuýt quanh chị, ba đi qua đi lại không quên nhắc: “Các khâu ngoài như rửa rau, chuẩn bị ớt, chanh... thôi, đừng có mà “phụ bậy”, bày đặt nêm nếm làm giảm thương hiệu “phở Bằng” là ba cất khẩu phần!”. Tâm đắc món của chị, đám em dâu, em gái chồng cũng tập tành nấu phở. Tùy sở thích của chồng, con mà vị có chút khác đi. Không khí những bữa ăn đoàn viên rộn ràng hơn khi xuất hiện ngày càng nhiều “phở Bằng phiên bản Thủy”, “phở Bằng phiên bản Loan”, “phở Bằng phiên bản Ngân”... , song “phở Bằng” chính gốc vẫn chiếm vị trí thượng hạng trong lòng mọi người trong nhà.

Ăn uống nhà quê nghèo có khi lười - dọn đại dưới nền nhà, cắm cúi, ai rảnh ăn trước, người dở tay ăn sau. Nhưng khi ăn “phở Bằng” thì nhứt định phải lên mâm lên bát, ngồi bàn đàng hoàng và đông đủ, cùng ăn. Tươi tất, nề nếp và quây quần, ấm cúng, bà nội bảo, chẳng phải cầu kỳ, mà để “đúng lễ” với món ăn quốc hồn quốc túy và với tình cảm của chị.

“Phở Bằng” của gia đình tôi ngon cực phẩm, để thương gợi nhớ, người nấu hạnh phúc trao tặng, người ăn trân trọng đón nhận, thưởng thức. Ở đó, phở còn được nấu bởi gia vị đặc biệt của tình yêu thương.

S.L

Trong lặng im những mùi...

NGUYỄN CHÍ NGOAN

Tôi vẫn nhớ con đường về ngập nắng, tưởng như mình đâu bỏ tất cả để ra đi. Ngày qua ngày, tháng qua tháng cứ như chưa từng chạm đến nỗi buồn, mùa vội vã ùa vào cuốn đi tất cả. Tôi bước trên triển đề lộng gió, nghe hương vị quê nhà cứ dậy lên trong sóng mũi. Để tôi quên đi một thời chỉ biết bầu vú mỗi tình yêu...

Dắt nhau về lối nhỏ, tôi vẫn nhớ mùi dầu khuynh diệp của nội giữa trưa lặng gió. Mùi của trâu cau cứ dậy lên theo từng tiếng vồng đung đưa mà đã có lần nội nhắc, thấy Tây nó góm ghê không dám lại gần nên nội mới sống được rồi mới để ra thằng cha của mày đó. Nội cười hể hể rồi ngó lên bàn thờ nhìn di ảnh của cô út đầm đìa nước mắt, phải chi cô út mày biết ăn trâu thì đâu bị thằng Tây nó... Nội buông tiếng thở dài tay vẫn không ngơi nhịp vồng...

Những mùi hương ấy thơm cả giấc mơ tôi. Nó như trói tôi lại giữa những dấu yêu thời tuổi nhỏ. Mùi chai rượu xoa bóp của ông cứ miên man đuổi theo tôi trong từng nếp nghĩ. Cái mùi khó chịu mà ông thường bảo tôi tránh đi mỗi khi ông bắt đầu tha vào cánh tay khi nó đã mỗi nừ, vào đôi bàn chân đã bắt đầu chùn lại... Để tôi cứ tưởng ông giấu tôi uống một mình. Đến khi tôi thấy mặt đỏ bừng, chân nọ xọ chân kia, đầu đau như búa bổ cũng là lúc chai rượu xoa bóp của ông vơi đi một nửa. Mùi hương ấy cứ vấn vít trong tôi mãi đến tận sau này. Mái nhà tranh vách lá, có hàng dừa xanh bắt cái vồng tòn ten với chiếc ra-đi-ô rè rè đổ xuống tiếng hát nghệ sĩ Thanh Nga nghe mùi ác chiến, mùi hương của tách trà đun bằng chén nước mưa ngòn ngọt, thấm vào đầu lưỡi. Nhấp ngụm trà, nội nằm gác kèo ong ca vọng cổ rồi bỏ bộ y như mấy anh kếp trong đoàn hát Hương Tràm...

Hít một hơi thật sâu. Mùi thuốc rê, giấy quuyến mà ba vẫn để trong cái nón kết cứ phảng phất theo từng nhịp thở. Mùi thuốc hanh nồng giữa khuya ba thức dậy ém mừng cho những đứa con gác chân làm rơi xuống. Là những vòng khói trắng giữa đêm khi ba nghe tin đài báo bão, là lúc ba đọc đi đọc lại lá thư anh Tư học ở Sài Gòn gởi về xin tiền đóng học phí.

Tôi thêm được ăn trái ổi chua, trái bần chua từ túi áo của ba mỗi khi đi đồng về. Mùi vị ấy, tôi đã rong ruổi kiếm tìm suốt những tháng ngày ở phố. Và bỗng nhận ra chỉ nhà mới có...

Đã có lúc tôi thấy mình khóc cười no nê với cuộc đời. Tôi chỉ muốn chạy về nhà, được nép sau áo má, để thấy mình còn lằm dại khờ, để được cuộn vào mái tóc có hương bồ kết thơm nồng của má, để được má vỗ về, cha mày lớn tồng ngồng rồi con nhõng nhẽo, bộ bậy tính ở với má hoài hả.

Má ngồi cời bếp lửa. Má bảo, bây chạy ra sau hái mớ bông súng chấm mắm kho, hủ mắm cá lóc má chao thính rồi, đợi bây về má mới dám dỡ. Tôi bước ra vườn, đôi mắt đỏ hoe, ngược mặt lên nhìn vòm trời quê yên bình có lọn khói phả lên từ gian bếp của má. Tôi thấy mình dù có đi trăm núi nghìn sông cũng chưa thể nào hiểu hết tấm lòng của má. Mùi mắm kho thơm lừng, mùi của quê hương xứ sở. Mùi mà đã có lần má mang lên phòng trọ bị bà chủ la, mùi của má con thằng nhà quê. Má cười hề hề, mùi hôi vậy chứ ăn là ghiền. Chị lấy ít ăn thử, dưới quê tôi cái này là đặc sản đó. Để mỗi lần gom tiền trọ, bà chủ lại bớt chút tiền điện, tiền nước rồi nhắc, má con gọi mắm lên chưa.

Bạn nhắn tin hỏi khi nào lên thành phố. Tôi bảo, tao chưa hít được mùi thum thum cá khô của má, chưa ngủi được mùi khét nắng của thằng em trai, tao chưa muốn rời đi. Bạn kêu trời, thơm tho gì mà đòi ngủi cho bằng được. Thì đành. Ai biểu quên sao được khi đã là thương, là nhớ. Từng dòng kí tự bạn nhắn cứ dày lên, có thể chữ nghĩa không làm bạn xa lạ. Mà nó làm con người xa nhau, lia nhau mà chẳng biết phải bắt đầu từ đâu?

Thằng em nó rù rì, trên thành phố sướng lắm hả anh. Đâu như dưới quê mình. Buồn thiù buồn thiù. Tôi cười, ờ thì buồn mà đi xa lại nhớ...

Bạn nó dắt tôi đi bắt hôi, cái thằng đúng là tay sát cá, tay nó thoăn thoắt bắt bao nhiêu là cá. Chợt thấy chạnh lòng, đã có thời tôi như thế, chẳng lạ lẫm gì với con cá lóc bông, con cá sặc bươm, con rắn nước... Giờ lại thấy nhọc nhằn cầm nắm con cá, con tôm. Nhấn chân mình vào đất. Mùi ngai ngái của đất, mùi phân trâu nhão nhượi trong bùn, mùi hoa dại bung nở bên đường. Những mùi hương của con đường về cuối gió.

Lối dẫn vào nhà. Cây dừa lửa ngày nào cao bằng tầm tay giờ đã sai trĩu quả. Xoắn ống quần, tôi leo tọt lên cây dừa trong tròng pháo tay của thằng Đục. Uống nước dừa phải uống ở dưới gốc cây dừa mới ngon. Thằng Đục tiện tay bẻ ống sậy làm ống hút cắm vào trái dừa mà "kéo" rồn rột. Tôi uống trái dừa quê giữa chiều im ắng. Gian nhà nhỏ ba gian "trước cau sau chuối" vọng tiếng má gọi, tụi bây vào dọn cơm tiếp má. Mâm cơm nhà quê có chén nước mắm đại gia đình chấm chung, có tô canh tập tàng ngọt lịm, có mùi rượu đế hăng hăng của nội và ba. Và ở đó có những nụ cười không gượng gạo mỗi mê.

Tôi thấy mình trưởng thành sau mỗi chuyến đi xa. Đã đủ khả dĩ để khát khao hình bóng quê nhà. Đã biết được chẳng nơi nào bằng ở nhà, rằng mọi yêu thương ngoài kia đều có giới hạn của nó. Và hương vị quê nhà vẫn hiện lên trong từng nếp nghĩ, nó chẳng bao giờ đứng lẫn vào đâu, dấu cho đời tôi đã lớn. Cho nên tôi vẫn về để được sống trong những mùi hương ấy, mùi hương chẳng đâu có được. Mùi của nơi tôi gọi là: Nhà...

N.C.N

Chào tháng Tư

Thơ: Phạm Hồng Giang

Nhạc: Thế Tuyên

Vừa phải - tin yêu ♩ = 75

Em hãy về nhặt hạt nắng tháng Tư Để câu ca thôi chần chờ trần
trở Vườn nhà bên hoa loa kèn hé nở Trắng tinh
khôi như nổi nhớ hôm nào Em hãy về để Hạ khỏi ước ao
Câu ca rơi lạc vào chiếu hò hẹn Lời thì thầm nói ra còn ứ nghẹn
Mắt liếc nhìn lên lên lúc chia ly Em hãy về kéo Xuân nở bỏ
đi Nắng mỏng manh níu kéo gì với với Có phải chăng tại em còn nghĩ ngợi
Nên Hạ buồn chờ đợi đến nôn nao Em hãy về tháng Tư nắng xôn
xao Ánh mắt ai lạc vào tim bối rối Ta đã qua cái thời đầy nông
nổi Sao vẫn còn hờn dỗi với tình si

Fine

Hoài niệm miền kinh đô

Nhạc và lời: Vũ Thành

Ngày ấy bên dòng sông Trường Thi tôi nghe câu hò ngọt
 Ngày ấy tôi thường nghe mẹ ru câu ca quê mình bài

ngào cả bến quê Ngày ấy bến My Lăng ông lái đò đợi khách suốt bao trăng
 chồi sao xón xang Ngày ấy tiếng leng keng trưa, sớm, chiều ngựa hí bên Nhon An

Ôi câu hò sâu nặng lòng tôi Cả cuộc đời đi xa mãi nhớ
 Ôi mai vàng nở rộ ngày xuân Ly rượu nồng quê tôi Bàu Đá

Nhớ lắm con đò Nhớ lắm câu hò quê mình mà thương Ai về Tháp Tháp, Cánh
 Nhớ tiếng ai cười Nghe tiếng nẫu gọi nao lòng niềm riêng "Ai về Đập Đá quê

Tiên Còn nghe vang vọng tiếng chuông ban chiếu Tháp cổ rêu phong thành xưa ảo huyền
 cha, Gò Găng quê mẹ, Phủ Đa quê chồng" Văng vẳng bên sông lời ru của mẹ

Thời... gian dần... trời Mạc cho giông tố nắng mưa Tháp nghiêng soi bóng mãi
 Ấu... ơi! Ấu... ở "Một mai ai chớ bỏ ai Chỉ thù nên gấm sắt

cùng nhân gian Nay tôi trở về tìm lại đất kinh đô Bến cũ Thành
 mãi nên kim".

xưa giờ còn trong kỷ niệm Còn lại trong tôi lời ru ngày ấy Còn lại trong

tôi dòng sông vẫn dòng đây Coda Còn lại trong tôi tình quê hương mãi ngọt ngào. Rall...

* Hội nghị trực tuyến sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15.5.2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” do Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định tổ chức, diễn ra vào sáng ngày 23.4.2021 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh (01 Nguyễn Tất Thành, TP. Quy Nhơn) và các điểm cầu tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.



Đồng chí Hồ Quốc Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Phi Long, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo gương Bác. Ảnh: P.V

Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, Chỉ thị số 15-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XIX), Bình Định đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo, đem lại hiệu quả thiết thực. Tinh thần trách nhiệm đối với công việc, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được nâng lên; tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái trong cộng đồng được phát huy, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Hội nghị đã tập trung thảo luận, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, những bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện, những kiến nghị các cấp ngành Trung ương; đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả Chỉ thị 05 trong thời gian tới.

Tại Hội nghị, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 19 tập thể, 20 cá nhân và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 2 tập thể, 3 cá nhân có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2016-2021.

* Trong hai ngày 10 và 11.4, Hội VHNT Bình Định phối hợp cùng Hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Bình Định tổ chức chuyến thực tế sáng tác và giao lưu văn hóa văn nghệ tại huyện Vĩnh Thạnh. Gần 40 hội viên thuộc hai Hội đã tham quan các di tích, danh thắng của Vĩnh Thạnh nhằm tìm hiểu đời sống, hoạt động sản xuất, văn hóa truyền thống của người dân địa phương, thu thập tư liệu sáng tác tác phẩm. Tối ngày 10.4, tại Nhà văn hóa thôn Hà Ri, đoàn đã có buổi giao lưu văn hóa văn nghệ với nhân dân địa phương. Dịp này, Hội VHNT và Hội Nhà báo tặng 10 suất quà (trị giá 500.000đ/ suất) cho học sinh nghèo dân tộc Bana vượt khó học giỏi; tặng sách báo, văn hóa phẩm cho Nhà văn hóa thôn Hà Ri và xã Vĩnh Hiệp.

* Trại sáng tác VHNT trẻ Bình Định 2021 do Hội VHNT Bình Định phối hợp với TT Hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh tổ chức, sẽ diễn ra từ 13-18.8.2021 tại TP. Quy Nhơn. 20 tác giả trẻ (tuổi đời không quá 35) có năng khiếu sáng tác Văn học, Âm nhạc, Mỹ thuật được tuyển chọn từ các địa phương trong tỉnh sẽ tham gia trại sáng tác. Các thành viên sẽ được giao

lưu, học hỏi kinh nghiệm sáng tác từ các văn nghệ sĩ thuộc Hội VHNT Bình Định, được thâm nhập thực tế (tại huyện Phù Cát và TP. Quy Nhơn) để có thêm vốn sống và dành thời gian sáng tác tác phẩm. Đây là lần thứ VII Hội VHNT Bình Định phối hợp với TT Hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh tổ chức trại sáng tác nhằm phát hiện, bồi dưỡng những cây bút trẻ triển vọng.

* *Kỹ năng chụp ảnh báo chí hiện đại* là nội dung khóa tập huấn do Hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Bình Định phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí (Hội Nhà báo Việt Nam) tổ chức, diễn ra từ ngày 05-07.4.2021 tại TP. Quy Nhơn. Hơn 50 phóng viên, biên tập viên, chuyên viên Bản tin nội bộ và hội viên CLB Ảnh báo chí đã được nhà báo Nguyễn Hoài Linh,



Nhà báo Nguyễn Hoài Linh chia sẻ kỹ năng chụp ảnh báo chí hiện đại Ảnh: S.P

nguyên Trưởng phòng ảnh kiêm BTV ảnh Báo Tuổi Trẻ hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản của nhiếp ảnh; tìm hiểu bố cục, ánh sáng và nội dung tác phẩm ảnh báo chí; kỹ năng biên tập, xử lý ảnh; cách phát hiện, tiếp cận đề tài; thực hiện phóng sự ảnh... Kết thúc khóa học, các học viên được cấp chứng chỉ của TT bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí Hội Nhà báo Việt Nam.

* Nhà thơ Mai Thìn (Phó Chủ tịch Hội VHNT Bình Định, Phó Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Bình Định) đạt giải Khuyến khích cuộc thi thơ (2019-2020) do báo Văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam) tổ chức với chùm 3 tác phẩm: *Tạ lỗi với mây xanh*, *Ngược sông Lô*, *Hoa phượng ở nghĩa trang Trường Sơn*.



Nhà thơ Mai Thìn (thứ 2 từ phải sang) nhận giải cuộc thi thơ Báo Văn nghệ. Ảnh: Đ.T.S

Qua 2 năm phát động (15.6.2019 - 31.12.2020), cuộc thi thơ của báo Văn nghệ đã nhận được hàng vạn tác phẩm của 3.541 tác giả trong và ngoài nước tham dự. Ban tổ chức đã chọn 17 tác giả vào chung khảo và trao giải thưởng cho 12 tác giả, gồm: 2 giải Nhì (không có giải Nhất), 4 giải Ba và 6 giải Khuyến khích. Lễ tổng kết và trao giải cuộc thi diễn ra vào sáng ngày 09.4 tại Hà Nội.

* Giải thưởng sáng tác truyện đồng thoại ENEOS & MOGU “Đóa hoa đồng thoại” lần thứ IV, 2021 do Công ty TNHH JXEV, Công ty TNHH More Production Việt Nam, Báo điện tử Tổ quốc, NXB Kim Đồng tổ chức, gồm 3 hạng mục: Tự do - thí sinh thuộc mọi lứa tuổi; Trung học cơ sở - học sinh các trường THCS trên toàn quốc; Tiểu học - học sinh các trường tiểu học trên toàn quốc. Tác giả tham gia cuộc thi gửi tác phẩm truyện ngắn có nội dung

dành cho thiếu nhi qua website: doahoadongthoai.vn, email: doahoadongthoai@gmail.com trước ngày 31.5.2021. Các tác phẩm đoạt giải được dịch sang tiếng Nhật, in ấn và phát hành toàn quốc dưới dạng tuyển tập song ngữ Việt - Nhật.

* Cuộc thi ảnh Nghệ thuật Quốc tế lần thứ 11 tại Việt Nam năm 2021 (VN21) do Hội NSNA Việt Nam (VAPA) tổ chức, với sự bảo trợ của FIAP, PSA và ISF dành cho các nhà nhiếp ảnh trên toàn thế giới với 4 đề tài gồm: "Tự do cho ảnh màu"; "Tự do cho ảnh đơn sắc"; "Ảnh du lịch" (cả màu và đơn sắc) và "Chân dung" (cả màu và đơn sắc). Ảnh dự thi dưới dạng kỹ thuật số, chưa từng đạt giải hoặc trưng bày triển lãm ở các cuộc thi quốc tế có ký hiệu VN hoặc cuộc thi do Hội NSNA Việt Nam tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tại Việt Nam. Mỗi tác giả được gửi tối đa 4 ảnh cho mỗi đề tài, gửi ảnh trực tiếp tại website: www.contestvn.com trước 23 giờ 59 phút ngày 31.7.2021.

* Festival Nhiếp ảnh trẻ năm 2021 do Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm phối hợp với TƯ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức, dành cho các tác giả người Việt Nam từ 18-35 tuổi. Ảnh dự thi bao gồm 2 thể loại: Ảnh hiện thực và ảnh ý tưởng (ảnh đơn hoặc ảnh bộ, ảnh màu hoặc ảnh đen trắng), được sáng tác trong hai năm 2020 và 2021, phản ánh cuộc sống đương đại, con người, văn hóa, phong cảnh, thiên nhiên, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam... Mỗi tác giả tham dự không quá 10 tác phẩm, gửi ảnh trực tiếp tại website: festivalnhiepanhtrẻ2021.com trước ngày 01.7.2021. Dự kiến tổng số giải thưởng gồm 19 giải, có 2 huy chương vàng, 3 huy chương bạc, 5 huy chương đồng, 9 giải khuyến khích.

P.V

HỢP THƯ

Trong thời gian qua (16.01.2021 - 15.3.2020), Tòa soạn tạp chí Văn nghệ Bình Định đã nhận được tác phẩm văn học, nghệ thuật của các bạn gửi cộng tác:

Nguyễn Đức, Hồng Phúc, Duyên An, Phạm Văn Phương, Trương Thị Thúy, Võ Ngọc Thọ, Lê Ân, Lê Thu, Nguyễn Thường Kham, Thúy Hương, Tuệ Mỹ, Nguyễn Đình Thu, Trần Minh Nguyệt, Lê Hứa Huyền Trân, Hợp Lê, Nguyễn Văn Bút, Trần Thanh Liêm, Phạm Văn Hiến, Bùi Tấn Phước (Bình Định); Y Nguyên, Nguyễn Văn Hòa (Phú Yên); Trần Xuân Thụy, Võ Hoàng Nam, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường, Nguyễn Thanh Bình, Duy Hoàn (Khánh Hòa); Võ Hoàng Minh, Lê Thanh Hùng, Quách Thái Di (Bình Thuận); Nguyễn Nguyễn Phương (Đồng Nai); Trần Phan Đình Lăng (Bình Dương); Huỳnh Gia, Tịnh Bình (Tây Ninh); Chu Giang Phong, Nguyễn Toàn (Gia Lai); Nguyễn Thị Như Ý, Hoàng Khánh Duy (Cần Thơ); Nguyễn Minh Thuận, Nguyễn Tuyết Quyên, Thùy Như (Bạc Liêu); Trần Thái Học (Bến Tre); Lê Văn Trường (Sóc Trăng); Huỳnh Thị Quỳnh Nga (Tiền Giang); Huỳnh Thị Mộng Tuyền, Huỳnh Thị Kim Cương, Trần Thương Tĩnh, Trương Anh Sáng, Nguyễn Chí Ngoan (Kiên Giang); Trần Thanh Tuấn (Trà Vinh); Diệp Linh (Long An); Nguyễn Anh Mỹ (Hậu Giang); Nguyễn Kim (Tiền Giang); Trần Đức Tín, Thanh Trắc Nguyễn Văn, Nguyễn Thanh Vũ, Nguyễn Hoàng Duy, Kha ly Châm, Lê Thị Ngọc Nữ, Nguyễn An Bình, Đặng Trung Thành, Nguyễn Phương Điền, Nguyễn Thánh Ngã (TP.HCM); Sơn Trần, Phạm Tiến Vỹ (Quảng Ngãi); Huỳnh Minh Tâm, Phan Thị Hải Diệu, Nguyễn Tấn Ái (Quảng Nam); Nguyễn Thị Thu Hiền, Trương Thị Kim Thủy (Đà Nẵng); Triệu Nguyễn Phong (Huế); Hồ Ngọc Diệp, Nguyễn Đại Duẩn, Hoàng Thụy Anh (Quảng Bình); Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị); Nguyễn Doãn Việt, Nguyễn Ngọc Phú (Hà Tĩnh); Nguyễn Quỳnh Anh, Mai Văn Thủy, Nguyễn Văn Việt, Nguyễn Thị Bình (Ninh Bình); Nguyễn Chí Diễm (Bắc Giang); Vũ Thị Huyền Trang (Phú Thọ); Nguyễn Tường Thuật (Thái Bình); Dương Thắng (Hải Phòng); Vũ Tuyết Nhung (Thanh Hóa); Hoa Phù Sa (Hòa Bình); Vũ Thúy (Yên Bái); Nguyễn Anh Đào (Thái Nguyên); Nguyễn Anh Hùng, Cao Văn Quyền, Tăng Hoàng Phi, Đào Thanh Tùng, Chung Tiến Lực, Cao Thơm, Lưu Tuyết Minh (Hà Nội)...

Tòa soạn tạp chí Văn nghệ Bình Định xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của các bạn. Nếu tác phẩm được chọn đăng trên tạp chí, biên tập viên từng chuyên mục sẽ liên lạc trực tiếp với các bạn qua địa chỉ email hoặc điện thoại.

Rất mong sự cộng tác tích cực của các bạn.